

BÁO CÁO

Về tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Kính gửi: Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường Quốc hội

Thực hiện đề nghị của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường Quốc hội tại Công văn số 526/UBKHCMNT15 ngày 04/4/2022 về việc xây dựng báo cáo phục vụ giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ”, UBND tỉnh Bình Định kính báo Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường Quốc hội các nội dung cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHÂN BỐ, SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1. Kết quả ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật

1.1. Các chính sách, văn của Trung ương

Luật khoa học và công nghệ năm 2013;

Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Thông tư số 19/2013/TT-BKHHCN ngày 15/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm;

Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung chi và quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; quỹ ngoài ngân sách nhà nước;

Thông tư số 01/2017/TT-BKH-CN ngày 12/01/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 của Bộ Tài chính quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ;

Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

1.2. Các văn bản hướng dẫn của địa phương

Trên cơ sở các quy định tại các chính sách của các bộ, ngành Trung ương, các sở ngành đã tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành các chính sách tại địa phương phù hợp với nguồn lực hiện có và tình hình thực tế của địa phương để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cụ thể như sau:

Quyết định số 83/2017/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh Bình Định quy định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; các nội dung liên quan đến lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định mức chi hoạt động tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng trên địa bàn tỉnh;

Quyết định số 63/2020/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy chế quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Quyết định số 42/2020/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 của UBND tỉnh Bình Định ban hành một số mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh;

Quyết định số 50/2020/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Quyết định số 90/2020/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định về một số nội dung chi và mức chi từ ngân sách nhà nước để xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản trang bị khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

1.3. Đánh giá chung về các văn bản

Nhìn chung, các văn bản ban hành phù hợp và kịp thời thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ trong tình hình mới, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Các Thông tư và văn bản hướng dẫn trong lĩnh vực khoa học và công nghệ (KH&CN) đều được hướng dẫn cụ thể, rõ ràng. Quy định các khoản chi, mức chi cụ thể để địa phương căn cứ tình hình thực tế và nguồn lực nhằm xây dựng mức chi phù hợp.

2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Tuy nhiên đối với các chính sách trong lĩnh vực KH&CN vẫn còn một số quy định tại các Văn bản quy phạm pháp luật ban hành có vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện, cụ thể như sau:

2.1. Về xây dựng định mức chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN của liên Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ; theo đó, chi phí tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hệ số cụ thể của từng thành viên. Việc thay đổi này so với trước đây (tính theo chuyên đề) nâng cao tính tự chủ, trách nhiệm cho Hội đồng. Tuy nhiên, để tính số ngày công thực hiện cho từng công việc nghiên cứu trong các nhiệm vụ KH&CN thì không có quy định cụ thể để tính toán. Vì không có quy định, mức không chế, so sánh, đối chiếu cụ thể nên việc xác định số lượng công cụ thể cho từng nội dung thực hiện gặp nhiều khó khăn, dẫn đến khi thẩm định kinh phí, phần lớn thống nhất với ý kiến của Hội đồng chuyên môn; việc xác định số lượng công của từng thành viên nghiên cứu cho từng nội dung công việc đôi khi xác định theo cảm tính vì không có cơ sở xác định.

2.2. Quỹ Phát triển KH&CN là tổ chức có chức năng và nhiệm vụ cho vay ưu đãi thực hiện các nhiệm vụ, dự án KH&CN theo quy định. Tuy nhiên, mức lãi suất quy định bằng lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước được Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định trong từng thời kỳ nhưng hiện mức lãi suất này còn quá cao; không linh hoạt theo lãi suất của các tổ chức tín dụng cho nên hoạt động cho

vay tại Quỹ phát triển KH&CN không thu hút được các dự án KH&CN trên địa bàn tỉnh.

2.3. Căn cứ Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”; theo đó, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là đối tượng được hưởng các chính sách của Nhà nước tại Thông tư số 45/2019/TT-BTC. Tuy nhiên, tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 01/2018/TT-BKHCN ngày 12/4/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định “*Doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có thời gian hoạt động không quá 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu*”. Để đảm bảo tiêu chí này thì quá khó cho một đơn vị thành lập không quá 5 năm, đồng thời các tiêu chí như “*có khả năng tăng trưởng nhanh*”; “*mô hình kinh doanh mới*” rất là khó để xác định khi thực hiện. Để các cơ quan quản lý Nhà nước xác định đúng đối tượng, thực hiện hỗ trợ kinh phí, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng tiêu chí cụ thể đối với *Doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo*.

2.4. Trung ương chưa ban hành chính sách cụ thể về chuyển giao công nghệ đối với những kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thực hiện bằng ngân sách nhà nước vào sản xuất kinh doanh và trong cuộc sống xã hội.

2.5. Chưa có văn bản hướng dẫn và các định mức kinh tế - kỹ thuật cụ thể về dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động KH&CN.

II. TÌNH HÌNH PHÂN BỐ, SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Tình hình chung

Các hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đã đạt được những kết quả tích cực. Các kết quả nghiên cứu, ứng dụng phần lớn được triển khai, nhân rộng trong sản xuất và đời sống, góp phần vào việc nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, nâng cao hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.1. Phát triển tiềm lực KH&CN

* Đánh giá tình hình hoạt động của các đơn vị sự nghiệp KH&CN; tình hình thực hiện tự chủ Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ:

Trên địa bàn tỉnh Bình Định hiện có 05 đơn vị sự nghiệp thực hiện tự chủ theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP (trong đó có 03 đơn vị trực thuộc Sở KH&CN, 02 đơn vị trực thuộc tỉnh là: Quỹ phát triển KH&CN và Viện nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội). Cả 05 đơn vị này trong giai đoạn 2016-2020 đều đã được

UBND tỉnh phê duyệt phương án tự chủ thời gian ổn định trong 03 năm theo Nghị định 54/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Mức độ tự chủ: chưa có đơn vị nào tự đảm bảo chi thường xuyên và trong đó có 02 đơn vị là: Viện nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội và Trung tâm Khám phá Khoa học là đơn vị Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

Mặc dù chính sách mới về tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp KH&CN được kỳ vọng sẽ giải quyết được các bất cập tồn tại, tạo động lực cho các tổ chức KH&CN công lập phát triển. Tuy nhiên, do chức năng, nhiệm vụ của mỗi đơn vị khác nhau nên một số đơn vị đang trong giai đoạn nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm để tạo ra nguồn thu sự nghiệp, một số đơn vị hoạt động nghiên cứu khoa học các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế, xã hội, lĩnh vực về sở hữu trí tuệ (là dịch vụ đăng ký bảo hộ các nhãn hiệu) rất khó khăn để tăng trưởng nguồn thu, do vậy nguồn thu sự nghiệp chưa đảm bảo hoạt động của đơn vị để tăng mức độ tự chủ.

1.2. Phát triển doanh nghiệp khoa học và thị trường KH&CN

* Hoạt động, hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp công nghệ cao; hình thành và phát triển các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN; phát triển thị trường KH&CN; các hoạt động chợ công nghệ và thiết bị, kết nối cung cầu, sàn giao dịch công nghệ đã thực hiện đạt được một số kết quả như:

Xây dựng “Kế hoạch phát triển, nâng cao năng lực hệ thống các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, phát triển mạnh mẽ thị trường khoa học và công nghệ phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4” trình UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1272/2019/QĐ-UBND ngày 11/4/2019;

Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trình UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 830/QĐ-UBND ngày 18/3/2019;

Xây dựng Quy chế “Quản lý Chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh” theo Quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 trình UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 17/4/2019;

Triển khai xây dựng đề án hình thành Trung tâm ươm tạo công nghệ cao tỉnh Bình Định; tổ chức cung cấp thông tin về dây chuyền công nghệ nhập khẩu và dây chuyền, công nghệ của Việt Nam trong xử lý chất thải rắn đang vận hành tại tỉnh Bình Định theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Hướng dẫn, thẩm định hồ sơ và cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN cho 04 doanh nghiệp là: Công ty TNHH ứng dụng và triển khai phần mềm Lihanet, Công ty TNHH giống gia cầm Minh Dự, Công ty Cổ phần Dừa Sinh học Việt Nam, Công ty TNHH giải pháp phần mềm Tường Minh Bình Định.

2. Về chi đầu tư phát triển KH&CN

(Chi tiết tại phụ lục 1, 2, 3 đính kèm)

3. Chi cho sự nghiệp KH&CN

(Chi tiết tại phụ lục 1, 3 đính kèm)

4. Đánh giá chung về phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ

- Thực hiện chính sách về khoa học và công nghệ cùng sự chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh; các đơn vị thực hiện nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh nhìn chung đã thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ được giao giai đoạn 2016 - 2020.

- Về ưu tiên, bố trí kinh phí: Hằng năm, trên cơ sở kinh phí sự nghiệp KH&CN được Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ giao, Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị thực hiện nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh tham mưu, đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí cho KH&CN đảm bảo không thấp hơn tổng mức kinh phí đã được Trung ương giao cho tỉnh, nhằm tạo điều kiện cho các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh.

- Căn cứ Nghị định 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với nhiệm vụ KH&CN, bắt đầu từ năm 2016 đến nay đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh việc xét chọn, tuyển chọn, đánh giá, nghiệm thu là nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ; Quỹ Phát triển KH&CN tỉnh Bình Định được UBND tỉnh giao nhiệm vụ cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

- Các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt khi triển khai thực hiện thì đối với phần chi từ ngân sách nhà nước hàng năm bố trí đảm bảo kinh phí theo tiến độ thời gian, tạo điều kiện cho các đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện.

- Việc xây dựng, phân bổ và cấp kinh phí cho các nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Trung ương cũng như địa phương đã ban hành.

- Việc giao quyền tự chủ tài chính cho các tổ chức KH&CN đã tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao; phát triển nguồn thu, từ đó góp phần chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập.

III. KẾT QUẢ CHỦ YẾU CỦA VIỆC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Các kết quả nghiên cứu, ứng dụng nổi bật thể hiện trong các lĩnh vực khoa học sau đây:

1. Lĩnh vực Khoa học kỹ thuật và công nghệ

* Đề tài: “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ GIS trong công tác quản lý hạ tầng Bưu chính - Viễn thông trên địa bàn tỉnh Bình Định” đạt hiệu quả kinh tế - xã hội như sau:

- Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin địa lý phục vụ quản lý hạ tầng BCVT trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Xây dựng phần mềm quản lý và khai thác dữ liệu hạ tầng BCVT gắn với WEBGIS.

- Cơ sở dữ liệu hệ thống hạ tầng BCVT trên bản đồ nền tỷ lệ 1/50.000 toàn tỉnh Bình Định; Phần mềm quản lý và khai thác dữ liệu hạ tầng BCVT gắn với WEBGIS (Hiện nay đã triển khai đưa vào sử dụng tại địa chỉ vienthong.binhdingh.gov.vn); Báo cáo thực trạng tình hình phát triển hạ tầng BCVT và đề xuất các giải pháp quản lý hạ tầng BCVT.

2. Lĩnh vực Khoa học y dược

* Đề tài: “Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật Gil-Vernet cải tiến lấy sỏi san hô thận” đạt hiệu quả kinh tế - xã hội như sau:

- Kết quả ứng dụng kỹ thuật Gil-Vernet cải tiến trong phẫu thuật lấy sỏi san hô thận:

+ Kỹ thuật Gil-Vernet cải tiến thuận lợi khi sỏi san hô với bề thận trung gian hay phần lớn ngoài xoang, có thể kiểm soát và lấy được các sỏi nhỏ ở đài giữa và đài trên, tuy nhiên với bề thận phần lớn trong xoang thì việc lấy sỏi gặp nhiều khó khăn;

+ Kết quả phẫu thuật: Tỷ lệ sót sỏi là 20,6% trong khi tỷ lệ sỏi san hô và nhiều viên chiếm 94,1%; Rách lớn bề thận: 2,9%; Chảy máu nặng trong mổ: 14,7% với tỷ lệ truyền máu trong mổ: 2,9%; Cắt thận ngoài ý muốn: 2,9% và viêm thận - bề thận cấp sau mổ: 2,9%.

- Đề xuất quy trình kỹ thuật phẫu thuật lấy sỏi san hô thận theo kỹ thuật Gil-Vernet cải tiến.

* Dự án “Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ để sản xuất một số thuốc dùng điều trị ung thư”, đến nay Bidiphar (Công ty Cổ phần Dược và trang thiết bị y tế Bình Định - Cơ quan chủ trì nhiệm vụ) đã sản xuất được các thiết bị hỗ trợ, các chủng thuốc điều trị ung thư có dược chất tương đương với sản phẩm nhập ngoại, giá thành thấp hơn; đã hoàn thiện công nghệ sản xuất 10 loại thuốc tiêm đông khô điều trị ung thư quy mô công nghiệp như: Fluorouracil (250mg, 500mg); thuốc tiêm Docetaxel (20mg, 80mg); Paclitaxel (30mg, 100mg); Etoposid (100mg); thuốc tiêm đông khô Oxaliplatin (50mg); thuốc tiêm đông khô Gemcitabin (200mg, 1000mg). Hiện thuốc bán ra thị trường với giá bán thấp hơn 20-30% so với thuốc ngoại nhập cùng loại.

* Đề tài: “Xây dựng mô hình can thiệp dự phòng, sàng lọc và kiểm soát ung thư cổ tử cung (UTCTC) của phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49 tuổi) dựa vào y tế xã tỉnh Bình Định” đạt hiệu quả kinh tế - xã hội như sau:

- Xây dựng và triển khai mô hình phòng chống ung thư cổ tử cung dựa vào y tế xã cho phụ nữ (15 - 49 tuổi) tại xã Canh Hòa, huyện Vân Canh. Mô hình can thiệp phòng UTCTC dựa vào y tế xã có 3 nhóm hoạt động chính đó là: (1) Giám sát hỗ trợ hoạt động cung cấp dịch vụ phòng chống UTCTC; (2) Hoạt động cung cấp dịch vụ phòng chống UTCTC: các hoạt động truyền thông trực tiếp, gián tiếp và thực hiện kỹ thuật VIA tại trạm y tế xã; (3) Hoạt động sử dụng dịch vụ phòng chống UTCTC của phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49 tuổi).

- Đánh giá hiệu quả và khả năng áp dụng mô hình phòng chống ung thư cổ tử cung dựa vào y tế xã sau một năm can thiệp: - Hiệu quả can thiệp nâng cao kiến thức dự phòng và kiểm soát UTCTC ở phụ nữ 15 - 49 tuổi bằng truyền thông tại xã Canh Hòa: Kiến thức liên quan UTCTC, về các yếu tố nguy cơ, các biện pháp dự phòng, các cách phát hiện sớm, các triệu chứng gợi ý UTCTC và kiến thức về HPV, vắc xin HPV của phụ nữ xã Canh Hòa đều tăng có ý nghĩa SCT ($p < 0,05$) và các HQCT đều có ý nghĩa ($p < 0,05$).

3. Các lĩnh vực, nhiệm vụ KH&CN khác

Ngoài các nhiệm vụ nêu trên có một số các nhiệm vụ KH&CN được tổ chức hàng năm trên địa bàn tỉnh như cuộc thi “Sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng”, “Hội thi sáng tạo khoa học và kỹ thuật tỉnh”, “Tôn vinh trí thức tiêu biểu về KH&CN”, “Ngày hội khởi nghiệp”, Phối hợp với Hội Gặp gỡ Việt Nam tổ chức các sự kiện quốc tế trong đó có các hội nghị quốc tế và trường hè khoa học chuyên đề thuộc chương trình “Gặp gỡ Việt Nam”,... qua các nhiệm vụ KH&CN nói trên đã mang lại nhiều kết quả tích cực như: phát huy năng lực sáng tạo, nâng cao nhận thức, khám phá mới về KH&CN, động viên, ghi nhận những đóng góp của đội ngũ trí thức trên địa bàn tỉnh,... góp phần phát triển KH&CN của tỉnh nhà.

4. Danh mục thực hiện các nhiệm vụ KH&CN (đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ) cấp tỉnh

(Chi tiết tại phụ lục 5 đính kèm)

5. Danh mục thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

(Chi tiết tại phụ lục 4 đính kèm)

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ KIẾN NGHỊ

1. Đánh giá chung

Trong giai đoạn 2016 - 2020, mặc dù ngân sách nhà nước còn gặp nhiều khó khăn, nhưng chi ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN luôn được Trung ương và UBND tỉnh quan tâm bố trí kinh phí để các nhiệm vụ KH&CN đảm bảo triển khai theo tiến độ nội dung đã được phê duyệt.

Các chính sách trong lĩnh vực KH&CN của Trung ương cũng như địa phương ban hành phù hợp, kịp thời, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng tạo điều kiện khi triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN đáp ứng nhiệm vụ thực tế phát sinh góp phần thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Việc giao quyền tự chủ tài chính cho các tổ chức KH&CN đã tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao; phát triển nguồn thu, từ đó góp phần chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động và góp phần bù đắp một phần nhu cầu tiền lương tăng thêm theo quy định của Chính phủ cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập.

Hoạt động KH&CN của tỉnh đã có những đóng góp tích cực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều đề tài, dự án đã góp phần quyết định nâng cao năng suất chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh và quản lý. Kết quả của các chương trình này đã góp phần tạo cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đã triển khai đồng bộ các nghiên cứu KH&CN trên các lĩnh vực, kết quả các nghiên cứu KH&CN dần phát huy được hiệu quả trong thương mại hóa, là cơ sở để hình thành các doanh nghiệp KH&CN trong thời gian tới của tỉnh. Công tác hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng các công nghệ mới vào sản xuất được quan tâm, qua đó các doanh nghiệp đã sản xuất được các sản phẩm mới theo hướng thân thiện môi trường, an toàn sinh học phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

Kết quả đạt được: Tác động của hệ thống thể chế, chính sách đến sự phát triển KH&CN, phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương và kinh tế - xã hội của đất nước nói chung. Đóng góp của KH&CN vào phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương và kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, điển hình:

- Tỷ trọng đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) bình quân giai đoạn năm 2016 - 2020 vào tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh ước đạt 35,82%, *(mục tiêu đề ra nâng tỷ trọng đóng góp TFP vào tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh lên 25% - 30%)*;

- Tốc độ đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh đạt bình quân đạt 12,62%/năm, *(mục tiêu đề ra đạt từ 12 - 15%/năm)*;

- Hình thành được 08 doanh nghiệp khoa học và công nghệ *(mục tiêu đề ra hình thành 3 - 5 doanh nghiệp khoa học và công nghệ)*;

- Có 13 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ, trong đó có 03 doanh nghiệp được hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao *(mục tiêu đề ra có 10 - 15 doanh nghiệp trong tỉnh được hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ, trong đó có 2 - 3 doanh nghiệp được hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao)*.

2. Đề xuất, kiến nghị

- Đề nghị Trung ương tiếp tục quan tâm và ưu tiên đầu tư từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn ưu đãi và vốn hỗ trợ phát triển để tăng cường tiềm lực, nâng cao năng lực. Đồng thời, bảo đảm phân bổ đúng chỉ tiêu vốn đầu tư phát triển dành cho KH&CN đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để đầu tư phát triển cho các tổ chức KH&CN công lập.

- Đề nghị ban hành quy định cụ thể trong việc chuyển giao công nghệ đối với những kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất kinh doanh và trong cuộc sống xã hội.

- Đề nghị Trung ương ban hành quy định cụ thể mức lãi suất cho vay ưu đãi đối với các khoản vay tại Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ để khuyến khích, thu hút các dự án vay vốn phát triển KH&CN.

- Về xây dựng định mức chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH&CN của liên Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ. Theo đó, chi phí tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hệ số cụ thể, tuy nhiên để tính số ngày công thực hiện cho từng công việc nghiên cứu cụ thể trong các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thì không có quy định cụ thể để tính toán. Do vậy đề nghị Bộ KH&CN phối hợp với Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ sở quy định tính số công thực hiện cho các nội dung nhiệm vụ (có thể xây dựng theo hình thức các báo cáo nghiên cứu, ứng dụng, cơ sở lý thuyết, lý thuyết và thực tiễn, ... tương ứng với số công tối đa của từng báo cáo).

- Tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 01/2018/TT-BKH&CN ngày 12/4/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định “*Doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có thời gian hoạt động không quá 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu*”. Để xác định đúng đối tượng hỗ trợ và tạo điều kiện cho các Doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát triển. Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng tiêu chí cụ thể đối với *Doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo*.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Định;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&CN, Tài chính;
- CVP, PVPVX;
- Lưu VT, K8, K17.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

Đầu tư cho khoa học và công nghệ giai đoạn 2016-2020*Đơn vị tính: triệu đồng*

Năm	Chi sự nghiệp khoa học và công (1)	Chi đầu tư phát triển KH&CN (2)	Tổng chi cho KH&CN (3) = (1) + (2)	Tổng chi ngân sách (4)	Tỷ lệ (%) chi sự nghiệp/Tổng chi KH&CN	Tỷ lệ (%) chi đầu tư/Tổng chi KH&CN	Tỷ lệ (%) chi KH&CN /Tổng chi NS
2016	25,570.0	36,081.0	61,651.0	5,003,640.0	0.5	0.7	1.2
2017	35,402.0	48,679.0	84,081.0	5,911,735.0	0.6	0.8	1.4
2018	43,769.0	42,618.0	86,387.0	6,104,815.0	0.7	0.7	1.4
2019	44,433.0	58,026.0	102,459.0	6,256,017.0	0.7	0.9	1.6
2020	50,496.0	23,185.0	73,681.0	6,734,257.0	0.7	0.3	1.1
Giai đoạn 2016-2020	199,670.0	208,589.0	408,259.0	30,010,464.0	0.7	0.7	1.4

(1) Chi sự nghiệp KH&CN từ nguồn NSĐP

(2) Chi đầu tư cho KH&CN từ NSĐP

(4) Tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh

Các nội dung trên không tính kp ngân sách trung ương bổ sung chi đầu tư và chi tx cho KH&CN

Chi cho khoa học và công nghệ giai đoạn 2016-2020

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Chi theo nguồn			
			Ngân sách nhà		Nguồn trong nước ngoài NS	Ngoài nước
			TW	ĐP		
Năm 2016						
1	Chi đầu tư phát triển	56,081	20,000	36,081		
1.1	<i>Xây dựng mới, nâng cấp, tăng cường năng lực nghiên cứu của các tổ chức KHCN bao gồm: Phòng Thí nghiệm, xưởng thực nghiệm, trạm thực nghiệm, trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn và đánh giá sự phù hợp, các cơ sở thiết kế, chế tạo, thử nghiệm chuyên dụng, các cơ sở ứng dụng, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, tổ chức trung gian của thị trường KHCN</i>	2,250		2,250		
1.2	<i>Xây dựng khu nghiên cứu và phát triển cho các khu công nghệ cao</i>	-	-	-		
1.3	<i>Xây dựng hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và thống kê về KHCN</i>	3,900	-	3,900		
1.4	<i>Các hoạt động đầu tư khác phục vụ phát triển KHCN</i>	49,931	20,000	29,931		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	42,770	17,200	25,570		

2.1	Chi hoạt động bộ máy (gồm tiền lương và chi thưởng xuyên)	3,930	-	3,930		
2.2	Chi thực hiện các nhiệm vụ KHCN	30,890	17,200	13,690		
2.3	Chi không thường xuyên khác (đề nghị đơn vị chi tiết các nội dung chi không thường xuyên theo nhóm nhiệm vụ quy định tại Nghị định 95/2014/NĐ_CP	7,950	-	7,950		
Tổng kinh phí		27,403	20,133	7,270		
Năm 2017						
1	Chi đầu tư phát triển	79,679	31,000	48,679		
1.1	Xây dựng mới, nâng cấp, tăng cường năng lực nghiên cứu của các tổ chức KHCN bao gồm: Phòng Thí nghiệm, xưởng thực nghiệm, trạm thực nghiệm, trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn và đánh giá sự phù hợp, các cơ sở thiết kế, chế tạo, thử nghiệm chuyên dụng, các cơ sở ứng dụng, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, tổ chức trung gian của thị trường KHCN	4,000	-	4,000		
1.2	Xây dựng khu nghiên cứu và phát triển cho các khu công nghệ cao	-	-	-		
1.3	Xây dựng hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và thống kê về KHCN	12,894	-	12,894		
1.4	Cá hoạt động đầu tư khác phục vụ phát triển KHCN	62,785	31,000	31,785		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	56,702	21,300	35,402		
2.1	Chi hoạt động bộ máy (gồm tiền lương và chi thưởng xuyên)	4,804	-	4,804		
2.2	Chi thực hiện các nhiệm vụ KHCN	40,398	21,300	19,098		
2.3	Chi không thường xuyên khác (đề nghị đơn vị chi tiết các nội dung chi không thường xuyên theo nhóm nhiệm vụ quy định tại Nghị định 95/2014/NĐ_CP	11,500	-	11,500		
Tổng kinh phí		9,455		9,455		

Năm 2018						
1	Chi đầu tư phát triển	88,142	45,524	42,618		
1.1	Xây dựng mới, nâng cấp, tăng cường năng lực nghiên cứu của các tổ chức KHCN bao gồm: Phòng Thí nghiệm, xưởng thực nghiệm, trạm thực nghiệm, trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn và đánh giá sự phù hợp, các cơ sở thiết kế, chế tạo, thử nghiệm chuyên dụng, các cơ sở ứng dụng, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, tổ chức trung gian của thị trường KHCN	7,700	-	7,700		
1.2	Xây dựng khu nghiên cứu và phát triển cho các khu công nghệ cao	-	-	-		
1.3	Xây dựng hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và thống kê về KHCN	10,500	-	10,500		
1.4	Cá hoạt động đầu tư khác phục vụ phát triển KHCN	69,942	45,524	24,418		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	55,569	11,800	43,769		
2.1	Chi hoạt động bộ máy (gồm tiền lương và chi thưởng xuyên)	5,865	-	5,865		
2.2	Chi thực hiện các nhiệm vụ KHCN	33,300	11,800	21,500		
2.3	Chi không thường xuyên khác (đề nghị đơn vị chi tiết các nội dung chi không thường xuyên theo nhóm nhiệm vụ quy định tại Nghị định 95/2014/NĐ_CP	16,404	-	16,404		
Tổng kinh phí		80,448	45,524	34,924		
Năm 2019						
1	Chi đầu tư phát triển	58,026	-	58,026		
1.1	Xây dựng mới, nâng cấp, tăng cường năng lực nghiên cứu của các tổ chức KHCN bao gồm: Phòng Thí nghiệm, xưởng thực nghiệm, trạm thực nghiệm, trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn và đánh giá sự phù hợp, các cơ sở thiết kế, chế tạo, thử nghiệm chuyên dụng, các cơ sở ứng dụng, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, tổ chức trung gian của thị trường KHCN	12,994	-	12,994		
1.2	Xây dựng khu nghiên cứu và phát triển cho các khu công nghệ cao	-	-	-		
1.3	Xây dựng hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và thống kê về KHCN	7,980	-	7,980		
1.4	Cá hoạt động đầu tư khác phục vụ phát triển KHCN	37,052	-	37,052		

2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	55,963	11,530	44,433		
2.1	Chi hoạt động bộ máy (gồm tiền lương và chi thường xuyên)	7,867	1,330	6,537		
2.2	Chi thực hiện các nhiệm vụ KHCN	36,242	9,246	26,996		
2.3	Chi không thường xuyên khác (đề nghị đơn vị chi tiết các nội dung chi không thường xuyên theo nhóm nhiệm vụ quy định tại Nghị định 95/2014/NĐ_CP	11,854	954	10,900		
Tổng kinh phí		62,904	4,499	58,405		
Năm 2020						
1	Chi đầu tư phát triển	76,661	53,476	23,185		
1.1	Xây dựng mới, nâng cấp, tăng cường năng lực nghiên cứu của các tổ chức KHCN bao gồm: Phòng Thí nghiệm, xưởng thực nghiệm, trạm thực nghiệm, trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn và đánh giá sự phù hợp, các cơ sở thiết kế, chế tạo, thử nghiệm chuyên dụng, các cơ sở ứng dụng, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, tổ chức trung gian của thị trường KHCN	5,993		5,993		
1.2	Xây dựng khu nghiên cứu và phát triển cho các khu công nghệ cao	-	-	-		
1.3	Xây dựng hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và thống kê về KHCN	4,500	-	4,500		
1.4	Cá hoạt động đầu tư khác phục vụ phát triển KHCN	66,168	53,476	12,692		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	60,496	10,000	50,496		
2.1	Chi hoạt động bộ máy (gồm tiền lương và chi thường xuyên)	9,199	1,582	7,617		
2.2	Chi thực hiện các nhiệm vụ KHCN	35,541	7,362	28,179		
2.3	Chi không thường xuyên khác (đề nghị đơn vị chi tiết các nội dung chi không thường xuyên theo nhóm nhiệm vụ quy định tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP)	15,756	1,056	14,700		
Tổng kinh phí		59,702	4,852	54,850		

Danh mục các dự án/công trình đầu tư sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN giai đoạn 2016-2020*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Tên dự án/công trình	Thực hiện vốn đầu tư phát triển từ NSNN					
		2016	2017	2018	2019	2020	2016-2020
I	Ngân sách cấp tỉnh	36,081	48,679	42,618	58,026	23,185	208,589
1	Đầu tư nâng cấp máy móc, thiết bị Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN Bình Định giai đoạn 2012 - 2016	800					800
2	Đầu tư tăng cường tiềm lực về chiều sâu của Trung tâm Phân tích và Kiểm nghiệm Bình Định giai đoạn 2012-2014	900	2,000				2,900
3	Đầu tư đo lường - thử nghiệm tại Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Định giai đoạn 2015 - 2020	850	2,000	2,000			4,850
4	Cải tạo, nâng cấp Đài phát sóng Vũng Chua	1,131					1,131
5	Đầu tư Trang thiết bị số hóa thực hiện lưu trữ lịch sử tỉnh Bình Định giai đoạn 1903 - 2007	500	772				1,272
6	Đầu tư mua sắm, lắp đặt trang thiết bị nhằm hiện đại hóa Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định	14,000	5,137		5,000		24,137
7	Nâng cấp xây dựng hệ thống mạng tại trang tâm hạ tầng thông tin Bình Định	1,000	722				1,722

8	Lắp đặt hệ thống truyền thanh cho 02 xã An Vinh, An Quang huyện An Lão	500					500
9	Đầu tư nâng cấp Hệ thống trung tâm tích hợp dữ liệu tại Văn phòng UBND tỉnh năm 2016	400	400				800
10	Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng của mô hình Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020	2,000	3,000	2,500	3,000	4,500	15,000
11	Cải tạo môi trường cảnh quan thuộc Trung tâm Quốc tế KH và GD liên ngành		900	950			1,850
12	Dự án triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Bình Định giai đoạn 2017-2020		8,000	8,000	4,980		20,980
13	Khu khám phá khoa học và Trạm quan sát thiên văn phổ thông thuộc Tổ hợp không gian khoa học		20,611	13,468	9,147	6,532	49,758
14	Tổ hợp Không gian khoa học bao gồm Nhà mô hình vũ trụ, Đài quan sát thiên văn phổ thông và Bảo tàng khoa học			4,000	17,905	3,310	25,215
15	Cải tạo xây dựng Nhà làm việc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng			1,200	1,920	380	3,500
16	Đầu tư tăng cường trang thiết bị cho Trung tâm phân tích và kiểm nghiệm, giai đoạn 2017 - 2020			3,000	6,887	5,113	15,000
17	Đầu tư tiềm lực cho Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN giai đoạn 2017-2020			1,500	4,187	500	6,187
18	Mua sắm thiết bị nhằm hiện đại hóa Đài Phát thanh truyền hình Bình Định giai đoạn 2017 - 2020	14,000	5,137	6,000	5,000	2,850	32,987
II	Ngân sách Trung ương	20,000	31,000	45,524	0	53,476	150,000
1	Tổ hợp Không gian khoa học bao gồm Nhà mô hình vũ trụ, Đài quan sát thiên văn phổ thông và Bảo tàng khoa học	20,000	31,000	45,524	0	33,476	130,000
2	Khu khám phá khoa học và Trạm quan sát thiên văn phổ thông thuộc Tổ hợp không gian khoa học			0	0	20,000	20,000

Danh mục các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Đơn vị thực hiện	Tính cấp thiết, tính mới, tính tiên tiến	Mục tiêu	Nội dung	Sản phẩm	Kinh phí (triệu đồng)	Thời gian thực hiện
I	Năm 2016							
1	Dự án SXTN: Sản xuất thử nghiệm nước Linh chi đóng chai	Công ty CP nước khoáng Quy Nhơn KS. Phan Anh Triết	Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	<p>Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất nước uống linh chi đóng chai quy mô công nghiệp. Hoàn thiện công nghệ sản xuất nước uống linh chi đóng chai (Có bổ sung thêm đường và acid citric...).</p> <p>Xây dựng 1 xưởng sản xuất và đầu tư dây chuyền sản xuất nước uống Linh chi đóng chai quy mô công nghiệp, công suất 400.000 lít/năm.</p> <p>Sản xuất 8.000 lít nước uống linh chi đóng chai cho 2 loại sản phẩm: Nước uống linh chi và thảo mộc tự nhiên đóng chai và Nước uống linh chi đóng chai (Có bổ sung thêm đường và acid citric...) với yêu cầu chất lượng sản phẩm đạt quy chuẩn quốc gia QCVN 6 2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn và đạt các chỉ tiêu chất lượng theo Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS).</p>	<p>Tiếp nhận chuyên gia công nghệ từ Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Bình Định.</p> <p>Đào tạo 04 cán bộ công nghệ và 05 công nhân vận hành về công nghệ sản xuất nước uống linh chi đóng chai.</p> <p>Nghiên cứu và hoàn thiện quy trình sản xuất nước uống linh chi đóng chai quy mô công nghiệp.</p> <p>Hoàn thiện quy trình sản xuất nước uống linh chi và thảo mộc tự nhiên đóng chai: 3.000 lít.</p> <p>Hoàn thiện quy trình sản xuất nước uống linh chi đóng chai: 1.800 lít.</p> <p>Sản xuất thử nghiệm nước uống linh chi đóng chai quy mô công nghiệp: 8.000 lít (bao gồm: 6.000 lít là nước uống linh chi và thảo mộc đóng chai và 2.000 lít là nước uống linh chi đóng chai).</p>	<p>Các quy trình công nghệ hoàn thiện; + Quy trình công nghệ sản xuất nước uống linh chi và thảo mộc tự nhiên đóng chai;</p> <p>+Quy trình công nghệ sản xuất nước uống linh chi đóng chai. Đào tạo cán bộ công nghệ:</p> <p>+ Đào tạo 04 cán bộ công nghệ;</p> <p>Sản xuất 8.000 lít nước uống linh chi đạt tiêu chuẩn chất lượng theo QCVN 6 2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn. Trong đó:</p> <p>+ Sản phẩm 1: Nước uống linh chi và thảo mộc tự nhiên đóng chai 6.000 lít (Đóng chai: 17.143 chai dung tích 350ml).</p> <p>+ Sản phẩm 2: Nước uống linh chi đóng chai 2.000 lít (Đóng chai: 5.714 chai dung tích 350ml).</p> <p>Bộ tiêu chuẩn cơ sở cho 2 sản phẩm nước uống linh chi đóng chai của dự án được ban hành.</p> <p>Bộ hồ sơ công bố hợp quy cho 2 sản phẩm của dự án được cơ quan chuyên môn chấp nhận.</p> <p>Bộ hồ sơ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho 2 sản phẩm của dự án được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận cấp quyền bảo hộ Nhãn hiệu hàng hóa.</p> <p>Bộ hồ sơ quảng bá giới thiệu sản phẩm của dự án.</p> <p>Báo cáo tổng kết dự án và báo cáo tóm tắt dự án</p> <p>02 bài báo về kết quả của dự án đăng trên tạp chí Khoa học và CN của tỉnh Bình Định</p>	637,890	02/2017 - 10/2018

2	Xây dựng hệ thống công cụ hỗ trợ đào tạo trực tuyến các môn Toán, Lý, Hóa cho khối trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Giáo dục và Đào tạo ThS. Nguyễn Đình Hùng	Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Xây dựng Website đào tạo trực tuyến e learning các môn Toán, Lý, Hóa khối Trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định. Xây dựng hệ thống kho dữ liệu điện tử phục vụ cho việc dạy và học. Áp dụng kỹ thuật game hóa để thu hút, lôi kéo học sinh. □	Xây dựng Website đào tạo trực tuyến e learning. Xây dựng hệ thống kho dữ liệu điện tử phục vụ cho việc dạy và học. Kho dữ liệu điện tử ban đầu được xây dựng bao gồm: 45 bài giảng điện tử e learning cho các môn Toán, Lý, Hóa lớp 10, lớp 11, lớp 12; 1800 câu hỏi và đáp án cho các môn Toán, Lý, Hóa lớp 10, lớp 11, lớp 12.	Sản phẩm dạng I: Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu. Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu. Website đào tạo trực tuyến e learning Kho dữ liệu điện tử phục vụ cho việc dạy và học (Bao gồm 45 bài giảng điện tử theo chuẩn SCORM và 1800 câu hỏi và đáp án cho các môn Toán, Lý, Hóa lớp 10, lớp 11, lớp 12) Sản phẩm dạng II: 02 bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu đăng trên Tạp chí KH&CN tỉnh Bình Định.	540,749	11/2016 - 05/2018
3	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ GIS trong công tác quản lý hạ tầng Bưu chính - Viễn thông trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Thông tin và Truyền thông TS. Võ Gia Nghĩa	Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Xác định thực trạng và đề xuất giải pháp phục vụ quản lý hạ tầng Bưu chính – Viễn thông Bình Định. Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin địa lý về hạ tầng Bưu chính – Viễn thông và các lớp thông tin chuyên đề. Xây dựng phần mềm phục vụ quản lý hệ thống hạ tầng Bưu chính – Viễn thông Bình Định.	Điều tra thực trạng và tình hình phát triển hạ tầng Bưu chính – Viễn thông Bình Định. Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS phục vụ quản lý hạ tầng Bưu chính – Viễn thông trên địa bàn tỉnh Bình Định. Xây dựng phần mềm quản lý và khai thác dữ liệu hạ tầng Bưu chính – Viễn thông gắn với web GIS.	Sản phẩm dạng I: Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu. Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu. Cơ sở dữ liệu hệ thống hạ tầng Bưu chính – Viễn thông trên bản đồ nền tỷ lệ 1:50.000 toàn tỉnh Bình Định. Phần mềm quản lý và khai thác dữ liệu hạ tầng Bưu chính – Viễn thông gắn với web GIS. 01 báo cáo chuyên đề : Thực trạng tình hình phát triển hạ tầng Bưu chính – Viễn thông và đề xuất các giải pháp quản lý hạ tầng Bưu chính – Viễn thông. 01 tài liệu Hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý và khai thác dữ liệu. Sản phẩm dạng II: 02 bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu đăng trên Tạp chí KH&CN tỉnh Bình Định.	753,958	12/2016 - 12/2018

4	Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị phân tích một số chỉ tiêu an toàn thực phẩm bằng phương pháp điện di mao quản	Trung tâm Phân tích và Kiểm nghiệm TS. Cao Văn Hoàng TS. Lê Công Nhường	Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Thiết kế, chế tạo thiết bị phân tích nhanh một số chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm. Xây dựng phương pháp phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm bằng phương pháp điện di mao quản. Đánh giá hiệu quả của thiết bị ứng dụng trong thực tế	<p>Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống thiết bị phân tích tại hiện trường một số chỉ tiêu liên quan đến an toàn thực phẩm bao gồm chất tạo nạc, chất tạo ngọt, polyphosphate, trên cơ sở nguyên lý của phương pháp điện di mao quản sử dụng detector độ dẫn không tiếp xúc (CE C*D)</p> <p>Xây dựng được quy trình phân tích định lượng nhóm chất tạo nạc</p> <p>Xây dựng quy trình phân tích định lượng nhóm chất tạo ngọt (Acesulfam kali, Saccharin)</p> <p>Nghiên cứu xây dựng quy trình phân tích định lượng nhóm chất polyphotphat (tripoly photphat và polyphosphate)</p> <p>Nghiên cứu xây dựng quy trình phân tích định lượng một số ion SO₄²⁻, NO₃⁻, Cl⁻, NH₄⁺, Na⁺, K⁺, Mg²⁺, Ca²⁺</p> <p>Nghiên cứu áp dụng thử nghiệm thiết bị CE CD và quy trình phân tích tại một chợ hoặc siêu thị nhằm đánh giá hiệu quả đạt được của hệ thiết bị theo các tiêu chuẩn chất lượng liên quan đến an toàn thực phẩm và so sánh kết quả phân tích với các phương pháp khác theo sự kiểm tra của cơ quan chức năng. □</p>	<p>Sản phẩm dạng I:</p> <p>Thiết bị phân tích tại hiện trường một số chỉ tiêu liên quan đến an toàn thực phẩm</p> <p>Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết đề tài KH&CN Báo cáo tóm tắt đề tài KH&CN Các báo cáo chuyên môn</p> <p>Hồ sơ thiết kế, chế tạo thiết bị phân tích tại hiện trường một số chỉ tiêu liên quan đến an toàn thực phẩm</p> <p>Đĩa DVD toàn bộ nội dung, sản phẩm của đề tài Sản phẩm dạng III: Hai bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Định</p>	897.650	02/2017 - 02/2019
---	---	---	--	--	--	---	---------	-------------------

5	Xây dựng cơ sở dữ liệu và công cụ phục vụ quản lý hệ thống đê điều tỉnh Bình Định	Chi cục Thủy lợi Bình Định TS. Ngô Anh Tú	Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý đê điều trên địa bàn tỉnh Bình Định. Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu hệ thống đê điều tỉnh Bình Định. Xây dựng công cụ phần mềm phục vụ quản lý hệ thống đê điều tỉnh Bình Định.	Khảo sát, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý đê điều trên địa bàn tỉnh Bình Định. Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu GIS hệ thống đê điều tỉnh Bình Định. Xây dựng công cụ phần mềm phục vụ quản lý hệ thống đê điều tỉnh Bình Định.	Sản phẩm dạng I: Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu. Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu. Bộ cơ sở dữ liệu GIS về đê điều tỉnh Bình Định tỷ lệ 1:50.000 và 1:10.000 (một số tuyến đê xung yếu). Phần mềm quản lý hệ thống đê điều và trang web GIS về đê điều. 02 báo cáo chuyên đề : + Đánh giá điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội ảnh hưởng đến công tác quản lý đê điều tỉnh Bình Định. + Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý đê điều trên địa bàn tỉnh Bình Định. Sản phẩm dạng II: 02 bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu đăng trên Tạp chí KH&CN tỉnh Bình Định.	416,316	12/2016 - 12/2018
6	Nghiên cứu thực nghiệm sinh sản nhân tạo, ương và nuôi cá diêu thương phẩm (Siganus guttatus, Bloch 1787) tại Bình Định	Trung tâm Giống thủy sản Bình Định KS. Phan Thanh Việt	Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Xây dựng quy trình sinh sản nhân tạo giống cá diêu (Siganus guttatus) 60 ngày tuổi đạt tỷ lệ sống 2,5%. Xây dựng quy trình ương cá diêu (Siganus guttatus) từ giai đoạn cá hương 61 ngày tuổi đến giai đoạn cá giống 120 ngày tuổi đạt tỷ lệ sống 50%. Xây dựng quy trình nuôi cá diêu (Siganus guttatus) thương phẩm theo hình thức nuôi đơn trong ao đất, nuôi ghép với tôm trong ao đất đạt tỷ lệ sống 85% và khối lượng đạt 150 g/con.	Nghiên cứu sinh sản nhân tạo cá Diêu phù hợp với điều kiện tự nhiên tại Bình Định Nghiên cứu ương cá Diêu giai đoạn từ cá bột 1 ngày tuổi đến cá hương (60 ngày tuổi) trong bể xi măng. Nghiên cứu nuôi thương phẩm cá Diêu giai đoạn từ cá giống 120 ngày tuổi. Tổ chức 01 lớp tập huấn chuyên giao kỹ thuật Tham quan và học tập sinh sản, ương, nuôi cá Diêu tại tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản phẩm dạng I: Cá hương 60 ngày tuổi (2 3 cm): 100.000 con Cá giống 120 ngày tuổi (4 6 cm): 25.000 con Cá thương phẩm (150 g/con): 2.500 kg Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện Đề tài; Báo cáo tóm tắt; Quy trình sinh sản nhân tạo cá Diêu bông tại Bình Định. Quy trình ương cá Diêu hương từ 1 ngày tuổi đến cá giống 120 ngày tuổi Quy trình nuôi cá Diêu thương phẩm Sản phẩm dạng III: Hai bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Định. Đĩa DVD về kỹ thuật sinh sản, ương, nuôi thương phẩm cá Diêu tại Bình Định.	623,626	12/2016 - 12/2018

7	<p>Nghiên cứu các điều kiện tối ưu để sản xuất sinh khối một số chủng Bacillus và thử nghiệm sản xuất chế phẩm vi sinh phục vụ cho chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản tại Bình Định</p>	<p>Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Bình Định ThS. Lê Hồng Linh</p>	<p>Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh</p>	<p>Xác định điều kiện tối ưu (nhiệt độ, thời gian nuôi cấy, tốc độ khuấy) nhằm thu được lượng sinh khối vi sinh lớn nhất làm cơ sở cho việc phối trộn với chất mang tạo ra chế phẩm vi sinh hiệu quả. Xây dựng quy trình sản xuất sinh khối một số chủng Bacillus phù hợp với điều kiện Bình Định. Thử nghiệm sản xuất một số chế phẩm vi sinh từ sinh khối các chủng Bacillus phục vụ trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản (bao gồm 2 loại chế phẩm dạng dung dịch và dạng bột dùng làm thức ăn). Đánh giá hiệu quả sử dụng chế phẩm vi sinh (sản phẩm của đề tài) bổ sung vào thức ăn chăn nuôi tại mô hình chăn nuôi gà và mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng. □</p>	<p>Điều tra thực trạng dịch bệnh trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và việc ứng dụng chế phẩm vi sinh trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản tại Bình Định. Xây dựng 02 loại mẫu phiếu; tổng số 135 phiếu điều tra. Nhận chuyển giao 03 chủng gốc: Bacillus subtilis, Bacillus licheniformis, Lactobacillus acidophilus và quy trình kỹ thuật lên men thu sinh khối vi sinh. Nghiên cứu các điều kiện tối ưu (thời gian, nhiệt độ, tốc độ lắc, tốc độ khuấy) để sản xuất sinh khối các chủng: Bacillus subtilis, Bacillus licheniformis và Lactobacillus acidophilus tại Bình Định. Nghiên cứu thử nghiệm sản xuất chế phẩm vi sinh từ sinh khối các chủng Bacillus subtilis, Bacillus licheniformis, Lactobacillus acidophilus để bổ sung vào thức ăn phục vụ cho chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản tại Bình Định. Đánh giá hiệu quả sử dụng chế phẩm vi sinh (sản phẩm của đề tài) tại các mô hình chăn nuôi (nuôi gà) và nuôi trồng thủy sản (tôm thẻ chân trắng) tại Bình Định. Quy mô: Mô hình nuôi gà 1000 con; Mô hình nuôi tôm: 2 ao, mỗi ao 2000 m2 Tổ chức 01 Hội thảo khoa học, 02 Hội nghị đầu bờ</p>	<p>Sản phẩm dạng I : Sinh khối các chủng Bacillus subtilis, Bacillus licheniformis, Lactobacillus acidophilus : 30kg. Chế phẩm vi sinh dạng lỏng (108 CFU/ml: 100 lít). Chế phẩm vi sinh dạng bột (108 CFU/g: 100 kg). Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu. Quy trình kỹ thuật sản xuất sinh khối các chủng Bacillus subtilis, Bacillus licheniformis, Lactobacillus acidophilus phù hợp với điều kiện tỉnh Bình Định. Quy trình kỹ thuật sản xuất các loại chế phẩm vi sinh phù hợp với điều kiện tỉnh Bình Định. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng chế phẩm vi sinh phục vụ chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản tại Bình Định. Sản phẩm dạng III: 02 bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu đăng trên Tạp chí KH&CN tỉnh Bình Định.</p>	676,420	02/2017 - 11/2018
---	---	---	---	--	--	--	---------	-------------------

8	<p>Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất mai cảnh tại các vùng chuyên canh, làng nghề trồng mai ở tỉnh Bình Định</p>	<p>Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ TS. Lại Đình Hòa</p>	<p>Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh</p>	<p>Chuyển đổi từ phương thức trồng mai truyền thống tại các làng nghề trồng mai cảnh, vùng chuyên canh mai cảnh sang trồng trong nhà kính (mái che bạt ni lon) và áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, sạch với môi trường. Chủ động điều khiển thời gian cho mai cảnh nở hoa trúng vào dịp tết, nhằm tăng cường khả năng tiêu thụ và gia tăng giá trị sản phẩm. Thúc đẩy phát triển nghề trồng mai cảnh ở các địa phương theo hướng chuyên canh, góp phần giải quyết công ăn việc làm cho một bộ phận lao động nông thôn.</p>	<p>Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trồng mai cảnh trong nhà kính (mái che bạt bạt ni lon; kỹ thuật trồng mai sạch với môi trường; tưới nước tiết kiệm) Nghiên cứu xác định biện pháp kỹ thuật có hiệu quả cao trong việc thúc đẩy mai vàng nở hoa sớm Nghiên cứu xác định biện pháp kỹ thuật có hiệu quả cao trong việc kim hãm mai vàng nở hoa sớm. Nghiên cứu một số biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại chính trên mai cảnh Tổ chức hội thảo khoa học tại các làng nghề trồng mai cảnh; vùng chuyên canh mai nhằm chia sẻ thông tin, kinh nghiệm trồng mai cảnh áp dụng công nghệ cao Tur vấn, chuyển giao kết quả trồng mai cảnh công nghệ cao cho các làng nghề trồng mai cảnh và vùng trồng mai chuyên canh trên địa bàn của tỉnh. Liên kết với các doanh nghiệp trong tiêu thụ sản phẩm mai cảnh công nghệ cao.</p>	<p>Quy trình công nghệ trồng mai cảnh trong nhà kính theo hướng sản xuất chuyên canh, chất lượng cao, sạch với môi trường. Báo cáo chuyên đề về giải pháp kỹ thuật điều khiển mai cảnh nở hoa vào dịp tết (kim hãm nở hoa; Thúc đẩy nở hoa sớm; Biện pháp phòng trừ một số đối tượng sâu, bệnh hại chính trên mai cảnh). Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài</p>	544,549	10/2016 - 06/2019
---	---	--	---	--	--	---	---------	-------------------

9	<p>Ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm cây hoa cảnh tại làng nghề thôn Bình Lâm, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định</p>	<p>Liên hiệp các Hội KH&KT Bình Định CN. Lê Văn Tâm TS. Nguyễn Thị Tố Trân</p>	<p>Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh</p>	<p>Điều tra đánh giá hiện trạng, đề xuất một số giải pháp phát triển làng nghề hoa cảnh Bình Lâm theo hướng bền vững. Tuyển chọn được 2 3 loài hoa cảnh mới phù hợp điều kiện làng hoa Bình Lâm và nhu cầu tiêu thụ của người tiêu dùng. Xây dựng 2 mô hình trình diễn sản xuất hoa cảnh gắn với chuyển giao ứng dụng tiến bộ KHKT tại làng nghề Bình Lâm.</p>	<p>Điều tra hiện trạng sản xuất, thị hiếu sử dụng hoa cảnh của vùng đô thị và đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển cây hoa cảnh tại làng hoa Bình Lâm. Xây dựng 03 mẫu phiếu điều tra, tổng số phiếu điều tra: 230 phiếu Chuyển giao công nghệ trồng hoa từ Trung tâm Ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao tỉnh Đồng Tháp (cho 05 loại hoa); đào tạo 02 người tại Đồng Tháp. Xây dựng chuyên đề: Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển làng hoa Bình Lâm. Xây dựng chuyên đề: Báo cáo khảo sát mô hình làng hoa các tỉnh phía Nam. Nội dung đi khảo sát, học tập các mô hình phát triển làng hoa tại các tỉnh phía Nam (Bến Tre, Đồng Tháp, Tp. Hồ Chí Minh) được thực hiện trong năm 2016. Nghiên cứu đánh giá khả năng sinh trưởng phát triển của một số loài hoa cảnh tại làng hoa Bình Lâm. Hoa chuông: 450 chậu; hoa Thu hải đường: 450 chậu; hoa Đồng tiền: 450 chậu; hoa Hồng: 450 chậu; hoa Dạ yến thảo: 450 chậu. Xây dựng chuyên đề: Đánh giá tính phù hợp của các loài hoa lựa chọn phát triển ở làng hoa Bình Lâm. Xây dựng mô hình trình diễn ứng dụng TBKHKT trong sản xuất 02 loài hoa phù hợp tại thôn Bình Lâm. Xây nhà trồng hoa: 100m² Quy mô: 400 chậu/vụ; 2 vụ/năm; mỗi giống hoa 100 chậu/vụ</p>	<p>Sản phẩm dạng I : Chọn được 02 loài hoa tuyển chọn phù hợp với điều kiện và thị hiếu người tiêu dùng. Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu. Quy trình kỹ thuật trồng 02 loài hoa được tuyển chọn. Chuyên đề: Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển làng hoa Bình Lâm. Chuyên đề: Báo cáo khảo sát mô hình làng hoa các tỉnh phía Nam. Chuyên đề: Đánh giá tính phù hợp của các loài hoa lựa chọn phát triển ở làng hoa Bình Lâm. Sản phẩm dạng III: 02 bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu đăng trên Tạp chí KH&CN tỉnh Bình Định. Xây dựng phim video clip phục vụ tuyên truyền, quảng bá.</p>	695.695	02/2017 - 03/2019
---	---	--	---	--	---	---	---------	-------------------

10	<p>Nghiên cứu ứng dụng điều trị bệnh nhân chấn thương cột sống cổ bằng kỹ thuật nẹp vít và ghép xương tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định</p>	<p>Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định BSK2. Đào Văn Nhân</p>	<p>Xuất phát từ như câu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh</p>	<p>Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng ở bệnh nhân chấn thương cột sống cổ. Đánh giá kết quả điều trị bệnh nhân chấn thương cột sống cổ bằng kỹ thuật nẹp vít và ghép xương.</p>	<p>Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ở bệnh nhân chấn thương cột sống cổ. Đánh giá kết quả điều trị bệnh nhân chấn thương cột sống cổ. Số lượng bệnh nhân nghiên cứu: 30 bệnh nhân Xây dựng 03 chuyên đề khoa học: + Chuyên đề 1: Các kỹ thuật phẫu thuật chấn thương cột sống cổ và kết quả phẫu thuật. + Chuyên đề 2: Phân loại chấn thương cột sống cổ + Chuyên đề 3: Nghiên cứu hình ảnh học chấn thương cột sống cổ. Tổ chức 01 Hội thảo khoa học. Xây dựng 01 đĩa DVD: Hình ảnh về kỹ thuật phẫu thuật nẹp vít và ghép xương điều trị bệnh nhân chấn thương cột sống cổ.</p>	<p>Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện Đề tài; Báo cáo tóm tắt; Báo cáo 03 chuyên đề khoa học: + Chuyên đề 1: Các kỹ thuật phẫu thuật chấn thương cột sống cổ và kết quả phẫu thuật. + Chuyên đề 2: Phân loại chấn thương cột sống cổ + Chuyên đề 3: Nghiên cứu hình ảnh học chấn thương cột sống cổ. Sản phẩm dạng III: Hai bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Định. Đĩa DVD: Hình ảnh về kỹ thuật phẫu thuật nẹp vít và ghép xương điều trị bệnh nhân chấn thương cột sống cổ.</p>	211,735	03/2017 - 03/2019
----	--	--	---	--	---	--	---------	-------------------

11	<p>Nghiên cứu thực trạng và các yếu tố liên quan đến đuối nước ở trẻ em; đề xuất giải pháp can thiệp nhằm giảm nguy cơ mắc và tử vong trẻ em do đuối nước tại tỉnh Bình Định</p>	<p>Trưởng Cao đẳng Y tế Bình Định ThS. Bùi Lê Vi Chinh ThS. Lê Thị Vinh Hương</p>	<p>Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh</p>	<p>Xác định thực trạng và các yếu tố liên quan đến đuối nước trẻ em ở 11 huyện/thị xã/thành phố tỉnh Bình Định các năm 2015, 2016. Đề xuất các giải pháp can thiệp nhằm giảm nguy cơ mắc và tử vong trẻ em do đuối nước tại một số huyện tỉnh Bình Định. Đánh giá kết quả can thiệp nhằm giảm nguy cơ mắc và tử vong trẻ em do đuối nước tại một số huyện trong tỉnh Bình Định.</p>	<p>Thực trạng và các yếu tố liên quan đến đuối nước trẻ em dưới 16 tuổi ở 11 huyện/thị xã/ thành phố tỉnh Bình Định. Đề xuất các giải pháp can thiệp nhằm giảm nguy cơ mắc và tử vong trẻ em dưới 16 tuổi do đuối nước tại một số huyện tỉnh Bình Định. Đánh giá kết quả can thiệp nhằm giảm nguy cơ mắc và tử vong trẻ em dưới 16 tuổi do đuối nước tại một số huyện tỉnh Bình Định. Báo cáo chuyên đề: Thực trạng và các yếu tố liên quan đến đuối nước trẻ em dưới 16 tuổi do đuối nước tại tỉnh Bình Định năm 2015, 2016. Báo cáo chuyên đề: Đề xuất các giải pháp can thiệp và đánh giá kết quả can thiệp nhằm giảm nguy cơ mắc và tử vong trẻ em dưới 16 tuổi do đuối nước tại một số huyện tỉnh Bình Định. Xây dựng 4 mẫu phiếu điều tra, phỏng vấn với tổng số 1800 phiếu điều tra. Tập huấn 01 lớp cho nghiên cứu viên tuyến tỉnh, huyện thu thập thông tin. Tổ chức Hội nghị vận động cấp ủy Đảng, chính quyền, Ban giám hiệu trường: 3 lớp/3 huyện. Tập huấn cho cán bộ y tế, cán bộ làm công tác chăm sóc trẻ ở huyện/xã: 3 lớp/3 huyện. Truyền thông nhóm nhỏ về phòng chống đuối nước: 40 lần cho 20 xã /3 huyện. Xây dựng nội dung và in ấn tờ rơi: 3000 tờ</p>	<p>Sản phẩm dạng I: Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện Đề tài; Báo cáo tóm tắt; Báo cáo 02 chuyên đề khoa học: + Chuyên đề 1: Thực trạng và các yếu tố liên quan đến đuối nước trẻ em dưới 16 tuổi do đuối nước tại tỉnh Bình Định năm 2015, 2016 + Chuyên đề 2: Đề xuất các giải pháp can thiệp và đánh giá kết quả can thiệp nhằm giảm nguy cơ mắc và tử vong trẻ em dưới 16 tuổi do đuối nước tại một số huyện tỉnh Bình Định Sản phẩm dạng II: Hai bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Định.</p>	190,929	02/2017 - 12/2018
----	--	---	---	---	--	--	---------	-------------------

12	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật Gil-Vernet cải tiến lấy sỏi san hô thận	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định TS. Huỳnh Văn Nghĩa	Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	<p>Đánh giá kết quả ứng dụng kỹ thuật Gil Vernet cải tiến trong phẫu thuật lấy sỏi san hô thận.</p> <p>Khảo sát một số yếu tố liên quan đến kết quả phẫu thuật.</p> <p>Đề xuất quy trình kỹ thuật phẫu thuật lấy sỏi san hô thận theo kỹ thuật Gil Vernet cải tiến.</p>	<p>Đánh giá kết quả ứng dụng kỹ thuật Gil Vernet cải tiến trong phẫu thuật lấy sỏi san hô thận.</p> <p>Đánh giá một số yếu tố liên quan đến kết quả phẫu thuật.</p> <p>Xây dựng quy trình kỹ thuật điều trị phẫu thuật lấy sỏi san hô thận theo kỹ thuật Gil Vernet cải tiến.</p> <p>Tổ chức 01 Hội thảo khoa học.</p> <p>Xây dựng 03 chuyên đề khoa học:</p> <p>+ Chuyên đề 1: Các phương pháp điều trị ngoại khoa sỏi san hô</p> <p>+ Chuyên đề 2: Giải phẫu mạch máu, đài bể thận và phân loại sỏi thận liên quan đến phẫu thuật</p> <p>+ Chuyên đề 3: Tai biến, biến chứng trong phẫu thuật sỏi san hô và cách xử lý.</p>	<p>Sản phẩm dạng II:</p> <p>Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện Đề tài;</p> <p>Báo cáo tóm tắt;</p> <p>Báo cáo 03 chuyên đề khoa học:</p> <p>+ Chuyên đề 1: Các phương pháp điều trị ngoại khoa sỏi san hô</p> <p>+ Chuyên đề 2: Giải phẫu mạch máu, đài bể thận và phân loại sỏi thận liên quan đến phẫu thuật</p> <p>+ Chuyên đề 3: Tai biến, biến chứng trong phẫu thuật sỏi san hô và cách xử lý.</p> <p>Sản phẩm dạng III:</p> <p>Hai bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Định.</p>	190,238	02/2017 - 02/2019
----	--	--	--	---	---	---	---------	-------------------

13	Sưu tầm, nghiên cứu tác dụng các bài thuốc dùng trong võ cổ truyền, và đề xuất hướng bảo tồn, phát huy giá trị của võ - y Bình Định	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Bình Định ThS. Phạm Thị Thanh Hương Nguyễn An Pha	Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Sưu tầm các bài thuốc võ cổ truyền Bình Định. Nghiên cứu tác dụng của các bài thuốc võ cổ truyền Bình Định và phương pháp trị bệnh theo lý luận đông y. Đề xuất hướng bảo tồn và phát huy võ y Bình Định.	<p>Nghiên cứu tổng quan về võ y Bình Định.</p> <p>Sưu tầm các bài thuốc võ cổ truyền Bình Định và chân dung các võ sư hành nghề võ y.</p> <p>Nghiên cứu tác dụng của các bài thuốc võ và phương pháp điều trị theo lý luận đông y.</p> <p>Nghiên cứu đề xuất các giải pháp bảo tồn, phát huy các giá trị của võ y trong võ cổ truyền Bình Định.</p> <p>Báo cáo chuyên đề: Nghiên cứu tổng quan về võ y Bình Định.</p> <p>Báo cáo chuyên đề: Sưu tầm các bài thuốc võ cổ truyền Bình Định và chân dung các võ sư hành nghề võ y (võ sư trên 70 tuổi ở các địa phương).</p> <p>Báo cáo chuyên đề: Nghiên cứu tác dụng của các bài thuốc võ và phương pháp điều trị theo lý luận đông y.</p> <p>Chuyên đề: Nghiên cứu đề xuất các giải pháp bảo tồn, phát huy các giá trị của võ y trong võ cổ truyền Bình Định.</p> <p>Đi công tác điều tra, thu thập tư liệu tại các tỉnh: Đắc Lắc, Gia Lai, Kom Tum, Quảng Ngãi, Quảng Nam, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Thuận và các huyện trong tỉnh.</p> <p>Xây dựng 01 mẫu phiếu điều tra, 50 phiếu điều tra.</p> <p>Chi cho 31 võ sư công hiến những bài thuốc tâm đắc.</p> <p>Tổ chức một hội thảo khoa học.</p> <p>Xây dựng phim tư liệu (chân dung võ sư hành nghề võ y; phương pháp trị bệnh...)</p>	<p>Sản phẩm dạng II:</p> <p>Danh mục các bài thuốc võ;</p> <p>Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu và Báo cáo tóm tắt;</p> <p>Báo cáo chuyên đề 1: Nghiên cứu tổng quan về võ y Bình Định;</p> <p>Báo cáo chuyên đề 2: Sưu tầm các bài thuốc võ cổ truyền Bình Định và chân dung các võ sư hành nghề võ y;</p> <p>Báo cáo chuyên đề: Nghiên cứu tác dụng của các bài thuốc võ và phương pháp điều trị theo lý luận đông y;</p> <p>Báo cáo chuyên đề: Nghiên cứu đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị của võ y trong võ cổ truyền Bình Định.</p> <p>Sản phẩm dạng III:</p> <p>Hai bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Định.</p> <p>Phim tư liệu (chân dung các võ sư hành nghề võ y, phương pháp điều trị bệnh của các võ sư tại các võ đường).</p>	469,936	02/2017 - 02/2019
14	Nhận diện cơ hội và thách thức đối với kinh tế Bình Định trong điều kiện hội nhập sâu và toàn diện	Viện		Đề xuất định hướng và nhóm giải pháp để Bình Định khai thác tốt nhất các lợi ích và hạn chế bất lợi trong điều kiện hội nhập sâu và toàn diện.	<p>Một số vấn đề lý luận chung</p> <p>Thực trạng kinh tế Bình Định giai đoạn 2011-2015</p> <p>Cơ hội và thách thức đối với kinh tế Bình Định trong điều kiện hội nhập sâu và toàn diện</p> <p>Giải pháp để Bình Định khai thác tốt nhất các lợi ích và hạn chế bất lợi trong điều kiện hội nhập sâu và toàn diện</p>	Báo cáo tóm tắt, báo cáo tổng kết, bài báo, Đĩa CD-ROM, phiếu khảo sát	203,970	04/2016-12/2016

15	Đánh giá vùng dự án khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ Becamex - Bình Định và các khuyến nghị	Viện		Đánh giá thực trạng và dự báo các tác động xã hội của dự án Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex - Bình Định (sau đây gọi tắt là dự án) để đưa ra các khuyến nghị cho lãnh đạo tỉnh có những giải pháp kịp thời nhằm thúc đẩy thực hiện dự án phát triển bền vững.	Tổng quan dự án VSIP Thực trạng vùng dự án và dự báo tác động xã hội Đề xuất các khuyến nghị	Báo cáo tóm tắt, báo cáo tổng kết, Đĩa CD-ROM, phiếu khảo sát	170,780	04/2016-12/2016
16	Giải pháp nâng cao chỉ số PCI và PAPI của tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020	Viện		Xác định nguyên nhân các chỉ số thành phần trong bộ chỉ số PCI và PAPI có điểm số thấp qua các năm, ảnh hưởng đến vị thứ xếp hạng chỉ số PCI và PAPI của Bình Định trong những năm qua Đề xuất các nhóm giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh Bình Định đến năm 2020 được đánh giá ổn định ở mức tốt	Cơ sở lý luận về năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh Thực trạng năng lực cạnh tranh, hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh Bình Định qua các chỉ số thành phần Giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh Bình Định đến năm 2020	Báo cáo tóm tắt, báo cáo tổng kết, Báo cáo đăng trên tạp chí uy tín, Đĩa CD-ROM, phiếu điều tra	217,550	04/2016-12/2016
II	Năm 2017							

1	Nghiên cứu thiết lập và đánh giá chỉ số tổn thương xã hội do ngập lụt trong bối cảnh biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Bình Định	Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định TS. Nguyễn Việt Cường	Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Thiết lập, đánh giá chỉ số tổn thương xã hội do ngập lụt trong bối cảnh biến đổi khí hậu; đề xuất các giải pháp giảm thiểu tổn thương xã hội do ngập lụt trên địa bàn tỉnh Bình Định. Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin địa lý và phần mềm quản lý chỉ số tổn thương xã hội do ngập lụt tỉnh Bình Định.	Thiết lập chỉ số tổn thương xã hội do ngập lụt. Xây dựng Bộ chỉ số tổn thương xã hội do ngập lụt (cấp xã) phù hợp với địa bàn tỉnh Bình Định. Đánh giá chỉ số tổn thương xã hội do ngập lụt cấp xã trên toàn địa bàn tỉnh. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Đánh giá chỉ số tổn thương xã hội do ngập lụt cấp xã trên toàn địa bàn tỉnh. Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS về chỉ số tổn thương xã hội do ngập lụt tỉnh Bình Định và công cụ phần mềm quản lý dữ liệu chỉ số tổn thương xã hội do ngập lụt gắn với bản đồ WebGIS. Đề xuất các giải pháp cụ thể giảm thiểu tổn thương xã hội do ngập lụt trên địa bàn tỉnh Bình Định. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Các giải pháp cụ thể giảm thiểu tổn thương xã hội do ngập lụt trên địa bàn tỉnh Bình Định. Tổ chức hội thảo khoa học: 03 cuộc. Phiếu điều tra: 30 phiếu/xã x 120 xã = 3.600 phiếu. Thuê tên miền và máy chủ: 24 tháng. Phòng vẫn 12 chuyên gia.	Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Các báo cáo chuyên đề: + Đánh giá chỉ số tổn thương xã hội do ngập lụt cấp xã trên toàn địa bàn tỉnh. + Các giải pháp cụ thể giảm thiểu tổn thương xã hội do ngập lụt trên địa bàn tỉnh Bình Định. Bộ chỉ số tổn thương xã hội do ngập lụt (cấp xã) phù hợp với địa bàn tỉnh Bình Định. Cơ sở dữ liệu thông tin địa lý về chỉ số tổn thương xã hội trên bản đồ nền tỉnh Bình Định tỷ lệ 1/10.000 và 4 bản đồ chuyên đề. Phần mềm quản lý chỉ số tổn thương xã hội. Sản phẩm dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài. Một bài báo đăng trên tạp chí cấp ngành.	796,712	12/2017 - 12/2019
---	---	---	--	---	--	--	---------	-------------------

2	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ GIS trong xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ công tác quản lý và quảng bá xúc tiến đầu tư tỉnh Bình Định	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định KS. Phạm Đình Tòng	Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, quảng bá xúc tiến đầu tư trong các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, điểm đã thu hút đầu tư và điểm mời gọi đầu tư tại Bình Định. Xây dựng phần mềm phục vụ công tác quản lý, quảng bá xúc tiến đầu tư trong các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, điểm đã thu hút đầu tư và điểm mời gọi đầu tư tại Bình Định.	<p>Điều tra, khảo sát thực trạng các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, điểm đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Đánh giá hiện trạng và tình hình phát triển hạ tầng và các dự án đầu tư trong các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, điểm thu hút đầu tư và đề xuất các giải pháp ứng dụng CNTT trong quản lý xúc tiến các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p> <p>Xây dựng Cơ sở dữ liệu thông tin địa lý phục vụ quản lý và kêu gọi xúc tiến các dự án đầu tư trong các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, điểm đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p> <p>Xây dựng bản đồ GIS và 03 lớp thông tin chuyên đề.</p> <p>Xây dựng phần mềm quản lý và khai thác dữ liệu xúc tiến đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Định gắn với WebGIS.</p> <p>Tổ chức hội thảo khoa học: 01 cuộc.</p> <p>Tổ chức Hướng dẫn sử dụng phần mềm: 01 cuộc.</p> <p>Phiếu điều tra: 486 phiếu.</p>	<p>Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Các báo cáo chuyên đề: Đánh giá hiện trạng và tình hình phát triển hạ tầng và các dự án đầu tư trong các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, điểm thu hút đầu tư và đề xuất các giải pháp ứng dụng CNTT trong quản lý xúc tiến các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p> <p>Cơ sở dữ liệu hệ thống hạ tầng thông tin xúc tiến đầu tư trên bản đồ nền tỷ lệ 1/50.000 toàn tỉnh Bình Định.</p> <p>Phần mềm quản lý và khai thác dữ liệu hạ tầng thông tin xúc tiến đầu tư gắn với WebGIS và MobileGIS.</p> <p>Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm.</p> <p>Sản phẩm dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài.</p>	567,073	12/2017 - 12/2019
---	---	---	--	--	---	--	---------	-------------------

3	Xây dựng hệ thống phần mềm phục vụ quản lý Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định	Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới Phan Thành Giản ThS. Phan Thị Thuý	Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Nghiên cứu xây dựng hệ thống phần mềm phục vụ công tác quản lý Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định.	<p>Điều tra, đánh giá thực trạng xây dựng nông thôn mới và mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong Chương trình xây dựng nông thôn mới.</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Thực trạng xây dựng nông thôn mới và mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định.</p> <p>Xây dựng hệ thống phần mềm phục vụ công tác quản lý Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định.</p> <p>Thời gian thực hiện đề tài: 12 tháng</p> <p>Tổ chức hội thảo khoa học: 01 cuộc.</p> <p>Tổ chức tập huấn: 04 lớp.</p> <p>Phiếu điều tra: 144 phiếu.</p> <p>Duy trì tên miền và thuê hosting: 03 năm</p>	<p>Sản phẩm dạng II:</p> <p>Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt.</p> <p>Báo cáo chuyên đề: Thực trạng xây dựng nông thôn mới và mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định.</p> <p>Hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định.</p> <p>Sản phẩm dạng III:</p> <p>Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài.</p>	372,222	10/2017 - 10/2018
---	---	---	--	--	--	--	---------	-------------------

4	Nghiên cứu khả năng sinh sản, sinh trưởng, sức sản xuất của dòng lợn Landrace và YorkShire cao sản Đan Mạch nuôi tại Bình Định	Trung tâm Giống nông nghiệp tỉnh Bình Định Lê Thanh Phong	Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Nhân thuần dòng lợn Landrace và YorkShire cao sản để tạo con giống có khả năng sinh sản cao và thích nghi tốt với điều kiện nuôi tại Bình Định; Đánh giá khả năng sinh sản, sinh trưởng của dòng lợn Landrace và YorkShire cao sản Đan Mạch nuôi tại Bình Định; Đánh giá hiệu quả kinh tế của dòng lợn Landrace và YorkShire cao sản Đan Mạch nuôi tại Bình Định.	<p>Nhân thuần dòng lợn Landrace và YorkShire cao sản để tạo con giống có khả năng sinh sản cao và thích nghi tốt với điều kiện nuôi tại Bình Định.</p> <p>Theo dõi khả năng sinh trưởng, sức sản xuất của dòng lợn Landrace và YorkShire cao sản Đan Mạch nuôi tại Bình Định.</p> <p>Quy mô theo dõi: 40 con (20 con/dòng x 2 dòng).</p> <p>Theo dõi khả năng sinh sản của dòng lợn Landrace và YorkShire cao sản Đan Mạch nuôi tại Bình Định.</p> <p>Quy mô theo dõi: 28 con (14 con/dòng x 2 dòng).</p> <p>Đánh giá hiệu quả kinh tế của dòng lợn Landrace và YorkShire cao sản Đan Mạch nuôi tại Bình Định.</p> <p>Xây dựng báo cáo: Hoàn thiện quy trình chăn nuôi lợn Landrace và YorkShire cao sản Đan Mạch phù hợp với điều kiện Bình Định.</p> <p>Mua lợn giống 24 con (04 con đực và 20 con cái).</p> <p>Xét nghiệm: 40 mẫu.</p> <p>Học tập quy trình kỹ thuật chăn nuôi heo cao sản: 01 cán bộ kỹ thuật, 01 công nhân.</p> <p>Tổ chức hội thảo khoa học: 01 cuộc.</p> <p>Tổ chức tập huấn: 02 lớp.</p>	<p>Sản phẩm dạng I: Lợn Landrace: 20 con (đảm bảo các chỉ tiêu về sức sinh sản, sinh trưởng, sức sản xuất của giống cao sản). Lợn YorkShire: 20 con (đảm bảo các chỉ tiêu về sức sinh sản, sinh trưởng, sức sản xuất của giống cao sản).</p> <p>Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện Đề tài. Báo cáo tóm tắt. Quy trình chăn nuôi lợn Landrace và YorkShire cao sản Đan Mạch phù hợp với điều kiện Bình Định.</p> <p>Sản phẩm dạng III: 02 bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu đăng trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Định.</p>	998,155	12/2017 - 12/2020
---	--	--	--	---	--	---	---------	-------------------

5	Nghiên cứu một số yếu tố dinh dưỡng khoáng nâng cao năng suất dừa lấy dầu tại Bình Định	Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ ThS. Nguyễn Tấn Hưng	Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Nghiên cứu một số yếu tố dinh dưỡng khoáng và hoàn thiện quy trình canh tác dừa lấy dầu tại Bình Định nhằm nâng cao năng suất 20% và hiệu quả sản xuất 10%	<p>Nghiên cứu một số yếu tố dinh dưỡng khoáng và hoàn thiện quy trình canh tác dừa lấy dầu giai đoạn kinh doanh phù hợp với điều kiện tại Bình Định.</p> <p>Xây dựng báo cáo: Kết quả nghiên cứu về một số yếu tố dinh dưỡng khoáng cho cây dừa lấy dầu tại Bình Định.</p> <p>Hoàn thiện quy trình: Quy trình canh tác dừa lấy dầu giai đoạn kinh doanh phù hợp với điều kiện tại Bình Định.</p> <p>Xây dựng mô hình trình diễn quy trình canh tác dừa lấy dầu giai đoạn kinh doanh phù hợp với điều kiện tại Bình Định (tại Phù Mỹ: 01 ha, Hoài Nhơn: 01ha).</p> <p>Tổ chức hội thảo khoa học: 01 cuộc.</p> <p>Tổ chức hội nghị đầu bờ: 02 cuộc</p>	<p>Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Báo cáo chuyên đề: Kết quả nghiên cứu về một số yếu tố dinh dưỡng khoáng cho cây dừa lấy dầu tại Bình Định. Quy trình canh tác dừa lấy dầu giai đoạn kinh doanh phù hợp với điều kiện tại Bình Định.</p> <p>Sản phẩm Dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài.</p>	355,992	11/2017 - 11/2020
---	---	---	--	--	--	---	---------	-------------------

6	<p>Nghiên cứu thực nghiệm sinh sản nhân tạo, ương và nuôi thương phẩm cá rô đầu vuông (Anabas testudineus, Bloch 1792) tại Bình Định</p>	<p>Trung tâm Giống nông nghiệp Bình Định KS. Lê Trung Vinh</p>	<p>Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh</p>	<p>Xây dựng quy trình sinh sản nhân tạo cá rô đầu vuông (Anabas testudineus) phù hợp với điều kiện tự nhiên tại Bình Định, tỷ lệ thành thực đạt 70%, tỷ lệ thụ tinh đạt 80% và tỷ lệ nở đạt 90%. Xây dựng quy trình ương cá rô đầu vuông (Anabas testudineus) từ giai đoạn cá bột đến cá giống 60 ngày tuổi tại Bình Định, tỷ lệ sống đạt 10%, khối lượng trung bình đạt 4 gam/con. Xây dựng quy trình nuôi cá rô đầu vuông (Anabas testudineus) thương phẩm trong ao đất phù hợp với điều kiện tự nhiên tại Bình Định, đạt tỷ lệ sống 85% và khối lượng trung bình đạt 150 gam/con.</p>	<p>Nghiên cứu sinh sản nhân tạo cá rô đầu vuông (Anabas testudineus) phù hợp với điều kiện tự nhiên tại Bình Định. Mua cá bố mẹ: 100 con (khối lượng trung bình 250g/con) Xây dựng quy trình kỹ thuật sinh sản nhân tạo cá rô đầu vuông (Anabas testudineus) tại Bình Định. Nghiên cứu ương cá rô đầu vuông đầu vuông (Anabas testudineus) giai đoạn từ cá bột 1 ngày tuổi đến cá giống 60 ngày tuổi. Xây dựng quy trình kỹ thuật ương cá rô đầu vuông (Anabas testudineus) giai đoạn từ cá bột đến cá giống tại Bình Định. Nghiên cứu nuôi thương phẩm cá rô đầu vuông (Anabas testudineus): Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm tại Phù Mỹ, Hoài Ân, Phù Cát. Xây dựng quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm cá rô đầu vuông (Anabas testudineus) tại Bình Định. Tổ chức tập huấn chuyển giao kỹ thuật cho người dân trong tỉnh: 01 lớp. Học tập kinh nghiệm tại Trung tâm Giống thủy sản Hậu Giang – tỉnh Hậu Giang</p>	<p>Sản phẩm dạng I : Cá bột (khôe mạnh): 600.000 con Cá giống 60 ngày tuổi (4gam/con): 60.000 con Cá thương phẩm (150 gam/con): 5.300 kg Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Quy trình sinh sản nhân tạo cá rô đầu vuông tại Bình Định. Quy trình ương cá rô đầu vuông từ cá bột lên cá giống. Quy trình nuôi cá rô đầu vuông thương phẩm. Sản phẩm Dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài. Đĩa DVD về kỹ thuật sinh sản nhân tạo, ương và nuôi cá rô đầu vuông.</p>	<p>330,897</p>	<p>09/2017 - 03/2019</p>
---	--	--	---	--	--	---	----------------	--------------------------

7	<p>Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh trùn quế để nâng cao năng suất, hạn chế một số bệnh trên một số cây trồng cạn tại tỉnh Bình Định</p>	<p>Phòng Nông nghiệp huyện Phù Mỹ KS. Trịnh Văn Minh</p>	<p>Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh</p>	<p>Hoàn thiện quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh trùn quế đảm bảo yêu cầu về chất lượng. Xây dựng quy trình sử dụng chế phẩm vi sinh trùn quế để nâng cao năng suất, hạn chế một số bệnh trên một số cây trồng cạn (lạc, ớt, hành) tại tỉnh Bình Định, đảm bảo tăng năng suất cây trồng 5 – 10% và giảm tỷ lệ bệnh trên 10%.</p>	<p>Điều tra thu thập số liệu về tình hình sản xuất và các bệnh hại trên cây lạc, ớt, hành tại Phù Mỹ, Phù Cát, Hoài Nhơn. Phiếu điều tra: 20 phiếu/xã/cây x 6 xã x 3 cây = 360 phiếu Xây dựng báo cáo: Đánh giá tình hình sản xuất và các bệnh hại trên cây lạc, ớt, hành tại Phù Mỹ, Phù Cát, Hoài Nhơn. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh trùn quế đảm bảo yêu cầu về chất lượng. Xây dựng báo cáo: Quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh trùn quế đảm bảo yêu cầu về chất lượng. Nghiên cứu xây dựng quy trình sử dụng chế phẩm vi sinh trùn quế để nâng cao năng suất, hạn chế một số bệnh trên một số cây trồng cạn (lạc, ớt, hành) tại tỉnh Bình Định. Xây dựng báo cáo: Quy trình sử dụng chế phẩm vi sinh trùn quế đảm bảo phù hợp với điều kiện tại Bình Định Xây dựng mô hình trình diễn sử dụng chế phẩm vi sinh trùn quế trên một số cây trồng cạn (lạc, ớt, hành) tại Phù Mỹ, Phù Cát, Hoài Nhơn. Tổ chức hội thảo khoa học: 01 cuộc. Tổ chức tập huấn đầu vụ: 03 lớp. Tổ chức hội nghị đầu bờ: 03 cuộc. Phân tích mẫu: 06 mẫu</p>	<p>Sản phẩm dạng I : Chế phẩm vi sinh từ trùn quế: 200 lít Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Báo cáo chuyên đề: Đánh giá tình hình sản xuất và các bệnh hại trên cây lạc, ớt, hành tại Phù Mỹ, Phù Cát, Hoài Nhơn. Quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh trùn quế đảm bảo yêu cầu về chất lượng. Quy trình sử dụng chế phẩm vi sinh trùn quế đảm bảo phù hợp với điều kiện tại Bình Định. Sản phẩm Dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài.</p>	519,037	10/2017 - 10/2019
---	---	--	---	--	--	--	---------	-------------------

8	<p>Nghiên cứu một số giải pháp kỹ thuật canh tác trong sản xuất vùng (Sesamum indicum L.) trên chân đất lúa chuyển đổi tại Bình Định</p>	<p>Trung tâm Khuyến nông Bình Định ThS. Lê Quang Tinh</p>	<p>Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh</p>	<p>Nghiên cứu và hoàn thiện quy trình canh tác vùng phù hợp trên chân đất lúa chuyển đổi, năng suất đạt từ 10 tạ/ha trở lên, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên chân đất lúa kém hiệu quả ở Bình Định hiện nay</p>	<p>Điều tra, khảo sát và phân tích hiện trạng sản xuất vùng tại Bình Định Địa điểm điều tra: xã Hoài Sơn (huyện Hoài Nhơn); xã Cát Trinh (huyện Phù Cát), xã Mỹ Trinh (huyện Phù Mỹ), xã Bình Tân (huyện Tây Sơn). Phiếu điều tra: 200 phiếu. Xây dựng báo cáo: Kết quả phân tích đánh giá hiện trạng, tình hình sản xuất vùng tại Bình Định. Nghiên cứu một số giải pháp kỹ thuật canh tác vùng trên đất lúa chuyển đổi bao gồm xác định giống, lượng phân bón và một số biện pháp canh tác làm tăng năng suất vùng tại 02 xã Cát Trinh (Phù Cát) và Hoài Sơn (Hoài Nhơn). Phân tích mẫu đất: 08 mẫu Xây dựng mô hình trình diễn và hoàn thiện quy trình thâm canh cây vùng trên chân đất lúa chuyển đổi tại Bình Định (tại 02 xã Cát Trinh (Phù Cát) và Hoài Sơn (Hoài Nhơn)). Xây dựng báo cáo: Hoàn thiện quy trình thâm canh cây vùng trên chân đất lúa chuyển đổi tại Bình Định. Tổ chức hội thảo khoa học: 01 cuộc. Tổ chức tập huấn: 02 lớp. Tổ chức hội nghị đầu bờ: 02 cuộc. Xây dựng 01 đĩa DVD: Quy trình kỹ thuật thâm canh vùng trên đất lúa chuyển đổi.</p>	<p>Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Báo cáo chuyên đề: Kết quả phân tích đánh giá hiện trạng, tình hình sản xuất vùng tại Bình Định. Quy trình thâm canh cây vùng trên chân đất lúa chuyển đổi tại Bình Định. Sản phẩm dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài.</p>	494,984	11/2017 - 10/2020
---	--	---	---	---	---	--	---------	-------------------

9	Nghiên cứu trồng thử nghiệm một số loài cây hoa cảnh quan có giá trị phục vụ phát triển du lịch sinh thái tại xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Côn ThS. Nguyễn Ngọc Đạo	Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Đánh giá khả năng thích ứng của một số loài hoa cảnh quan tại xã Vĩnh Sơn đáp ứng yêu cầu cảnh quan phục vụ phát triển du lịch. Tuyển chọn được 2 3 loài cây hoa cảnh quan thích ứng với điều kiện khí hậu Vĩnh Sơn. Xây dựng quy trình trồng và chăm sóc những loài hoa thích nghi.	<p>Khảo sát, thu thập các điều kiện tự nhiên, khu vực nghiên cứu; đánh giá thực trạng trồng cây hoa cảnh quan tại xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh và đi học tập kinh nghiệm.</p> <p>Xây dựng báo cáo: Kết quả khảo sát điều kiện tự nhiên tại xã Vĩnh Sơn, sự đa dạng cây hoa bản địa và tiềm năng trồng hoa cảnh quan phục vụ phát triển du lịch.</p> <p>Thu thập, tuyển chọn và trồng thử nghiệm một số loài cây hoa cảnh quan có giá trị trồng thử nghiệm: Cây hoa Anh Đào Nhật Bản, cây Mai Anh Đào và cây hoa Cẩm Tú Cầu.</p> <p>Mua 150 cây con 16 tháng tuổi; Mua và đi thực 20 cây Mai Anh Đào đã ra hoa có đường kính 5 25cm; Mua hạt giống Mai Anh Đào và Cẩm Tú Cầu (nhân 2000 cây con); Giống hoa Cẩm Tú Cầu trồng 280 cây.</p> <p>Xây dựng báo cáo: Sinh trưởng, phát triển cây hoa Anh Đào Nhật Bản, cây Mai Anh Đào và cây hoa Cẩm Tú Cầu.</p> <p>Nghiên cứu xây dựng các quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc các loài cây hoa cảnh quan phù hợp với điều kiện tự nhiên tại xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh.</p> <p>Học tập kinh nghiệm tại Lâm Đồng – Đà Lạt và Nhật Bản.</p> <p>Tổ chức hội thảo khoa học: 01 cuộc.</p> <p>Tổ chức hội nghị đầu bờ: 01 cuộc.</p>	<p>Sản phẩm dạng I :</p> <p>Cây hoa Mai Anh Đào (tỷ lệ sống 80%, có hoa): sống tốt: 120 cây; cây có hoa 50 cây; và 1.600 cây con.</p> <p>Cây hoa Anh Đào Nhật Bản (tỷ lệ sống 75%): 15 cây.</p> <p>Cây hoa Cẩm Tú Cầu (tỷ lệ sống 90%, cao 0,5 0,8m, có hoa): 252 cây.</p> <p>Sản phẩm dạng II:</p> <p>Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt.</p> <p>Các báo cáo chuyên đề:</p> <p>+ Kết quả khảo sát điều kiện tự nhiên tại xã Vĩnh Sơn, sự đa dạng cây hoa bản địa và tiềm năng trồng hoa cảnh quan phục vụ phát triển du lịch.</p> <p>+ Sinh trưởng, phát triển cây hoa Anh Đào Nhật Bản, cây Mai Anh Đào và cây hoa Cẩm Tú Cầu.</p> <p>Quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây hoa Anh Đào Nhật Bản.</p> <p>Quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây hoa Mai Anh Đào.</p> <p>Quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây hoa Cẩm Tú Cầu.</p> <p>Sản phẩm Dạng III:</p> <p>Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài.</p> <p>Đĩa DVD tuyên truyền phát triển du lịch Vĩnh Sơn.</p>	676,565	10/2017 - 02/2020
---	---	---	--	--	--	---	---------	-------------------

10	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp bơm thuốc điều trị ung thư phối hợp với nút động mạch nuôi u trong điều trị ung thư gan nguyên phát	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định BSCK2. Nguyễn Văn Trung	Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Mô tả đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng ở bệnh nhân ung thư gan nguyên phát được điều trị bằng phương pháp bơm thuốc điều trị ung thư và nút động mạch nuôi khối u. Đánh giá kết quả điều trị ung thư gan nguyên phát được điều trị bằng phương pháp bơm thuốc điều trị ung thư và nút động mạch nuôi khối u tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định.	<p>Mô tả đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng ở bệnh nhân ung thư gan nguyên phát được điều trị bằng phương pháp bơm thuốc điều trị ung thư và nút động mạch nuôi khối u.</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề 1: Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và nhận xét một số biến chứng có thể gặp trong điều trị can thiệp ung thư gan bằng phương pháp TACE.</p> <p>Đánh giá kết quả điều trị ung thư gan nguyên phát được điều trị bằng phương pháp bơm thuốc điều trị ung thư và nút động mạch nuôi khối u tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định.</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề 2: Chẩn đoán giai đoạn ung thư biểu mô tế bào gan và chỉ định thuyên tắc mạch.</p> <p>Xây dựng quy trình bơm thuốc điều trị ung thư phối hợp với nút động mạch nuôi u trong điều trị ung thư gan nguyên phát.</p> <p>Tổ chức hội thảo khoa học: 01 cuộc.</p> <p>Cỡ mẫu nghiên cứu: 35 bệnh nhân.</p> <p>Xây dựng video clip về quy trình thực hiện 01 ca phẫu thuật.</p>	<p>Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Các báo cáo chuyên đề: + Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và nhận xét một số biến chứng có thể gặp trong điều trị can thiệp ung thư gan bằng phương pháp TACE. + Chẩn đoán giai đoạn ung thư biểu mô tế bào gan và chỉ định thuyên tắc mạch. + Quy trình bơm thuốc điều trị ung thư phối hợp với nút động mạch nuôi u trong điều trị ung thư gan nguyên phát.</p> <p>Sản phẩm dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài. 01 video clip về quy trình về quy trình thực hiện 01 ca phẫu thuật.</p>	233,746	09/2017 - 09/2019
----	---	--	--	--	---	---	---------	-------------------

11	Nghiên cứu dịch tễ học lâm sàng và phân tử bệnh Tay Chân Miệng tại một số điểm ở tỉnh Bình Định năm 2017-2019	Bệnh viện Phong Da liễu Trung ương Quy Hòa TS. Vũ Tuấn Anh	Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Đánh giá một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh Tay Chân Miệng tại các điểm nghiên cứu năm 2017 2019. Xác định tỉ lệ nhiễm Enterovirus, Enterovirus 71, Coxsackie A16 bằng kỹ thuật Sinh học phân tử và một số yếu tố liên quan bệnh Tay Chân Miệng tại các điểm nghiên cứu năm 2017 2019.	<p>Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng bệnh Tay Chân Miệng tại Bình Định năm 2017 2019</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng bệnh Tay Chân Miệng tại Bình Định năm 2017 2019</p> <p>Xác định các type virus gây bệnh Tay Chân Miệng tại Bình Định năm 2017 2019.</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Tỉ lệ nhiễm và dịch tễ học phân tử các type virus Enterovirus, Enterovirus 71, Coxsackie A16 gây bệnh Tay Chân Miệng tại một số điểm trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2017 2019.</p> <p>Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ dịch tễ bệnh Tay Chân Miệng tại các điểm nghiên cứu ở Bình Định.</p> <p>Đánh giá một số yếu tố liên quan đến bệnh Tay Chân Miệng tại một số điểm trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2017 2019.</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Một số yếu tố liên quan đến mức độ bệnh và type virus gây bệnh Tay Chân Miệng tại một số điểm trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2017 2019.</p> <p>Cỡ mẫu bệnh nhân nghiên cứu: 300 bệnh nhân</p> <p>Tờ rơi tuyên truyền: 3.000 tờ</p> <p>Tổ chức tập huấn nhóm nghiên cứu: 01 cuộc</p> <p>Tổ chức hội thảo khoa học: 01 cuộc.</p>	<p>Sản phẩm dạng II:</p> <p>Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt.</p> <p>Các báo cáo chuyên đề:</p> <p>+ Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng bệnh Tay Chân Miệng tại Bình Định năm 2017 2019.</p> <p>+ Tỉ lệ nhiễm và dịch tễ học phân tử các type virus Enterovirus, Enterovirus 71, Coxsackie A16 gây bệnh Tay Chân Miệng tại một số điểm trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2017 2019.</p> <p>+ Một số yếu tố liên quan đến mức độ bệnh và type virus gây bệnh Tay Chân Miệng tại một số điểm trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2017 2019.</p> <p>Sản phẩm dạng III:</p> <p>Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài.</p> <p>Bản đồ dịch tễ bệnh Tay Chân Miệng tại các điểm nghiên cứu ở Bình Định.</p> <p>Tờ rơi tuyên truyền.</p>	559,744	12/2017 - 12/2019
----	---	--	--	--	---	--	---------	-------------------

12	Nghiên cứu đặt máy tạo nhịp 2 buồng tái đồng bộ nhịp nhĩ thất trong điều trị suy nút xoang và block nhĩ thất tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định BSK2. Phan Nam Hùng	Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Khảo sát đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng ở bệnh nhân suy nút xoang và block nhĩ thất được đặt máy tạo nhịp 2 buồng, tái đồng bộ nhịp nhĩ thất. Đánh giá hiệu quả đặt máy tạo nhịp 2 buồng, tái đồng bộ nhịp nhĩ thất trong điều trị nút xoang và block nhĩ thất tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định.	<p>Khảo sát đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng ở bệnh nhân suy nút xoang và block nhĩ thất được đặt máy tạo nhịp 2 buồng, tái đồng bộ nhịp nhĩ thất.</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề 1: Cập nhật chẩn đoán suy nút xoang và block nhĩ thất.</p> <p>Đánh giá hiệu quả đặt máy tạo nhịp 2 buồng, tái đồng bộ nhịp nhĩ thất trong điều trị nút xoang và block nhĩ thất tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định.</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề 2: Các biến chứng ở bệnh nhân đặt máy tạo nhịp 2 buồng tái đồng bộ nhịp nhĩ thất.</p> <p>Xây dựng quy trình đặt máy tạo nhịp vĩnh viễn 2 buồng tim.</p> <p>Tổ chức hội thảo khoa học: 01 cuộc.</p> <p>Cỡ mẫu nghiên cứu: 30 bệnh nhân.</p> <p>Xây dựng video clip về quy trình đặt máy tạo nhịp vĩnh viễn 2 buồng tim.</p>	<p>Sản phẩm dạng II:</p> <p>Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt.</p> <p>Các báo cáo chuyên đề:</p> <p>+ Cập nhật chẩn đoán suy nút xoang và block nhĩ thất.</p> <p>+ Các biến chứng ở bệnh nhân đặt máy tạo nhịp 2 buồng tái đồng bộ nhịp nhĩ thất.</p> <p>+ Quy trình đặt máy tạo nhịp vĩnh viễn 2 buồng tim.</p> <p>Sản phẩm dạng III:</p> <p>Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài.</p> <p>01 video clip về quy trình đặt máy tạo nhịp vĩnh viễn 2 buồng tim..</p>	200,287	09/2017 - 09/2019
----	---	--	--	---	---	---	---------	-------------------

13	Đánh giá trình độ công nghệ, tốc độ đổi mới công nghệ và đề xuất các giải pháp thúc đẩy đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định	Trung tâm Thông tin - Ứng dụng KH&CN Bình Định KS. Đinh Xuân Nhật	Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Đánh giá hiện trạng trình độ công nghệ một số nhóm ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định. Xác định tốc độ đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2015 2017. Đề xuất các giải pháp thúc đẩy đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 2030.	<p>Điều tra, khảo sát và đánh giá hiện trạng trình độ công nghệ một số nhóm ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định; Xây dựng cơ sở dữ liệu về hiện trạng trình độ công nghệ.</p> <p>Xây dựng chuyên đề 1: Đánh giá hiện trạng trình độ công nghệ một số nhóm ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p> <p>Điều tra, tính toán tốc độ đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2015 2017.</p> <p>Xây dựng chuyên đề 2: Tốc độ đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2015 2017.</p> <p>Đề xuất các giải pháp thúc đẩy đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 2030.</p> <p>Xây dựng chuyên đề 3: Đề xuất các giải pháp thúc đẩy đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 2030.</p> <p>Thời gian thực hiện đề tài : 20 tháng.</p> <p>Tổ chức hội thảo khoa học: 01 cuộc.</p> <p>Tổ chức tập huấn: 02 lớp.</p> <p>Phiếu điều tra: 100 phiếu.</p> <p>Điều tra thử: 10 phiếu.</p> <p>Chuyển giao phần mềm đánh giá trình độ công nghệ từ Viện Đánh giá khoa học và Định giá công nghệ.</p> <p>Học tập kinh nghiệm tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Nam.</p>	<p>Sản phẩm dạng I: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt.</p> <p>Các báo cáo chuyên đề:</p> <p>+ Đánh giá hiện trạng trình độ công nghệ một số nhóm ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p> <p>+ Tốc độ đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2015 2017.</p> <p>+ Đề xuất các giải pháp thúc đẩy đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 2030.</p> <p>Phần mềm và cơ sở dữ liệu đánh giá trình độ công nghệ từ Viện Đánh giá khoa học và Định giá công nghệ.</p> <p>Sản phẩm dạng II: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài.</p>	400,679	12/2017 - 07/2019
----	---	---	--	--	--	---	---------	-------------------

14	<p>Nghiên cứu vận dụng phương pháp dạy học theo dự án hướng tích hợp khoa học tự nhiên (Vật lý, Hóa học, Sinh học) ở trường trung học cơ sở, tỉnh Bình Định</p>	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định ThS. Lê Ngọc Vịnh</p>	<p>Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh</p>	<p>Đánh giá thực trạng về năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo của học sinh trong môn Khoa học tự nhiên; Thực trạng giáo viên vận dụng phương pháp dạy học theo dự án, năng lực dạy học tích hợp của giáo viên Khoa học tự nhiên THCS ở Bình Định. Vận dụng phương pháp dạy học theo dự án hướng tích hợp Khoa học tự nhiên nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh, năng lực dạy học tích hợp cho giáo viên Khoa học tự nhiên THCS. Xây dựng 04 mô hình thí điểm dạy học theo dự án hướng tích hợp Khoa học tự nhiên khối lớp 8,9 tại một số trường THCS trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Nghiên cứu cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng về năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo của học sinh trong môn Khoa học tự nhiên; Thực trạng giáo viên vận dụng phương pháp dạy học theo dự án, năng lực dạy học tích hợp của giáo viên Khoa học tự nhiên THCS ở Bình Định. Xây dựng chuyên đề 1: Nghiên cứu cơ sở lý luận chung của việc vận dụng phương pháp dạy học theo dự án hướng tích hợp khoa học tự nhiên ở trường THCS nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh, phát triển năng lực dạy học tích hợp cho giáo viên Xây dựng chuyên đề 2: Đánh giá thực trạng về năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo của học sinh trong môn Khoa học tự nhiên; Thực trạng giáo viên vận dụng phương pháp dạy học theo dự án, năng lực dạy học tích hợp của giáo viên Khoa học tự nhiên THCS ở Bình Định. Nghiên cứu xây dựng tài liệu và tập huấn cho giáo viên Khoa học tự nhiên về vận dụng phương pháp dạy học theo dự án hướng tích hợp Khoa học tự nhiên. Xây dựng chuyên đề 3: Xây dựng 02 kế hoạch bài học dạy học theo dự án hướng tích hợp khoa học tự nhiên môn vật lý khối lớp 8, lớp 9 nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo cho học sinh</p>	<p>Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Các báo cáo chuyên đề: 09 chuyên đề nêu trên Sản phẩm dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài. 03 video clip về dạy học theo dự án hướng tích hợp cho 3 môn Vật lý, Hóa học, Sinh học.</p>	555,51	10/2017 - 10/2019
----	---	---	---	---	--	--	--------	-------------------

15	Xây dựng mô hình can thiệp dự phòng, sàng lọc và kiểm soát ung thư cổ tử cung của phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49 tuổi) dựa vào y tế xã tỉnh Bình Định	Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh Bình Định ThS. Nguyễn Thị Như Tú	Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Xây dựng và triển khai mô hình phòng chống ung thư cổ tử cung dựa vào y tế xã cho phụ nữ 15 49 tuổi tại xã Canh Hòa, huyện Vân Canh. Đánh giá hiệu quả và khả năng áp dụng mô hình phòng chống ung thư cổ tử cung dựa vào y tế xã sau 1 năm can thiệp.	Xây dựng và triển khai mô hình phòng chống ung thư cổ tử cung dựa vào y tế xã cho phụ nữ 15 49 tuổi tại xã Canh Hòa, huyện Vân Canh. Xây dựng báo cáo chuyên đề 1: Mô hình phòng chống ung thư cổ tử cung dựa vào y tế xã. Xây dựng báo cáo chuyên đề 2: Thực trạng kiến thức thực hành phòng chống ung thư cổ tử cung của phụ nữ từ 15 49 tuổi tại 2 xã miền núi Canh Hòa và Vĩnh Kim. Đánh giá hiệu quả và khả năng áp dụng mô hình phòng chống ung thư cổ tử cung dựa vào y tế xã sau 1 năm can thiệp Xây dựng báo cáo chuyên đề 3: Hiệu quả mô hình phòng chống ung thư cổ tử cung dựa vào y tế xã. Xây dựng báo cáo chuyên đề 4: Khả năng áp dụng mô hình phòng chống ung thư cổ tử cung cho các trạm y tế tại tỉnh Bình Định. Phiếu điều tra: 600 phiếu/đợt x 2 đợt = 1.200 phiếu Điều tra thử nghiệm: 30 phiếu/đợt x 2 đợt = 60 phiếu Tổ chức hội thảo khoa học: 01 cuộc. Tổ chức tập huấn: 12 lớp.	Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Các báo cáo chuyên đề: + Mô hình phòng chống ung thư cổ tử cung dựa vào y tế xã. + Thực trạng kiến thức thực hành phòng chống ung thư cổ tử cung của phụ nữ từ 15 49 tuổi tại 2 xã miền núi Canh Hòa và Vĩnh Kim. + Hiệu quả mô hình phòng chống ung thư cổ tử cung dựa vào y tế xã. + Khả năng áp dụng mô hình phòng chống ung thư cổ tử cung cho các trạm y tế tỉnh Bình Định. Sản phẩm dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài. 3.000 tờ rơi và 20 tờ áp phích	502,779	09/2017 - 03/2019
16	Tái cơ cấu gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế tỉnh Bình Định theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh đến năm 2025	Viện		Đánh giá thực trạng cơ cấu kinh tế và mô hình tăng trưởng kinh tế Bình Định giai đoạn 2011-2015; trên cơ sở đó đề xuất giải pháp thúc đẩy quá trình tái cơ cấu và chuyển đổi mô hình tăng trưởng Bình Định đến năm 2025	Thực trạng cơ cấu kinh tế và mô hình tăng trưởng kinh tế Bình Định giai đoạn 2011-2015 Luận cứ tái cơ cấu và chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế Bình Định đến năm 2025 Định hướng tái cơ cấu và chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế Bình Định đến năm 2025	Báo cáo tóm tắt, báo cáo tổng kết, Báo cáo đăng trên tạp chí uy tín, Đĩa CD-ROM, phiếu điều tra	219,840	04/2017-12/2017

17	Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí thành phố sống tốt cho Quy Nhơn và vùng phụ cận	Viện		Hình thành, triển khai đánh giá thực tế bộ tiêu chí thành phố sống tốt cho Quy Nhơn và vùng phụ cận. Đề xuất giải pháp áp dụng bộ tiêu chí nhằm nâng cao chất lượng đô thị cũng như chất lượng sống của người dân thành phố Quy Nhơn.	Cơ sở lý luận về thành phố sống tốt Thực trạng thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận qua các tiêu chí thành phố sống tốt Giải pháp để thực hiện thành phố sống tốt cho Quy Nhơn và vùng phụ cận	Báo cáo tóm tắt, báo cáo tổng kết, Báo cáo đăng trên tạp chí uy tín, Đĩa CD-ROM, phiếu điều tra	277,450	04/2017-12/2017
18	Giải pháp nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI) tỉnh Bình Định	Viện		Nhận diện và so sánh chỉ số HDI của Bình Định với cả nước và trong tổng thể vùng kinh tế trọng điểm miền Trung Đánh giá mối tương quan giữa các chỉ số phát triển con người, phát triển kinh tế và phát triển giáo dục tỉnh Bình Định Đánh giá về tiến bộ trong phát triển con người tỉnh Bình Định và mức độ bao trùm của tăng trưởng của tỉnh, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao chỉ số phát triển con người góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững tỉnh Bình Định trong giai đoạn tới	Tổng quan về chỉ số phát triển con người tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2015 Phân tích về phát triển con người tỉnh Bình Định Các khuyến nghị nâng cao HDI tỉnh Bình Định	Báo cáo tổng hợp kết quả; báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; Báo cáo tổng kết; Bài báo khoa học; Đĩa CD-ROM; Phiếu điều tra	266,100	04/2017-12/2017

19	Giải pháp thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định	Viện		Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư vào khu kinh tế, các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định. Đề xuất các định hướng và những giải pháp chủ yếu để tăng cường thu hút đầu tư vào khu kinh tế, các khu công nghiệp của tỉnh Bình Định.	Thực trạng thu hút đầu tư vào khu kinh tế, các khu công nghiệp của tỉnh Bình Định Khả năng và các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư vào khu kinh tế, các khu công nghiệp giai đoạn 2000 – 2015 của tỉnh Bình Định Định hướng và giải pháp thu hút vốn đầu tư vào khu kinh tế, các khu công nghiệp ở tỉnh Bình Định	Báo cáo tổng hợp kết quả; báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; Báo cáo tổng kết; Báo cáo đăng trên tạp chí Viện hoặc tạp chí có uy tín khác; Đĩa CD-ROM; Phiếu điều tra	263,570	04/2017-12/2017
20	Chất lượng quản trị các xã nông thôn mới tỉnh Bình Định – Thực trạng và giải pháp	Viện		Xây dựng khung quản trị xã nông thôn mới, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả trong quản trị xã nông thôn mới phát triển bền vững.	Nghiên cứu xây dựng khung quản trị địa phương xã nông thôn mới Thực trạng quản trị các xã nông thôn mới Giải pháp quản trị các xã nông thôn mới	Báo cáo tổng kết, phiếu điều tra, Đĩa CD-ROM, Sổ tay quản trị địa phương	279,360	04/2017-12/2017
III	Năm 2018							

1	<p>Nghiên cứu ứng dụng công nghệ GIS, viễn thám và địa kỹ thuật để khoanh vùng và cảnh báo tình trạng trượt lở đất, đá tại các khu vực trọng điểm tỉnh Bình Định và đề xuất các giải pháp ứng phó</p>	<p>Viện Địa công nghệ và Môi trường ThS. Nguyễn Kim Long</p>	<p>Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh</p>	<p>Đánh giá hiện trạng, xác định nguyên nhân trượt lở đất, đá tại các khu vực trọng điểm trên địa bàn tỉnh Bình Định. Ứng dụng các công cụ GIS, ảnh viễn thám và dữ liệu mưa vệ tinh để khoanh vùng và dự báo nguy cơ trượt lở đất, đá tại các khu vực trọng điểm nêu trên tại tỉnh Bình Định. Đề xuất các giải pháp ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do tai biến trượt lở đất, đá trên các khu vực trọng điểm nêu trên tại địa bàn tỉnh Bình Định.</p>	<p>Đánh giá hiện trạng, xác định nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển trượt lở đất, đá tại các khu vực trọng điểm tỉnh Bình Định, bao gồm khu vực núi Bà Hòa, thành phố Quy Nhơn, hồ Vạn Hội huyện Hoài Ân, tuyến đường miền núi An Trung An Toàn, huyện An Lão và tuyến đường ven biển Cát Hải Cát Tiến huyện Phù Cát. Phân tích dữ liệu quá khứ xác định thực nghiệm đặc điểm hình thể, ngưỡng lượng mưa gây trượt lở và khoanh vùng nguy cơ trượt lở tại một số khu vực trọng yếu. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do tai biến trượt lở tại các khu vực trọng điểm trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p>	<p>Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Báo cáo chuyên đề: + Đánh giá hiện trạng, nguyên nhân trượt lở đất, đá khu vực các khu vực trọng điểm tỉnh Bình Định. + Ứng dụng viễn thám và GIS khoanh vùng hiện trạng, và dự báo nguy cơ trượt lở đất, đá khu vực trọng yếu. + Đề xuất các giải pháp (công trình, phi công trình) ứng phó giảm thiểu thiệt hại tai biến trượt lở đất, đá. Bản đồ hiện trạng và bản đồ tổng hợp dự báo nguy cơ trượt lở tỷ lệ 1/50.000 (phần bổ sung) trên các tuyến giao thông trọng điểm và tỷ lệ 1/10.000 đối với khu vực núi Bà Hòa Quy Nhơn và hồ Vạn Hội Hoài Ân. Bộ cơ sở dữ liệu tập hợp được tất cả các kết quả nghiên cứu của đề tài, được tổ chức quản lý dưới dạng WebGIS phục vụ cho công tác tra cứu và tham khảo Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm. Sản phẩm dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài.</p>	854,885	09/2018 - 03/2021
---	---	--	---	--	--	---	---------	-------------------

2	<p>Nghiên cứu xây dựng mô hình gan, xác định thể tích và phát hiện bất thường của vùng Gan theo chỉ định dựa trên hình ảnh y khoa chụp cắt lớp vi tính (CT) ổ bụng</p>	<p>Trường Đại học Quy Nhơn TS. Lê Thị Kim Nga</p>	<p>Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh</p>	<p>Dựa trên các kỹ thuật tính toán, xử lý ảnh, mô hình học và cá kỹ thuật dựng mô hình 3D hiện đại kết hợp với khai phá dữ liệu y học để xây dựng phần mềm xử lý ảnh chuyên sâu hỗ trợ chẩn đoán và điều trị các bệnh về Gan với các chức năng như: mô hình Gan, tính toán thể tích vùng Gan theo chỉ định và phát hiện các bất thường trên gan dựa vào dữ liệu hình ảnh y tế CT, MRI</p>	<p>Nghiên cứu đánh giá thực trạng của ứng dụng công nghệ thông tin của các hệ thống hỗ trợ chẩn đoán hình ảnh trong y tế trong nước, trên thế giới nói chung và tại Bình Định nói riêng: Nghiên cứu và phân tích các chỉ số y học đánh giá các bệnh lý về Gan trong chẩn đoán và điều trị dựa trên khai phá dữ liệu. Nghiên cứu các thuật toán xử lý ảnh y tế; thị giác máy và xây dựng mô hình các bộ phận của cơ thể trong y học hiện đại Xây dựng CSDL ảnh Gan bình thường và Gan bị tổn thương dựa vào dữ liệu ảnh CT, MRI ổ bụng, tích hợp thông số y học của Gan. Xây dựng phần mềm tính toán và xử lý chuyên sâu trên dữ liệu ảnh CT, MRI Gan và hiện thị mô hình Gan Phân tích và đối chứng Triển khai cài đặt và đánh giá kết quả</p>	<p>Sản phẩm dạng II: Báo cáo đánh giá thực trạng ứng dụng CNTT trong chẩn đoán hình ảnh y tế Các báo cáo khoa học nghiên cứu ở Nội dung 3 CSDL ảnh CT, MRI Gan với thông tin chi số y học đi kèm Hệ thống phần mềm QNUIPS version1 và các tài liệu liên quan Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Sản phẩm dạng III: 03 bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài.</p>	<p>942,49</p>	<p>10/2018 - 02/2021</p>
---	--	---	---	---	--	---	---------------	--------------------------

3	<p>Nghiên cứu ứng dụng công nghệ bề mặt tế bào nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> sản xuất chế phẩm sinh học - probiotic phòng ngừa bệnh đốm trắng trong nuôi tôm ở Bình Định</p>	<p>Trung tâm Ứng dụng tiên bộ KH&CN Bình Định ThS. Lê Hồng Linh</p>	<p>Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh</p>	<p>Tạo được hệ thống tế bào nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> bằng công nghệ bề mặt tế bào ứng dụng trong sản xuất probiotic giúp tăng sức đề kháng của tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) trong phòng ngừa virus đốm trắng. Xây dựng được bộ chủng giống vi sinh vật bản địa có hoạt tính cao, có khả năng cải tạo môi trường trong nuôi tôm và góp phần tăng sức đề kháng của tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) trong phòng ngừa một số bệnh thường gặp ở Bình Định. Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học probiotic chứa một số chủng vi sinh vật bản địa và hệ thống tế bào nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> bằng công nghệ bề mặt tế bào giúp tăng khả năng xử lý môi trường trong nuôi tôm và tăng sức đề kháng của tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) ứng dụng trong nuôi tôm công nghệ cao tại</p>	<p>Phân lập, tuyển chọn bộ chủng giống vi sinh vật bản địa có khả năng chịu mặn cao, hoạt tính xử lý môi trường tốt và tăng sức đề kháng của tôm trong phòng ngừa một số bệnh thường gặp ở Bình Định. Tạo dòng tế bào nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> bằng công nghệ bề mặt tế bào giúp tăng sức đề kháng của tôm thẻ chân trắng trong phòng ngừa bệnh đốm trắng. Nghiên cứu thiết kế công thức probiotic làm thức ăn bổ sung với bộ chủng vi sinh bản địa và nấm men ứng dụng công nghệ bề mặt tế bào giúp tăng khả năng xử lý môi trường và tăng sức đề kháng của tôm thẻ chân trắng trong phòng ngừa một số bệnh thường gặp ở Bình Định. Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học tăng khả năng xử lý môi trường và tăng sức đề kháng của tôm thẻ chân trắng trong phòng ngừa một số bệnh thường gặp ở Bình Định.</p>	<p>Sản phẩm dạng I: Chủng giống vi khuẩn <i>Bacillus</i>: 02 chủng Chủng giống vi khuẩn <i>Lactobacillus</i>: 01 chủng Chủng nấm men <i>S. cerevisiae</i> có khả năng biểu hiện trên bề mặt protein VP28 có nguồn gốc từ virus gây bệnh đốm trắng trên tôm: 01 chủng Chế phẩm sinh học probiotic: 100 kg Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Báo cáo kết quả phân lập, tuyển chọn các chủng vi sinh vật bản địa có hoạt tính enzyme cao và có khả năng kháng một số vi khuẩn gây bệnh trên tôm Báo cáo kết quả mô hình dung hợp gene nhằm biểu hiện VP28 trên bề mặt tế bào nấm men Báo cáo phân tích, đánh giá hiệu quả của chế phẩm sinh học (sản phẩm của đề tài) trong nuôi tôm thẻ chân trắng quy mô phòng thí nghiệm. Báo cáo phân tích, đánh giá hiệu quả của chế phẩm sinh học (sản phẩm của đề tài) trong nuôi tôm thẻ chân trắng quy mô thực địa. Sản phẩm dạng III: 02 bài báo về kết quả đề tài đăng trên tạp chí KH&CN tỉnh.</p>	<p>976,724</p>	<p>12/2018 - 12/2020</p>
---	--	---	---	--	---	--	----------------	--------------------------

4	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm điều trị vô sinh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định BSC2. Hồ Việt Mỹ	Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Mô tả đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng ở bệnh nhân vô sinh được thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định. Tiếp nhận và ứng dụng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm điều trị vô sinh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định. Đánh giá kết quả và hoàn thiện quy trình điều trị vô sinh bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định.	Mô tả đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng ở bệnh nhân vô sinh được thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định. Tiếp nhận và ứng dụng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm điều trị vô sinh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định. Đánh giá kết quả và hoàn thiện quy trình điều trị vô sinh bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định.	<p>Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Các báo cáo chuyên đề: + Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng ở bệnh nhân vô sinh được thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định. + Chọc hút noãn dưới hướng dẫn của siêu âm. + Lọc rửa tinh trùng bằng phương pháp “thang nồng độ và bơi lên”. + Chuyển phối vào buồng tử cung của người nhận để phối làm tổ. + Tiêm tinh trùng vào bào tương noãn. + Xử lý các biến chứng có thể xảy ra khi thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm. Hoàn thiện các quy trình: + Quy trình lọc rửa tinh trùng để thụ tinh trong ống nghiệm. + Quy trình chọc hút noãn làm thụ tinh trong ống nghiệm. + Quy trình chuyển phối. + Quy trình tiêm tinh trùng vào bào tương noãn (ICSI). + Quy trình xử lý các biến chứng của thụ tinh trong ống nghiệm.</p> <p>Sản phẩm dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài. 01 video clip về quy trình thụ tinh trong ống nghiệm. Sản phẩm đào tạo: Một ekip thành thực các quy trình kỹ thuật tinh trong ống nghiệm tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh.</p>	803.373	08/2018 - 02/2021
---	--	---	--	---	---	---	---------	-------------------

5	Nghiên cứu ứng dụng phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày do ung thư tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định BSK2. Phạm Văn Phú	Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	<p>Nhận xét một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ung thư dạ dày.</p> <p>Đánh giá kết quả sớm phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày do ung thư, phục hồi lưu thông tiêu hóa theo kỹ thuật Billroth I.</p> <p>Xây dựng quy trình phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày do ung thư, phục hồi lưu thông tiêu hóa theo kỹ thuật Billroth I.</p>	<p>Một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ung thư dạ dày</p> <p>Đánh giá kết quả và điều trị phẫu thuật nội soi cắt dạ dày do ung thư</p> <p>Đánh giá kết quả và điều trị phẫu thuật nội soi cắt dạ dày do ung thư</p>	<p>Sản phẩm dạng II:</p> <p>Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt.</p> <p>Các báo cáo chuyên đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quy trình phẫu thuật nội soi cắt dạ dày do ung thư, phục hồi lưu thông tiêu hóa theo Billroth I + Ứng dụng “fast track” trong phẫu thuật đường tiêu hóa + Ứng dụng dấu ấn phân tử Her 2/ neu trong ung thư dạ dày + Các phương pháp phục hồi lưu thông tiêu hóa sau cắt dạ dày <p>Sản phẩm dạng III:</p> <p>Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài.</p>	267,85	07/2018 - 07/2020
6	Nghiên cứu điều chế tinh bột lúa mì acetat để hỗ trợ điều trị bệnh nhân đái tháo đường týp 2 tại Bình Định	Sở Y tế Bình Định BSK2. Lê Quang Hùng PGS-TS. Trần Hữu Dũng	Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	<p>Điều chế nguyên liệu tinh bột lúa mì acetat đề kháng với enzym amylase và chế biến bánh tinh bột lúa mì acetat dùng cho người bị đái tháo đường týp 2.</p> <p>Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng của nguyên liệu tinh bột lúa mì acetat và bánh tinh bột lúa mì acetat dùng cho người bị đái tháo đường týp 2.</p> <p>Đánh giá khả năng hạn chế mức đường huyết sau ăn trên người tình nguyện bị đái tháo đường týp 2 của khẩu phần bánh chứa tinh bột lúa mì acetat (clinical trial).</p>	<p>Điều chế nguyên liệu tinh bột lúa mì acetat đề kháng với enzym amylase và chế biến bánh tinh bột lúa mì acetat dùng cho người bị đái tháo đường týp 2.</p> <p>Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng của nguyên liệu tinh bột lúa mì acetat và bánh tinh bột lúa mì acetat dùng cho người bị đái tháo đường týp 2.</p> <p>Đánh giá khả năng hạn chế mức đường huyết sau ăn trên người tình nguyện bị đái tháo đường týp 2 của khẩu phần bánh chứa tinh bột lúa mì acetat (clinical trial).</p>	<p>Sản phẩm dạng I:</p> <p>Mẫu tinh bột lúa mì acetat: 100kg</p> <p>Mẫu bánh tinh bột lúa mì acetat: 500 cái</p> <p>Sản phẩm dạng II:</p> <p>Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt.</p> <p>02 Quy trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quy trình chế biến tinh bột lúa mì acetat đề kháng với enzyme amylase quy mô phòng thí nghiệm. + Quy trình chế biến bánh tinh bột lúa mì acetat quy mô phòng thí nghiệm. <p>Các báo cáo chuyên đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xác định các đặc tính lý hóa và khả năng đề kháng bởi enzyme amylyse của tinh bột lúa mì acetat trong in vitro + Xác định sự cải thiện một số chỉ số sinh hóa của tinh bột lúa mì acetat trên chuột nhắt thí nghiệm trong in vivo. + Xác định độc tính cấp và độc tính bán trường diễn của tinh bột lúa mì acetat trên chuột nhắt thí nghiệm trong in vivo. + Kết quả thử nghiệm lâm sàng của bánh tinh bột lúa mì acetat trên người tình nguyện ĐTĐ týp 2. + Tiêu chuẩn chất lượng của nguyên liệu tinh bột lúa mì acetat. + Tiêu chuẩn chất lượng của bánh tinh bột lúa mì acetat. <p>Sản phẩm dạng III:</p> <p>Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài.</p>	795,642	07/2018 - 07/2020

7	<p>Nghiên cứu mối liên quan giữa nồng độ Prolactin, IgE với kết quả điều trị bệnh vẩy nến thông thường bằng Methotrexat đơn thuần và kết hợp PUVA tại Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quy Hòa năm 2018-2020</p>	<p>Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quy Hòa TS. Nguyễn Thế Toàn</p>	<p>Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh</p>	<p>Mô tả đặc điểm lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến bệnh vẩy nến tại Bệnh viện Phong Da liễu Trung Ương Quy Hòa năm 2018 2020. So sánh hiệu quả điều trị bệnh vẩy nến thông thường thể vừa, nặng bằng Methotrexat đơn thuần và kết hợp với PUVA. Đánh giá nồng độ Prolactin, IgE trước và sau điều trị Methotrexat và kết hợp PUVA.</p>	<p>Mô tả đặc điểm lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến vẩy nến tại Bệnh viện Phong Da liễu Trung Ương Quy Hòa 2018 2020. So sánh hiệu quả điều trị bệnh vẩy nến thông thường thể vừa, nặng bằng Methotrexat và kết hợp PUVA. Đánh giá nồng độ Prolactin, IgE trước và sau điều trị Methotrexat đơn thuần và Methotrexat kết hợp PUVA.</p>	<p>Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Các báo cáo chuyên đề: + Mô tả đặc điểm lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến vẩy nến. + Đánh giá so sánh hiệu quả điều trị vẩy nến thông thường thể vừa bằng Methotrexat đơn thuần và kết hợp PUVA. + Đánh giá so sánh hiệu quả điều trị vẩy nến thông thường thể nặng bằng Methotrexat đơn thuần và kết hợp PUVA. + Đánh giá nồng độ Prolactin, IgE trước và sau điều trị Methotrexat đơn thuần và methotrexat kết hợp PUVA. Sản phẩm dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài.</p>	340,698	12/2018 - 12/2020
8	<p>Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp hỗ trợ đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định</p>	<p>Trung tâm Phân tích và Đo lường Chất lượng Bình Định TS. Nguyễn Thị Lệ Hằng</p>	<p>Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh</p>	<p>Đánh giá thực trạng về đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định; Đề xuất các giải pháp hỗ trợ đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định; Xây dựng mô hình đổi mới sáng tạo cho 3 doanh nghiệp điển hình trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p>	<p>Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp Đánh giá thực trạng về đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định Đề xuất các giải pháp hỗ trợ đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định. Xây dựng mô hình đổi mới sáng tạo cho 3 doanh nghiệp làm mô hình điển hình nghiên cứu.</p>	<p>Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. 05 báo cáo chuyên đề: + Chuyên đề nghiên cứu 1: Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp. + Chuyên đề nghiên cứu 2: Đánh giá thực trạng về đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định. + Chuyên đề nghiên cứu 3: Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định. + Chuyên đề nghiên cứu 4: Đề xuất các giải pháp hỗ trợ đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định. + Chuyên đề nghiên cứu 5: Xây dựng mô hình đổi mới sáng tạo cho 03 doanh nghiệp. Mô hình đổi mới sáng tạo cho 03 doanh nghiệp Sản phẩm dạng III: 02 bài báo về kết quả đề tài đăng trên tạp chí KH&CN tỉnh. 01 bộ tài liệu tham khảo về tập huấn kiến thức đổi mới sáng tạo.</p>	407,057	11/2018 - 02/2020

9	Đánh giá thực trạng dạy và học môn võ cổ truyền Bình Định trong trường học phổ thông trên địa bàn tỉnh và đề xuất nội dung, phương pháp giảng dạy trong giờ học chính khóa cho học sinh phổ thông	Trường Đại học Quy Nhơn TS. Hồ Minh Mộng Hùng	Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Đánh giá thực trạng công tác dạy và học môn võ cổ truyền Bình Định trong trường học phổ thông trên địa bàn tỉnh hiện nay. Đề xuất nội dung, phương pháp giảng dạy môn võ cổ truyền Bình Định trong giờ học chính khóa cho học sinh phổ thông trên địa bàn tỉnh. Đánh giá hiệu quả của việc thực nghiệm nội dung, phương pháp giảng dạy môn võ cổ truyền Bình Định trong giờ học chính khóa đối với học sinh phổ thông trên địa bàn tỉnh.	Đánh giá thực trạng công tác dạy và học môn võ cổ truyền Bình Định trong các trường học phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định. Đề xuất nội dung, phương pháp giảng dạy chính khóa môn võ cổ truyền Bình Định cho học sinh các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định. Xây dựng mô hình thực nghiệm dạy và học môn võ cổ truyền Bình Định trong giờ học chính khóa cho học sinh các trường Tiểu học, THCS, THPT trên địa bàn tỉnh Bình Định. Đánh giá hiệu quả của việc thực nghiệm nội dung, phương pháp giảng dạy môn võ cổ truyền Bình Định trong giờ học chính khóa đối với học sinh phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. 10 báo cáo chuyên đề: Sản phẩm dạng III: 02 bài báo về kết quả đề tài đăng trên tạp chí KH&CN tỉnh. 01 Video clip về “Các bài tập võ cổ truyền Bình Định trong giờ học chính khóa cho học sinh phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định”	575,329	09/2018 - 01/2021
10	Xây dựng bộ tiêu chí và đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2006-2016	Trung tâm Thông tin - Ứng dụng KH&CN Bình Định TS. Nguyễn Ngọc Tiến	Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2006 2016; Đánh giá thực trạng hiệu quả kinh tế xã hội các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2006 2016; Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tỉnh Bình Định sau nghiệm thu.	Nghiên cứu cơ sở lý luận về đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ Đánh giá thực trạng hiệu quả kinh tế xã hội các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tỉnh Bình Định giai đoạn 2006 – 2016. Nhận diện các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế xã hội các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tỉnh Bình Định giai đoạn 2006 – 2016.	Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. 04 báo cáo chuyên đề. Phiếu điều tra Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ Sản phẩm dạng III: 02 bài báo về kết quả đề tài đăng trên tạp chí KH&CN tỉnh.	430,478	11/2018 - 02/2020

11	Đánh giá chỉ số hội nhập kinh tế quốc tế (PEII) của tỉnh Bình Định	Viện		Đánh giá chỉ số hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh Bình Định năm 2017 (có so sánh với PEII do Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế công bố năm 2013) Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh Bình Định đến năm 2025	Tổng quan về chỉ số hội nhập kinh tế quốc tế cấp địa phương Đánh giá chỉ số hội nhập kinh tế quốc tế của Bình Định Giải pháp nâng cao năng lực hội nhập kinh tế quốc tế Bình Định đến năm 2025	Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; báo cáo tổng kết; Dự thảo Đề án nâng cao năng lực hội nhập kinh tế quốc tế Bình Định đến năm 2025; Bài báo: Chỉ số hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh Bình Định - Thực trạng và giải pháp; Địa CD-Rom; Phiếu khảo sát	283,180	04/2018-12/2018
12	Nghiên cứu quản lý sử dụng vỉa hè trên địa bàn thành phố Quy Nhơn – Thực trạng và giải pháp	Viện		Đánh giá thực trạng sử dụng và quản lý sử dụng vỉa hè trên các tuyến đường chính thuộc địa bàn thành phố Quy Nhơn Đề xuất nhóm giải pháp quản lý sử dụng vỉa hè hiệu quả, mỹ quan tại thành phố Quy Nhơn	Tổng quan về vỉa hè và quản lý sử dụng	Báo cáo tổng hợp kết quả; báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; Báo cáo tổng kết; Bài báo khoa học; Địa CD-ROM; Phiếu điều tra	293,590	04/2018-12/2018
13	Thực trạng kinh tế hộ sản xuất nông nghiệp vùng trung du, đồng bằng tỉnh Bình Định và hướng chính sách để thúc đẩy phát triển trong điều kiện cạnh tranh và hội nhập	Viện		Đánh giá kinh tế hộ chăn nuôi, trồng trọt và lâm nghiệp vùng trung du, đồng bằng tỉnh Bình Định Nhận diện hướng chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế hộ chăn nuôi, trồng trọt và lâm nghiệp trong điều kiện cạnh tranh và hội nhập. Trong đó, lấy chính sách áp dụng mô hình sản xuất ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao làm trọng tâm.	Tổng quan về kinh tế hộ sản xuất nông nghiệp tỉnh Bình Định Đặc điểm kinh tế hộ sản xuất nông nghiệp vùng trung du và đồng bằng tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2017 Nhận định hướng chính sách để thúc đẩy phát triển kinh tế hộ sản xuất nông nghiệp vùng trung du và đồng bằng tỉnh Bình Định	Báo cáo tổng hợp kết quả; báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; Báo cáo tổng kết; Bài báo khoa học; Địa CD-ROM; Phiếu điều tra	294,690	04/2018-12/2018
IV	Năm 2019							

1	Nghiên cứu kéo dài hạn sử dụng bánh ít lá gai Bình Định	Viện Nghiên cứu ứng dụng KH&CN - Trường Đại học Quy Nhơn TS. Hoàng Đức An TS. Lê Công Nường	Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và đặt hàng của UBND tỉnh	Nghiên cứu kéo dài hạn sử dụng Bánh ít lá gai đặc trưng của Bình Định bằng cách sử dụng tinh bột biến tính, phụ gia thực phẩm và các chất có hoạt tính sinh học Xây dựng được quy trình chế biến Bánh ít lá gai đặc trưng của Bình Định có hạn sử dụng trên 7 ngày	<p>Điều tra, khảo sát đánh giá về nguồn nguyên liệu, quy mô, quy trình công nghệ, năng suất, tiêu chuẩn chất lượng Bánh ít lá gai Bình Định (3 huyện Tuy Phước, Hoài Nhơn, Tây Sơn và thị xã An Nhơn).</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Đánh giá về nguồn nguyên liệu, quy mô, quy trình công nghệ, năng suất, tiêu chuẩn chất lượng Bánh ít lá gai Bình Định</p> <p>Khảo sát đánh giá chất lượng nguồn nguyên liệu và điều kiện sản xuất Bánh ít lá gai theo quy trình truyền thống của Bình Định</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề “Đánh giá chất lượng nguồn nguyên liệu và điều kiện sản xuất Bánh ít lá gai theo quy trình truyền thống của Bình Định”.</p> <p>Đánh giá sự thay đổi chất lượng của Bánh ít lá gai sản xuất theo quy trình truyền thống của Bình Định theo thời gian bảo quản</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề “Đánh giá sự thay đổi chất lượng của Bánh ít lá gai sản xuất theo quy trình truyền thống của Bình Định theo thời gian bảo quản điều kiện Bình Định</p> <p>Nghiên cứu biến tính bột dùng cho sản xuất Bánh ít lá gai</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề “Nghiên cứu biến tính bột dùng cho sản xuất Bánh ít lá gai”</p> <p>Nghiên cứu phương pháp bảo quản Bánh ít lá gai</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề “Nghiên</p>	<p>Sản phẩm dạng II:</p> <p>Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt</p> <p>Các báo cáo chuyên đề:</p> <p>+ Đánh giá về nguồn nguyên liệu, quy mô, quy trình công nghệ, năng suất, tiêu chuẩn chất lượng Bánh ít lá gai Bình Định</p> <p>+ Đánh giá chất lượng nguồn nguyên liệu và điều kiện sản xuất Bánh ít lá gai theo quy trình truyền thống của Bình Định</p> <p>+ Đánh giá sự thay đổi chất lượng của Bánh ít lá gai sản xuất theo quy trình truyền thống của Bình Định theo thời gian bảo quản điều kiện Bình Định</p> <p>+ Nghiên cứu biến tính bột dùng cho sản xuất Bánh ít lá gai</p> <p>+ Nghiên cứu các phương pháp bảo quản Bánh ít lá gai</p> <p>+ Tối ưu các thông số tại công đoạn hấp bánh và gói bánh cho quá trình sản xuất Bánh ít lá gai</p> <p>+ Đánh giá thời gian bảo quản và hiệu quả kinh tế quy trình sản xuất Bánh ít lá gai bằng phương pháp sử dụng tinh bột biến tính, chất bảo quản và các hợp chất tự nhiên</p> <p>Hoàn thiện quy trình chế biến Bánh ít lá gai đặc trưng của Bình Định có hạn sử dụng trên 7 ngày</p> <p>Sản phẩm dạng III:</p> <p>Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài</p>	790,455	12/2019 - 11/2021
---	---	---	---	---	---	---	---------	-------------------

2	Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS về khoáng sản tỉnh Bình Định	Trường Đại học Khoa học Huế PGS-TS. Nguyễn Văn Canh	Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Ứng dụng GIS xây dựng cơ sở dữ liệu về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định và phần mềm phục vụ công tác quản lý, quy hoạch, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên khoáng sản của tỉnh Xây dựng dữ liệu WebGIS phục vụ cho việc tra cứu, cập nhật dữ liệu khoáng sản (từ xa) trên địa bàn tỉnh...	Thu thập, tổng hợp, biên tập cơ sở dữ liệu về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định Xây dựng cơ sở dữ liệu (trên hệ thống đơn và webGIS) về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định và xây dựng phần mềm (xây dựng thêm các tính năng, công cụ trên nền ArcGIS) phục vụ công tác quản lý, quy hoạch, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên khoáng sản của tỉnh Xây dựng dữ liệu WebGIS phục vụ cho việc tra cứu, cập nhật dữ liệu khoáng sản (từ xa, từ các địa phương) trên địa bàn tỉnh Các nội dung khác: Đi thu thập tài liệu ở trên địa bàn tỉnh Bình Định Tổ chức 01 cuộc Hội thảo và 01 lớp tập huấn	Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt Bộ cơ sở dữ liệu về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định (đầy đủ dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính, tỷ lệ theo từng địa điểm cụ thể) Phần mềm quản lý, cập nhật, phân tích, thống kê và tổng hợp phục vụ công tác quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh Trang WebGIS đảm bảo cho phục vụ cho việc tra cứu, cập nhật dữ liệu khoáng sản (từ xa, từ các địa phương) trên địa bàn tỉnh (đảm bảo việc phân quyền hợp lý và độ bảo mật an toàn cao) Sản phẩm dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài	734,772	12/2019 - 12/2021
3	Nghiên cứu xây dựng quy trình chăn nuôi và nhân hiệu gà hữu cơ thảo dược Bình Định (chuyển từ 2018 sang 2019)	Phân hiệu Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh tại Gia Lai ThS. Nguyễn Ngọc Sinh	Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Xây dựng mô hình chăn nuôi gà hữu cơ thảo dược theo hướng trang trại tập trung chuỗi giá trị. Xây dựng quy trình chăn nuôi gà hữu cơ thảo dược phù hợp với điều kiện thực tế tại Bình Định. Bước đầu xây dựng nhãn hiệu, xúc tiến phát triển thị trường cho nhãn hiệu gà hữu cơ thảo dược Bình Định (đảm bảo truy xuất nguồn gốc) góp phần phát triển kinh tế xã hội.	Xây dựng mô hình trồng nguyên liệu để chăn nuôi hữu cơ. Xây dựng mô hình chăn nuôi gà thả vườn bổ sung thảo dược theo hướng trang trại tập trung chuỗi giá trị Hoàn thiện quy trình chăn nuôi gà ta thả vườn thảo dược phù hợp với điều kiện thực tế tại Bình Định. (tác động đến chất lượng thịt và khả năng phòng bệnh) Đăng ký nhãn hiệu gà hữu cơ thảo dược Bình Định và được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận đơn.	Gà hữu cơ thương phẩm: 90 con Gà hữu cơ thảo dược thương phẩm: 180 con BCK, BCTT Quy trình chăn nuôi gà hữu cơ thảo dược phù hợp với điều kiện thực tế tại Bình Định. Video clip về Quy trình chăn nuôi gà hữu cơ thảo dược phù hợp với điều kiện thực tế tại Bình Định Bài báo khoa học dẫn trên bản tin KH&CN	1,020,479	11/2019 - 11/2022

4	<p>Nghiên cứu thực nghiệm sinh sản nhân tạo, ương và nuôi thương phẩm cá mú đen chấm nâu (Epinephelus coioides, Hamilton, 1822) tại Bình Định.</p>	<p>Trung tâm Quốc gia giống hải sản miền Bắc TS. Nguyễn Văn In</p>	<p>Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh</p>	<p>Nghiên cứu xây dựng quy trình sinh sản nhân tạo giống cá mú đen chấm nâu phù hợp với điều kiện tự nhiên tại Bình Định. Nghiên cứu xây dựng quy trình ương nuôi cá mú đen chấm nâu từ giai đoạn cá bột đến giai đoạn cá giống phù hợp với điều kiện tự nhiên tại Bình Định. Nghiên cứu quy trình nuôi cá mú đen chấm nâu thương phẩm phù hợp với điều kiện tự nhiên tại Bình Định. Đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội của việc nuôi cá mú đen chấm nâu thương phẩm tại Bình Định.</p>	<p>Nghiên cứu sinh sản nhân tạo cá mú đen chấm nâu phù hợp với điều kiện tự nhiên tại Bình Định. Xây dựng quy trình sinh sản nhân tạo giống cá mú đen chấm nâu phù hợp với điều kiện tự nhiên tại Bình Định. Nghiên cứu thực nghiệm ương cá mú đen chấm nâu từ giai đoạn cá bột 1 ngày tuổi đến cá hương (2 3 cm), từ cá hương lên cá giống nhỏ (5 7 cm) và từ cá giống nhỏ lên cá giống lớn (10 12 cm). Xây dựng quy trình ương nuôi cá mú đen chấm nâu từ giai đoạn cá bột đến giai đoạn cá giống phù hợp với điều kiện nuôi thương phẩm tại Bình Định. Nghiên cứu nuôi cá thương phẩm từ cá giống 10 12 cm bằng hình thức nuôi lồng Xây dựng quy trình nuôi thương phẩm cá mú đen chấm nâu trong lồng. Tổ chức tập huấn kỹ thuật: 01 cuộc. Xây dựng đĩa DVD về quy trình sinh sản nhân tạo, ương và nuôi thương phẩm cá mú Đề tài không thu hồi sản phẩm.</p>	<p>Sản phẩm dạng I: + Cá bố mẹ: Kích cỡ 3 5 kg/con, số lượng 10 con + Cá hương: Kích cỡ 2 3 cm, số lượng 16.200 con + Cá giống: Kích cỡ 10 – 12 cm, số lượng 6.000 con. + Cá thương phẩm: Kích cỡ 0,6 1kg/con, số lượng 2.300 con. Sản phẩm dạng II: + Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. + Quy trình sinh sản nhân tạo giống cá mú đen chấm nâu phù hợp với điều kiện tự nhiên tại Bình Định. + Quy trình ương nuôi cá mú đen chấm nâu từ giai đoạn cá bột đến giai đoạn cá giống phù hợp với điều kiện nuôi thương phẩm tại Bình Định. + Quy trình nuôi cá mú đen chấm nâu thương phẩm phù hợp với điều kiện tự nhiên tại Bình Định. Sản phẩm dạng III: + Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài. + Đĩa DVD về quy trình sinh sản nhân tạo, ương và nuôi thương phẩm cá mú.</p>	852,705	12/2019 - 12/2021
---	--	--	---	--	--	--	---------	-------------------

5	<p>Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất giống, nuôi trồng và chế biến một số sản phẩm nấm Đông trùng hạ thảo (Cordyceps militaris) tại tỉnh Bình Định</p>	<p>Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN Th.S. Cao Hoàng Trinh</p>	<p>Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh</p>	<p>Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất giống (gốc, cấp I, cấp II) nấm Đông trùng hạ thảo phù hợp với điều kiện tỉnh Bình Định. Hoàn thiện quy trình công nghệ nuôi trồng, sơ chế và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho một số sản phẩm nấm Đông trùng hạ thảo dùng làm nguyên liệu (Đông trùng hạ thảo tươi được hút chân không, Đông trùng hạ thảo khô). Hoàn thiện quy trình sản xuất và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho một số sản phẩm từ nấm Đông trùng hạ thảo (Rượu Đông trùng hạ thảo, Đông trùng hạ thảo dạng viên (viên hoàn cứng)).</p>	<p>Tiếp nhận chuyên gia kỹ thuật từ Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển Nấm (Viện Di truyền Nông nghiệp) các quy trình công nghệ nhân giống gốc, giống cấp I, giống cấp II và nuôi trồng, sơ chế nấm Đông trùng hạ thảo. Điều tra, khảo sát thực trạng sản xuất và nhu cầu thị trường đối với nấm Đông trùng hạ thảo. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Đánh giá thực trạng sản xuất và nhu cầu thị trường đối với nấm Đông trùng hạ thảo trên địa bàn tỉnh. Hoàn thiện các quy trình công nghệ sản xuất giống, nuôi trồng Đông trùng hạ thảo (Cordyceps militaris) phù hợp với điều kiện tại Bình Định và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm dùng làm nguyên liệu (Đông trùng hạ thảo tươi, Đông trùng hạ thảo khô). Xây dựng báo cáo: Hoàn thiện quy trình công nghệ nhân giống gốc, giống cấp I, cấp II dịch thể nấm Đông trùng hạ thảo phù hợp với điều kiện Bình Định. Xây dựng báo cáo: Hoàn thiện quy trình nuôi trồng và sơ chế nấm Đông trùng hạ thảo phù hợp với điều kiện Bình Định. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho 2 sản phẩm Rượu Đông trùng hạ thảo và viên hoàn Đông trùng hạ thảo. Xây dựng báo cáo: Hoàn thiện quy trình sản xuất rượu Đông trùng hạ thảo và viên hoàn Đông trùng hạ thảo. Đánh giá hiệu quả kinh tế từ việc sản</p>	<p>Sản phẩm dạng I : Giống gốc nấm Đông trùng hạ thảo: 100 ống Giống nấm Đông trùng hạ thảo cấp I: 100 ống Giống nấm Đông trùng hạ thảo cấp II: 200 lít Bình phối Đông trùng hạ thảo tươi: 10.000 bình Đông trùng hạ thảo sấy khô: 5 kg Rượu Đông trùng hạ thảo: 100 chai (chai 500ml) Đông trùng hạ thảo viên hoàn: 4 kg Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Báo cáo chuyên đề: Đánh giá thực trạng sản xuất và nhu cầu thị trường đối với các nấm Đông trùng hạ thảo trên địa bàn tỉnh. Quy trình nhân giống gốc, cấp I, cấp II dịch thể nấm Đông trùng hạ thảo. Quy trình nuôi trồng và sơ chế nấm Đông trùng hạ thảo Quy trình sản xuất rượu Đông trùng hạ thảo và viên hoàn Đông trùng hạ thảo. Tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm nấm nguyên liệu (tươi và khô). Tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm rượu Đông trùng hạ thảo và viên hoàn Đông trùng hạ thảo. Sản phẩm Dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài.</p>	634,469	11/2019 - 11/2021
---	---	---	---	---	--	---	---------	-------------------

6	<p>Nghiên cứu ứng dụng gây tê ngoài màng cứng bằng hỗn hợp Levobupivacaine và fentanyl để giảm đau sau phẫu thuật thay khớp háng do bệnh nhân tự kiểm soát đau tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định</p>	<p>Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định ThS. Nguyễn Thành</p>	<p>Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh</p>	<p>Đánh giá hiệu quả giảm đau sau mổ, các tác dụng không mong muốn và mức độ hài lòng của bệnh nhân của gây tê ngoài màng cứng bằng hỗn hợp Levobupivacain và fentanyl, để giảm đau sau mổ thay khớp háng do bệnh nhân tự kiểm soát đau. Xây dựng quy trình kỹ thuật của phương pháp gây tê ngoài màng cứng bằng hỗn hợp Levobupivacain và fentanyl, để giảm đau sau mổ thay khớp háng do bệnh nhân tự kiểm soát đau.</p>	<p>Khai thác và đánh giá bệnh nhân trước phẫu thuật. Tiến hành kỹ thuật và theo dõi của phương pháp giảm đau ngoài màng cứng liên tục bệnh nhân tự kiểm soát đau bằng hỗn hợp Levobupivacaine và Fentanyl sau phẫu thuật thay khớp háng tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Các thuốc giảm đau dùng PCA tĩnh mạch, PCA đường ngoài màng cứng. Cơ chế và các tác dụng phụ Đánh giá hiệu quả của phương pháp gây tê ngoài màng cứng bằng hỗn hợp Levobupivacain và fentanyl, để giảm đau sau mổ thay khớp háng do bệnh nhân tự kiểm soát đau. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Tai biến và các tác dụng không mong muốn của phương pháp giảm đau ngoài màng cứng bệnh nhân tự kiểm soát, bằng levobupivacaine và fentanyl sau phẫu thuật thay khớp háng. Xây dựng quy trình: Quy trình kỹ thuật giảm đau bằng gây tê ngoài màng cứng liên tục bệnh nhân tự kiểm soát đau.</p>	<p>Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Các báo cáo chuyên đề: + Các thuốc giảm đau dùng PCA tĩnh mạch, PCA đường ngoài màng cứng. Cơ chế và các tác dụng phụ. + Tai biến và các tác dụng không mong muốn của phương pháp giảm đau ngoài màng cứng bệnh nhân tự kiểm soát, bằng levobupivacaine và fentanyl sau phẫu thuật thay khớp háng. + Quy trình kỹ thuật giảm đau bằng gây tê ngoài màng cứng liên tục bệnh nhân tự kiểm soát đau. Sản phẩm dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài.</p>	276,974	10/2019 - 10/2021
---	---	---	---	---	--	---	---------	-------------------

7	Đánh giá kết quả điều trị tiêu sợi huyết tĩnh mạch bằng rtPA ở bệnh nhân nhồi máu não cấp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định BSCCK2. Hà Thị Phi Diệp	Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Đánh giá kết quả điều trị tiêu sợi huyết tĩnh mạch bằng rtPA ở bệnh nhân nhồi máu não cấp tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định. Xây dựng quy trình tiếp nhận và xử trí bệnh nhân nhồi máu não cấp < 4,5 giờ tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định.	<p>Lựa chọn và đánh giá bệnh nhân đưa vào mẫu nghiên cứu.</p> <p>Tiến hành kỹ thuật tiêu sợi huyết tĩnh mạch bằng rtPA và theo dõi trong và sau kỹ thuật tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định.</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: “Quy trình cấp cứu bệnh nhân nhồi máu não cấp ngoại viện”: Báo động đỏ “Cách phát hiện và xử trí đúng bệnh nhân đột quy”.</p> <p>Đánh giá hiệu quả của phương pháp tiêu sợi huyết tĩnh mạch bằng rtPA ở bệnh nhân nhồi máu não cấp tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định.</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Xây dựng quy trình tiếp nhận bệnh nhân nhồi máu não cấp. Quy trình thực hiện kỹ thuật tiêu sợi huyết tĩnh mạch bằng rtPA ở bệnh nhân nhồi máu não cấp</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: “Nhiệm vụ và chức năng của đội đột quy phản ứng nhanh”</p>	<p>Sản phẩm dạng II:</p> <p>Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt.</p> <p>Các báo cáo chuyên đề:</p> <p>+ Xây dựng quy trình tiếp nhận bệnh nhân nhồi máu não cấp. Quy trình thực hiện kỹ thuật tiêu sợi huyết tĩnh mạch bằng rtPA ở bệnh nhân nhồi máu não cấp.</p> <p>+ Quy trình cấp cứu bệnh nhân nhồi máu não cấp ngoại viện: Báo động đỏ “Cách phát hiện và xử trí đúng bệnh nhân đột quy”.</p> <p>+ Nhiệm vụ và chức năng của đội đột quy phản ứng nhanh.</p> <p>Sản phẩm dạng III:</p> <p>Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài.</p>	349,526	11/2019 - 11/2021
---	--	--	--	--	---	--	---------	-------------------

8	Đánh giá nhu cầu thị trường lao động Nhật Bản và khả năng đáp ứng của nguồn nhân lực trẻ tỉnh Bình Định đến năm 2025	Trường Đại học Quy Nhơn ThS. Trần Minh Chương	Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Đánh giá thực trạng nguồn nhân lực trẻ tỉnh Bình Định ở thị trường lao động Nhật Bản và các doanh nghiệp Nhật Bản tại Bình Định giai đoạn 2015 2019. Xác định nhu cầu lao động ở thị trường lao động Nhật Bản và các doanh nghiệp Nhật Bản ở Bình Định. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực trẻ đáp ứng nhu cầu thị trường lao động Nhật Bản và các doanh nghiệp Nhật Bản ở Bình Định đến năm 2025.	<p>Đánh giá thực trạng nguồn nhân lực trẻ tỉnh Bình Định ở thị trường lao động Nhật Bản và các doanh nghiệp Nhật Bản tại Bình Định giai đoạn 2015 2019. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận về đánh giá nhu cầu lao động và khả năng đáp ứng nhu cầu lao động. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Thực trạng nguồn nhân lực trẻ tỉnh Bình Định ở thị trường lao động Nhật Bản và các doanh nghiệp Nhật Bản tại Bình Định giai đoạn 2015 2019. Dự báo nhu cầu lao động của thị trường lao động Nhật Bản và doanh nghiệp Nhật Bản tại Bình Định đến năm 2025. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Nhu cầu lao động của thị trường lao động Nhật Bản và doanh nghiệp Nhật Bản tại Bình Định giai đoạn 2019 2025. Đánh giá yêu cầu và khả năng đáp ứng của nguồn nhân lực trẻ tỉnh Bình Định đối với nhu cầu thị trường lao động Nhật Bản và các doanh nghiệp Nhật Bản tại Bình Định. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Đánh giá yêu cầu và khả năng đáp ứng của nguồn nhân lực trẻ tỉnh Bình Định đối với nhu cầu của thị trường lao động Nhật Bản và các doanh nghiệp Nhật Bản tại Bình Định. Giải pháp nâng cao khả năng đáp ứng của nguồn nhân lực trẻ tỉnh Bình Định đối với thị trường lao động Nhật Bản và doanh nghiệp Nhật Bản tại Bình Định.</p>	<p>Sản phẩm dạng I: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Báo cáo chuyên đề (05 chuyên đề): + Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận về đánh giá nhu cầu lao động và khả năng đáp ứng nhu cầu lao động. + Thực trạng nguồn nhân lực trẻ tỉnh Bình Định ở thị trường lao động Nhật Bản và các doanh nghiệp Nhật Bản tại Bình Định giai đoạn 2015 2019. + Nhu cầu lao động của thị trường lao động Nhật Bản và doanh nghiệp Nhật Bản tại Bình Định giai đoạn 2019 2025. + Đánh giá yêu cầu và khả năng đáp ứng của nguồn nhân lực trẻ tỉnh Bình Định đối với nhu cầu của thị trường lao động Nhật Bản và các doanh nghiệp Nhật Bản tại Bình Định. + Giải pháp nâng cao khả năng đáp ứng của nguồn nhân lực trẻ tỉnh Bình Định đối với thị trường lao động Nhật Bản và doanh nghiệp Nhật Bản tại Bình Định.</p> <p>Sản phẩm dạng II: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài.</p>	294,83	10/2019 - 04/2021
---	--	---	--	---	---	--	--------	-------------------

9	Đánh giá thực trạng lao động - việc làm giai đoạn 2011 - 2019 và đề xuất giải pháp phát triển lao động - việc làm giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Bình Định ThS. Nguyễn Trần Thi	Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Đánh giá thực trạng lao động việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 2019. Dự báo cung cầu và chuyển dịch cơ cấu lao động tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 2025, định hướng đến năm 2030. Đề xuất các giải pháp phát triển lao động việc làm cho người dân tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 2025, định hướng đến năm 2030.	<p>Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về lao động việc làm. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về lao động việc làm trên thế giới và trong nước. Kinh nghiệm trong và ngoài nước về lao động việc làm và bài học kinh nghiệm cho Bình Định. Phân tích thực trạng vấn đề lao động việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn tỉnh Bình Định trong giai đoạn 2011 2019. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Đánh giá thực trạng vấn đề lao động việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 2019. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Đánh giá chung về tình trạng già hóa dân số trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 2019. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Những yếu tố tác động đến vấn đề lao động việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 2019. Đánh giá thực trạng vấn đề đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 2019. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Đánh giá thực trạng vấn đề đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 2019. Đánh giá tình hình thực hiện các quy hoạch, chiến lược về phát triển nguồn nhân lực dự báo cung cầu và chuyển</p>	<p>Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Báo cáo chuyên đề (08 chuyên đề): Hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về lao động việc làm trên thế giới và trong nước. Kinh nghiệm trong và ngoài nước về lao động việc làm và bài học kinh nghiệm cho Bình Định; Đánh giá thực trạng vấn đề lao động việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 2019; Đánh giá chung về tình trạng già hóa dân số trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 2019; Những yếu tố tác động đến vấn đề lao động việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 2019; Đánh giá thực trạng vấn đề đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 2019; Đánh giá tình hình thực hiện các quy hoạch, chiến lược về phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 2019; Dự báo cung cầu và chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 2025, định hướng đến năm 2030; Các giải pháp phát triển lao động việc làm tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 2025, định hướng đến năm 2030. Sản phẩm dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài.</p>	352,285	09/2019 - 03/2021
---	--	--	--	--	---	---	---------	-------------------

10	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp thu hút vốn đầu tư cho các doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp sạch tại Bình Định	Trường Đại học Tôn Đức Thắng TS. Nguyễn Thúy Lan Chi PGS-TS. Văn Thị Thái Thu	Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	<p>Khảo sát được thực trạng sản xuất nông nghiệp sạch, áp dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất; hiện trạng đầu tư vốn vào nông nghiệp sạch, thân thiện với môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định. Đánh giá tiềm năng phát triển của loại hình nông nghiệp sạch tại Bình Định.</p> <p>Xây dựng và đánh giá mô hình thu hút vốn đầu tư cho các doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp sạch, thân thiện với môi trường.</p> <p>Phân tích, đánh giá các loại mô hình đã và đang áp dụng ở các địa phương và tại tỉnh Bình Định: thủy canh, nhà lưới organic, rau sạch công nghệ cao Aquaponics.</p> <p>Đề xuất một vài mô hình phù hợp; xây dựng cơ chế/chính sách đi kèm để hỗ trợ cho quá trình thực thi áp dụng mô hình vào thực tiễn.</p>	<p>Hiện trạng và tiềm năng phát triển của mô hình nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao và thân thiện với môi trường của các doanh nghiệp nhỏ tại tỉnh Bình Định.</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển mô hình nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao và thân thiện với môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p> <p>Thiết kế mô hình thu hút vốn đầu tư cho các doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp sạch, thân thiện với môi trường ở tỉnh Bình Định.</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Xây dựng mô hình và lộ trình triển khai thực hiện mô hình thu hút vốn đầu tư cho các doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p> <p>Đề xuất, triển khai áp dụng mô hình thu hút vốn đầu tư cho các doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp sạch ở tỉnh Bình Định.</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Xây dựng cơ chế chính sách thu hút vốn đầu tư cho các doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp sạch.</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Phương thức triển khai mô hình thu hút vốn đầu tư cho các doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp sạch.</p> <p>Đánh giá kết quả áp dụng, đề xuất hiệu chỉnh mô hình (nếu có) và giải pháp nhân rộng mô hình trên toàn tỉnh</p>	<p>Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Báo cáo chuyên đề: .Đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển mô hình nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao và thân thiện với môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định. .Xây dựng mô hình và lộ trình triển khai thực hiện mô hình thu hút vốn đầu tư cho các doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh Bình Định. .Xây dựng cơ chế chính sách thu hút vốn đầu tư cho các doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp sạch. .Phương thức triển khai mô hình thu hút vốn đầu tư cho các doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp sạch. .Đánh giá hiệu quả thực hiện và đề xuất giải pháp nhân rộng mô hình thu hút vốn đầu tư cho các doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp sạch. Sản phẩm dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài.</p>	735,48	12/2019 - 06/2021
----	---	--	--	--	--	---	--------	-------------------

11	Nghiên cứu chiến lược truyền thông phát triển thương hiệu du lịch Bình Định đến năm 2025.	Trường Đại học Quy Nhơn PGS-TS. Đỗ Ngọc Mỹ ThS. Lê Thị Vinh Hương	Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	<p>Mục tiêu tổng quát: Xây dựng tiêu chí và đề xuất bộ nhận diện thương hiệu du lịch của Bình Định. Xây dựng chiến lược tổng thể truyền thông phát triển thương hiệu du lịch Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.</p> <p>Mục tiêu cụ thể: + Xây dựng tiêu chí, qua đó xây dựng bộ nhận diện thương hiệu du lịch của Bình Định. + Xây dựng các giải pháp truyền thông phát triển thương hiệu du lịch Bình Định đến năm 2025 định hướng đến năm 2030. + Số lượng khách du lịch đến Bình Định gia tăng 05% khi đề tài kết thúc so với năm trước liền kề.</p>	<p>Đánh giá thực trạng bộ nhận diện thương hiệu của du lịch Bình Định trong thời gian qua. Đánh giá thực trạng công tác truyền thông phát triển du lịch Bình Định từ năm 2016 đến 2019. Xây dựng tiêu chí và bộ nhận diện thương hiệu của du lịch Bình Định. Xây dựng chiến lược tổng thể truyền thông phát triển thương hiệu du lịch Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Xây dựng kế hoạch hành động, áp dụng triển khai tại Sở Du lịch và các cơ quan liên quan và đánh giá hiệu quả sau một năm triển khai kết quả của nhiệm vụ (về thương hiệu du lịch Bình Định, thị trường khách, số lượng khách, ...).</p>	<p>Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Các báo cáo chuyên đề: + Chuyên đề: Cơ sở lý luận và thực tiễn về bộ nhận diện thương hiệu điểm đến du lịch. + Chuyên đề: Đánh giá thực trạng bộ nhận diện thương hiệu du lịch Bình Định trong thời gian qua. + Chuyên đề: Cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác truyền thông phát triển du lịch. + Chuyên đề: Tình hình phát triển du lịch tỉnh Bình Định trong thời gian qua. + Chuyên đề: Đánh giá thực trạng công tác truyền thông phát triển du lịch Bình Định từ năm 2016 đến 2019. + Chuyên đề: Tiêu chí và bộ nhận diện về thương hiệu du lịch Bình Định. + Chuyên đề: Phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu của du lịch Bình Định. + Chuyên đề: Xây dựng chiến lược tổng thể truyền thông phát triển thương hiệu du lịch Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. + Chuyên đề: Xây dựng kế hoạch hành động và áp dụng triển khai trong ngành du lịch và các đơn vị liên quan. + Chuyên đề: Đánh giá hiệu quả sau một năm triển khai kết quả của nhiệm vụ về thương hiệu du lịch Bình Định, thị trường khách, số lượng khách và về cảm nhận của khách đối với chương trình truyền thông thương hiệu du lịch của tỉnh Bình Định.</p> <p>Sản phẩm dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài</p>	934,989	12/2019 - 12/2021
12	Cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng các chỉ tiêu kinh tế - xã hội Bình Định giai đoạn 2021-2025	Viện		<p>Tính toán một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu của tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 phục vụ xây dựng Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Định lần thứ XX</p>	<p>Tăng trưởng kinh tế xã hội của Bình Định giai đoạn 2016-2020 Nghiên cứu hệ phương pháp dự báo một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu tỉnh Bình Định Khái quát về phát triển kinh tế xã hội chủ yếu của tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025</p>	<p>Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu, báo cáo tổng kết, Báo cáo: kết quả nghiên cứu của đề tài; Đĩa CD-ROM</p>	287,920	04/2019-12/2019

13	Giải pháp giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Định	Viện		Phân tích, đánh giá thực trạng giảm nghèo tỉnh Bình Định 22016-2020 và đề xuất giải pháp giảm nghèo bền vững cho tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	Tổng quan về nghèo và giảm nghèo bền vững	Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu, báo cáo tổng kết, Báo cáo: kết quả nghiên cứu của đề tài; Đĩa CD-ROM	320,070	04/2019-12/2019
14	Thực trạng và giải pháp phát triển làng chài ven biển tỉnh Bình Định	Viện		Định hướng phát triển bền vững "làng chài" ven biển trên địa bàn tỉnh	Thực trạng giảm nghèo tỉnh Bình Định	Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu, báo cáo tổng kết, Báo cáo: kết quả nghiên cứu của đề tài; Đĩa CD-ROM, Bài báo khoa học, Bản đồ GIS	339,830	04/2019-12/2019
15	Giải pháp nâng cao năng lực thực thi công vụ của công chức ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Định	Viện		Đề xuất phương hướng và giải pháp khả thi nhằm nâng cao năng lực và chất lượng thực thi công vụ của công chức ở xã, phường, thị trấn đáp ứng tiêu chuẩn trong điều kiện kinh toan bộ máy và tình giảm biên chế	Tổng quan về năng lực thực thi công vụ của công chức cấp xã Thực trạng năng lực và chất lượng thực thi công vụ của công chức cấp xã tỉnh Bình Định Giải pháp nâng cao năng lực và chất lượng thực thi công vụ của công chức cấp xã tỉnh Bình Định	Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu, báo cáo tổng kết, Báo cáo: kết quả phiếu điều tra; Đĩa CD-ROM	343,190	04/2019-12/2019
V	Năm 2020							

1	Nghiên cứu số hóa và quản lý cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn tỉnh Bình Định	Phân Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu TS. Nguyễn Văn Hồng ThS. Trần Đình Chương	Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	<p>Mục tiêu tổng quát: Xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn, hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội, quản lý tài nguyên và giảm thiểu tác động thiên tai.</p> <p>Mục tiêu cụ thể: + Thống kê, đánh giá, phân tích số liệu khí tượng, thủy văn giai đoạn 2005 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định. + Xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu khí tượng, thủy văn tỉnh Bình Định.</p>	<p>Thống kê đánh giá, phân tích số liệu khí tượng, thủy văn giai đoạn 2005 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định. Nghiên cứu các nhân tố hình thành khí tượng thủy văn của tỉnh Bình Định. Nghiên cứu các đặc trưng về chế độ gió, nhiệt độ, mưa, độ ẩm, bốc hơi của tỉnh Bình Định. Nghiên cứu một số loại thời tiết đặc biệt và phân vùng khí hậu của tỉnh. Phân tích đặc điểm sông ngòi, dòng chảy năm, mùa lũ và mùa cạn các hệ thống sông chính (Lại Giang, Côn, Hà Thanh, La tinh) trên địa bàn tỉnh Bình Định. Xác định đặc điểm thủy văn vùng đầm phá. Xác định phân vùng thủy văn trên địa bàn tỉnh Bình Định. Nghiên cứu cơ sở khoa học và xây dựng khung CSDL khí tượng thủy văn tỉnh Bình Định. Nghiên cứu các yêu cầu, quy định và xây CSDL khí tượng thủy văn tỉnh Bình Định tỷ lệ 1/50.000. Nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý CSDL khí tượng thủy văn trên nền GIS. Dự báo tác động của biến đổi khí tượng thủy văn đến phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và đề xuất giải pháp. Nghiên cứu xây dựng các kịch bản biến đổi khí tượng, thủy văn đến năm 2030.</p>	<p>Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Các báo cáo chuyên đề: + Báo cáo Đặc điểm khí tượng thủy văn tỉnh Bình Định giai đoạn 2005 2020. + Hệ thống bản đồ số 2D và 3D về đẳng trị các yếu tố nhiệt độ, mưa, dòng chảy trung bình nhiều năm; bản đồ phân vùng khí hậu; bản đồ phân vùng thủy văn tỷ lệ 1/50.000. + Bộ Atlas khí tượng thủy văn tỉnh Bình Định giai đoạn 2005 2020. + Báo cáo xây dựng khung cấu trúc dữ liệu khí tượng thủy văn phục vụ quản lý số liệu. + Bộ CSDL khí tượng thủy văn của tỉnh Bình Định quản lý trên nền GIS có tỷ lệ 1/50.000 gồm: Bộ dữ liệu về quan trắc, điều tra, khảo sát khí tượng, thủy văn, hải văn, môi trường không khí và nước; Bộ dữ liệu về dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; Bộ dữ liệu về hồ sơ kỹ thuật trạm và giấy phép dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; Bộ dữ liệu về biến đổi khí hậu; Bộ dữ liệu nghiên cứu khoa học, chương trình, dự án về khí tượng thủy văn. + Phần mềm GIS quản lý CSDL khí tượng thủy văn tỉnh Bình Định giai đoạn 2005 2020. Phần mềm phải được kiểm chứng trong 01 năm và Hỗ trợ bảo trì, miễn phí dung cấp trong 05 năm kể từ khi sản phẩm được bàn giao. + Dữ liệu ảnh vệ tinh về mưa, phân tích hạn hán, lũ lụt giai đoạn 2005 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định. + Báo cáo tác động của biến đổi khí tượng thủy văn đến phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và đề xuất giải pháp</p>	751,300	09/2020 - 09/2022
---	--	---	--	--	---	--	---------	-------------------

2	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tự động chuyển đổi văn bản chữ viết tiếng Việt sang phát thanh tiếng Bana Kriem	Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh PGS-TS. Phạm Trần Vũ	Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) xây dựng hệ thống chuyển đổi ngôn ngữ các văn bản bằng tiếng Việt (chữ in) sang dạng âm thanh tiếng Bana Kriem dùng cho các đài phát dân tộc Bana Kriem sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Định.	<p>Thu thập, xử lý và lưu trữ dữ liệu mẫu phục vụ cho hoạt động nghiên cứu. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Báo cáo quá trình và kết quả thu thập dữ liệu, chất lượng lượng dữ liệu. Xây dựng bộ ngữ liệu tiếng Việt Bana Kriem gồm những từ vựng và cụm từ vựng phổ thông để hỗ trợ cho quá trình dịch tự động. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Báo cáo kết quả việc xây dựng ngữ liệu Việt Bana Kriem. Nghiên cứu và xây dựng giải pháp chuyển đổi văn bản tiếng Việt dạng ảnh từ file PDF sang dạng số hoá (có thể lưu trữ và xử lý). Xây dựng báo cáo chuyên đề: Báo cáo giải pháp chuyển đổi văn bản tiếng Việt từ PDF sang dạng số. Nghiên cứu và xây dựng giải pháp dịch tự động từ văn bản số tiếng Việt sang văn bản tiếng Bana Kriem, sử dụng các phương pháp học sâu. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Báo cáo giải pháp dịch tự động từ tiếng Việt sang Bana Kriem. Nghiên cứu và xây dựng giải pháp phát âm tự động tiếng Bana Kriem từ văn bản số tiếng Bana Kriem sử dụng các phương pháp học máy. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Báo cáo giải pháp phát âm tự động tiếng Bana Kriem từ văn bản. Xây dựng phần mềm dùng cho việc huấn luyện các môn hình học máy và hệ</p>	<p>Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Hệ thống phần mềm dùng cho việc huấn luyện các môn hình học máy và hệ thống phần mềm Web cho người sử dụng đầu cuối. Các báo cáo chuyên đề: + Báo cáo quá trình và kết quả thu thập dữ liệu, chất lượng lượng dữ liệu. + Báo cáo kết quả việc xây dựng ngữ liệu Việt Bana Kriem. + Báo cáo giải pháp chuyển đổi văn bản tiếng Việt từ PDF sang dạng số. + Báo cáo giải pháp dịch tự động từ tiếng Việt sang Bana Kriem. + Báo cáo giải pháp phát âm tự động tiếng Bana Kriem từ văn bản. + Báo cáo quá trình thử nghiệm và đánh giá hệ thống Sản phẩm dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài. Tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống phần mềm phần mềm dùng cho việc huấn luyện các môn hình học máy và hệ thống phần mềm Web cho người sử dụng đầu cuối.</p>	838.630	11/2020 - 11/2022
---	---	--	--	---	---	---	---------	-------------------

3	Nghiên cứu phát triển hệ thống mô hình hóa và quản lý hiện vật bảo tàng và di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh Bình Định	Viện Nghiên cứu ứng dụng KH&CN - Trường Đại học Quy Nhơn CN. Nguyễn Lâm Sinh	Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	<p>Nghiên cứu phát triển hệ thống phần mềm quản lý, trưng bày ảo và thuyết minh ảo cho các hiện vật, di tích lịch sử, bảo tàng trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p> <p>Mô hình hóa 90 hiện vật và 05 di tích lịch sử cho bảo tàng Quang Trung. Ứng dụng hệ thống phần mềm quản lý, trưng bày ảo và thuyết minh ảo tại bảo tàng Quang Trung.</p>	<p>Đánh giá thực trạng về công tác quản lý, trưng bày, trưng bày ảo và di tích lịch sử tại Bảo tàng Quang Trung và nhu cầu tham quan ảo của khách du lịch.</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Báo cáo về đánh giá thực trạng về quản lý, trưng bày và trưng bày ảo tại các Bảo tàng, di tích lịch sử của tỉnh Bình Định, đặc biệt trong bối cảnh phát triển du lịch của Bình Định.</p> <p>Nghiên cứu mô hình hóa 3D 90 hiện vật và 05 di tích cho Bảo tàng Quang Trung.</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Các kỹ thuật mô hình hóa, lựa chọn kỹ thuật phù hợp cho việc mô hình hóa các hiện vật ba chiều tại bảo tàng.</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Cơ sở dữ liệu mô hình 3D của 90 hiện vật và 05 di tích cho bảo tàng Quang Trung.</p> <p>Nghiên cứu xây dựng hệ thống phần mềm quản lý hiện vật, trưng bày ảo và thuyết minh ảo cho các hiện vật, di tích lịch sử, bảo tàng trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Hệ thống phần mềm quản lý hiện vật, trưng bày ảo và thuyết minh ảo cho các hiện vật, di tích lịch sử của các bảo tàng trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p> <p>Cài đặt, triển khai, đánh giá thử nghiệm hệ thống tại Bảo tàng Quang Trung.</p>	<p>Sản phẩm dạng II:</p> <p>Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt.</p> <p>Cơ sở dữ liệu mô hình 3D của 90 hiện vật và 05 di tích cho bảo tàng Quang Trung.</p> <p>Hệ thống phần mềm quản lý hiện vật, trưng bày ảo và thuyết minh ảo cho các hiện vật, di tích lịch sử của các bảo tàng trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p> <p>Các báo cáo chuyên đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo về đánh giá thực trạng về quản lý, trưng bày và trưng bày ảo tại các Bảo tàng, di tích lịch sử của tỉnh Bình Định, đặc biệt trong bối cảnh phát triển du lịch của Bình Định. + Các kỹ thuật mô hình hóa, lựa chọn kỹ thuật phù hợp cho việc mô hình hóa các hiện vật ba chiều tại bảo tàng. + Hệ thống phần mềm quản lý hiện vật, trưng bày ảo và thuyết minh ảo cho các hiện vật, di tích lịch sử của các bảo tàng trên địa bàn tỉnh Bình Định. <p>Sản phẩm dạng III:</p> <p>Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài đăng trên Bản tin Khoa học và Công nghệ Bình Định.</p> <p>Tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống phần mềm quản lý hiện vật, trưng bày ảo và thuyết minh ảo cho các hiện vật, di tích lịch sử của các bảo tàng trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p>	783,105	09/2020 - 09/2022
---	--	--	--	---	---	--	---------	-------------------

4	Điều tra đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng vườn cây đầu dòng cung cấp hom Keo lai phục vụ sản xuất cây giống trồng rừng tại tỉnh Bình Định	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Côn Nguyễn Đăng Quang	Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Đánh giá thực trạng các vườn cây đầu dòng Keo lai tại tỉnh Bình Định, và bước đầu xác Định một số dòng Keo lai có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện lập địa trên địa bàn tỉnh. Đề xuất các biện pháp kỹ thuật, quản lý nâng cao hiệu quả, chất lượng vườn cây đầu dòng Keo lai phù hợp với tỉnh Bình Định.	<p>Đánh giá về thực trạng các vườn cây đầu dòng Keo lai tại tỉnh Bình Định; xác định được số lượng các dòng Keo lai đang được trồng và sản xuất tại vườn cây đầu dòng Keo lai trên địa bàn tỉnh. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Đánh giá thực trạng các vườn cây đầu dòng Keo lai tại tỉnh Bình Định; xác định được số lượng các dòng Keo lai đang được trồng và sản xuất tại vườn cây đầu dòng Keo lai trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Điều tra, khảo sát các dòng Keo lai đang trồng tại Bình Định và bước đầu xác định một số dòng Keo lai sinh trưởng, phát triển tốt cho năng suất cao khi trồng rừng sản xuất phù hợp với điều kiện lập địa của tỉnh Bình Định. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Bước đầu đánh giá các dòng Keo lai đang được trồng phổ biến tại Bình Định và đề xuất một số dòng Keo lai sinh trưởng, phát triển tốt cho năng suất cao khi trồng rừng sản xuất phù hợp với điều kiện lập địa của tỉnh Bình Định. Đề xuất các biện pháp kỹ thuật, quản lý nâng cao hiệu quả, chất lượng vườn cây đầu dòng Keo lai phù hợp với tỉnh Bình Định.</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Hoàn thiện quy trình nhân giống cây giống Keo lai chất lượng cao bằng phương pháp giâm hom.</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Hoàn thiện quy trình trồng, chăm sóc vườn cây đầu dòng cung cấp hom Keo lai</p>	<p>Sản phẩm dạng I : Cây giống Keo lai giâm hom chất lượng cao đạt tiêu chuẩn xuất vườn trồng rừng : 100.000 cây. Mô hình vườn cây đầu dòng cung cấp hom Keo lai với 05 dòng Keo lai: 0.5 ha.</p> <p>Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Các báo cáo chuyên đề: + Đánh giá thực trạng các vườn cây đầu dòng Keo lai tại tỉnh Bình Định; xác định được số lượng các dòng Keo lai đang được trồng và sản xuất tại vườn cây đầu dòng Keo lai trên địa bàn tỉnh. + Bước đầu đánh giá các dòng Keo lai đang được trồng phổ biến tại Bình Định và đề xuất một số dòng Keo lai sinh trưởng, phát triển tốt cho năng suất cao khi trồng rừng sản xuất phù hợp với điều kiện lập địa của tỉnh Bình Định + Hoàn thiện quy trình nhân giống cây giống Keo lai chất lượng cao bằng phương pháp giâm hom. + Hoàn thiện quy trình trồng, chăm sóc vườn cây đầu dòng cung cấp hom Keo lai. + Đề xuất các biện pháp kỹ thuật, quản lý nâng cao hiệu quả, chất lượng vườn cây đầu dòng Keo lai phù hợp với tỉnh Bình Định.</p> <p>Sản phẩm Dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài.</p>	562.307	09/2020 - 09/2022
---	---	--	--	--	---	---	---------	-------------------

5	<p>Nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei) thương phẩm bán thâm canh, thâm canh ứng dụng công nghệ Semi BioFloc theo hướng phát triển bền vững tại Bình Định</p>	<p>Trung tâm Khuyến nông Bình Định ThS. Trần Quang Nhựt</p>	<p>Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh</p>	<p>Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei) thương phẩm bán thâm canh, thâm canh một giai đoạn ứng dụng công nghệ Semi BioFloc theo hướng phát triển bền vững phù hợp với điều kiện tại Bình Định. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei) thương phẩm bán thâm canh, thâm canh hai giai đoạn ứng dụng công nghệ Semi BioFloc theo hướng phát triển bền vững phù hợp với điều kiện tại Bình Định.</p>	<p>Học tập kinh nghiệm quản lý, thao tác kỹ thuật nuôi tôm thương phẩm bán thâm canh – thâm canh ứng dụng công nghệ mới, công nghệ Semi BioFloc tại Cần Giờ Thành phố Hồ Chí Minh. Thực nghiệm nghiên cứu xác định tỷ lệ C/N thích hợp trong quy trình nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm bán thâm canh, thâm canh một giai đoạn ứng dụng công nghệ Semi BioFloc tại Bình Định. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Hoàn thiện Quy trình kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh, thâm canh một giai đoạn ứng dụng công nghệ Semi BioFloc (thời gian nuôi 90 ngày, tỷ lệ sống từ 80%, kích cỡ tôm thu hoạch: 60 70 con/kg). Thực nghiệm nghiên cứu xác định tỷ lệ C/N thích hợp trong qui trình nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm bán thâm canh, thâm canh hai giai đoạn ứng dụng công nghệ Semi BioFloc tại Bình Định. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Hoàn thiện Quy trình kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm bán thâm canh – thâm canh hai giai đoạn ứng dụng công nghệ Semi BioFloc tại Bình Định (thời gian nuôi 90 ngày, tỷ lệ sống từ 75%, kích cỡ tôm thu hoạch: 65 75 con/kg) Phân tích mẫu Tổng chất rắn hoà tan: 48 mẫu; Phân tích mẫu mầm bệnh SEMBV: 16 mẫu. Tổ chức tập huấn: 02 lớp</p>	<p>Sản phẩm dạng I : Tôm thẻ chân trắng thương phẩm: 10 tấn Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Các báo cáo chuyên đề: + Quy trình kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh, thâm canh một giai đoạn ứng dụng công nghệ Semi BioFloc (thời gian nuôi 90 ngày, tỷ lệ sống từ 80%, kích cỡ tôm thu hoạch: 60 70 con/kg). + Quy trình kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm bán thâm canh , thâm canh hai giai đoạn ứng dụng công nghệ Semi BioFloc tại Bình Định (thời gian nuôi 90 ngày, tỷ lệ sống từ 75%, kích cỡ tôm thu hoạch: 65 75 con/kg) Sản phẩm Dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài. Đĩa DVD: Quy trình kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh, thâm canh một giai đoạn ứng dụng công nghệ Semi BioFloc (thời gian nuôi 90 ngày, tỷ lệ sống từ 80%, kích cỡ tôm thu hoạch: 60 70 con/kg). Đĩa DVD: Quy trình kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm bán thâm canh, thâm canh hai giai đoạn ứng dụng công nghệ Semi BioFloc tại Bình Định (thời gian nuôi 90 ngày, tỷ lệ sống từ 75%, kích cỡ tôm thu hoạch: 65 75 con/kg).</p>	799,410	08/2020 - 12/2021
---	--	---	---	--	--	---	---------	-------------------

6	<p>Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ sinh học sản xuất thức ăn thay thế sữa bò mẹ và ứng dụng cho bê sữa đực tách mẹ từ 10 ngày tuổi đến 4 tháng tuổi tại Bình Định</p>	<p>Trung tâm Giống nông nghiệp Bình Định ThS.Trần Văn Hạnh PGS-TS.Phạm Ngọc Khải</p>	<p>Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh</p>	<p>Chuyển giao và nghiên cứu hoàn thiện: Quy trình công nghệ sinh học sản xuất thức ăn thay thế sữa bò mẹ cho bê đực sữa tách mẹ từ 10 ngày tuổi đến 4 tháng tuổi tại Bình Định. Quy trình kỹ thuật sử dụng thức ăn thay thế sữa bò mẹ cho bê sữa đực tách mẹ từ 10 ngày tuổi đến 4 tháng tuổi tại Bình Định</p>	<p>Nội dung 1: Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ sinh học sản xuất thức ăn thay thế sữa bò mẹ cho bê đực sữa tách mẹ từ 10 ngày tuổi đến 4 tháng tuổi Xây dựng báo cáo chuyên đề: Quy trình công nghệ sinh học sản xuất thức ăn thay thế sữa bò mẹ cho bê đực sữa tách mẹ từ 10 ngày tuổi đến 4 tháng tuổi. Nội dung 2: Thiết kế, xây dựng hệ thống và triển khai quy trình chế biến thức ăn thay thế sữa bò mẹ cho bê tách mẹ từ 10 ngày tuổi. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Báo cáo kết quả về thiết kế, xây dựng hệ thống chế biến thức ăn thay thế sữa bò mẹ cho bê tách mẹ từ 10 ngày tuổi. Nội dung 3: Khảo nghiệm trên mô hình và xây dựng hoàn thiện quy trình sử dụng thức ăn thay thế sữa bò mẹ cho bê sữa đực tách mẹ từ 10 ngày tuổi đến 4 tháng tuổi tại Bình Định. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Quy trình sử dụng thức ăn thay thế sữa bò mẹ cho bê sữa đực tách mẹ từ 10 ngày tuổi đến 4 tháng tuổi tại Bình Định. Nội dung 4: Chuyển giao Quy trình sử dụng thức ăn thay thế sữa bò mẹ cho bê sữa đực tách mẹ từ 10 ngày tuổi đến 4 tháng tuổi cho một số hộ chăn nuôi trong tỉnh. Xây dựng báo cáo chuyên đề: Báo cáo đánh giá hiện trạng chăn nuôi bê sữa đực tại Bình Định.</p>	<p>Sản phẩm dạng I: 02 chủng vi sinh vật Bacillus subtilis và Bacillus licheniformis. Chế phẩm sinh học AT BiOBĐ đạt TCCS: 100 kg Thức ăn thay thế sữa bò mẹ đạt TCCS trong các khâu phân cho bê đực tách mẹ: 10.000 lít. Bê sữa đực sử dụng thức ăn thay thế sữa bò mẹ 4 tháng tuổi: 54 con Bê sữa đực lúc 4 tháng tuổi ở lô đối chứng: 06 con Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Các báo cáo chuyên đề: + Quy trình công nghệ sinh học sản xuất thức ăn thay thế sữa bò mẹ cho bê đực sữa tách mẹ từ 10 ngày tuổi đến 4 tháng tuổi (trong đó gồm 03 quy trình: Quy trình sản xuất chế phẩm sinh học AT BiOBĐ, Quy trình thủy phân hóa lỏng thức ăn nuôi bê (QT1Bê1), Quy trình ủ chế phẩm AT BiOBĐ lên men thức ăn nuôi bê (QTBê2)). + Báo cáo đánh giá hiện trạng chăn nuôi bê sữa đực tại Bình Định. + Báo cáo kết quả về thiết kế, xây dựng hệ thống chế biến thức ăn thay thế sữa bò mẹ cho bê tách mẹ từ 10 ngày tuổi. + Quy trình sử dụng thức ăn thay thế sữa bò mẹ cho bê sữa đực tách mẹ từ 10 ngày tuổi đến 4 tháng tuổi tại Bình Định. Sản phẩm dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài.</p>	934,574	07/2020 - 07/2022
---	---	--	---	--	---	---	---------	-------------------

7	<p>Nghiên cứu ứng dụng phẫu thuật nội soi qua liên bản sống điều trị thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định</p>	<p>Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định BSK2. Đào Văn Nhân</p>	<p>Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh</p>	<p>Khảo sát đặc điểm lâm sàng và hình ảnh cộng hưởng từ ở bệnh nhân thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng. Đánh giá kết quả điều trị và xây dựng quy trình ứng dụng phẫu thuật nội soi qua liên bản sống điều trị thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng.</p>	<p>Khảo sát đặc điểm lâm sàng và hình ảnh cộng hưởng từ ở bệnh nhân thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng. Xây dựng báo cáo chuyên đề 1: Lâm sàng thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng. Xây dựng báo cáo chuyên đề 2: Nghiên cứu hình ảnh học thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng. Đánh giá kết quả điều trị bệnh nhân thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng bằng phẫu thuật nội soi qua liên bản sống. Xây dựng báo cáo chuyên đề 3: Các phương pháp điều trị thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng bằng kỹ thuật can thiệp tối thiểu. Xây dựng báo cáo chuyên đề 4: Nội soi trong y học hiện đại. Xây dựng báo cáo chuyên đề 5: Quy trình ứng dụng phẫu thuật nội soi qua liên bản sống điều trị thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng.</p>	<p>Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Các báo cáo chuyên đề: + Lâm sàng thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng. + Nghiên cứu hình ảnh học thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng. + Các phương pháp điều trị thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng bằng kỹ thuật can thiệp tối thiểu. + Nội soi trong y học hiện đại. + Quy trình ứng dụng phẫu thuật nội soi qua liên bản sống điều trị thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng. Sản phẩm dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài đăng trên Bản tin Khoa học và Công nghệ. Đĩa DVD về “Quy trình ứng dụng phẫu thuật nội soi qua liên bản sống điều trị thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng”</p>	297,696	11/2020 - 11/2022
8	<p>Nghiên cứu hiệu quả tạo nhịp tim vĩnh viễn tại vị trí vách giữa thất phải tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định</p>	<p>Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định BSK2. Phan Nam Hùng</p>	<p>Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh</p>	<p>Khảo sát đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng ở bệnh nhân rối loạn nhịp tim chậm. Đánh giá kết quả tạo nhịp tim vĩnh viễn vị trí vùng vách thất phải trên bệnh nhân rối loạn nhịp tim chậm.</p>	<p>Khảo sát đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng ở bệnh nhân rối loạn nhịp tim chậm. Xây dựng báo cáo chuyên đề 1: Cập nhật vị trí giải phẫu và điện tâm đồ vùng vách thất phải. Đánh giá kết quả tạo nhịp tim vĩnh viễn vị trí vùng vách thất phải trên bệnh nhân rối loạn nhịp tim chậm. Xây dựng báo cáo chuyên đề 2: Cập nhật lập trình máy tạo nhịp tim. Xây dựng báo cáo chuyên đề 3: Quy trình tạo nhịp tim vĩnh viễn vị trí vùng vách thất phải. Các nội dung khác Tổ chức hội thảo khoa học: 01 cuộc. Cỡ mẫu: 30 bệnh nhân. Xây dựng đĩa DVD: “Quy trình tạo nhịp tim vĩnh viễn vị trí vùng vách thất phải”</p>	<p>Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Các báo cáo chuyên đề: + Cập nhật vị trí giải phẫu và điện tâm đồ vùng vách thất phải. + Cập nhật lập trình máy tạo nhịp tim. + Quy trình tạo nhịp tim vĩnh viễn vị trí vùng vách thất phải. Sản phẩm dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài đăng trên Bản tin Khoa học và Công nghệ. Đĩa DVD về “Quy trình tạo nhịp tim vĩnh viễn vị trí vùng vách thất phải”</p>	254,855	08/2020 - 08/2022

9	Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống và chế biến một số sản phẩm từ cây chè Dây tại huyện An Lão, tỉnh Bình Định	Công ty CP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định DSK1. Tạ Thị Thúy Hương	Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	<p>Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống cây chè Dây bằng phương pháp giâm hom nhằm đảm bảo chất lượng cây giống ổn định và tỉ lệ sống cao ($\geq 90\%$).</p> <p>Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất một số sản phẩm từ cây chè Dây, giúp tạo đầu ra ổn định cho được liệu tại địa phương:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng công thức, quy trình sản xuất cao đặc, cao khô chè Dây. + Xây dựng công thức, quy trình sản xuất viên nang cứng và cốm hòa tan từ chè Dây. 	<p>Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống từ cây chè Dây bằng phương pháp giâm hom.</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Quy trình nhân giống cây chè Dây bằng phương pháp giâm hom.</p> <p>Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất một số sản phẩm từ cây chè Dây (cao đặc, cao khô, viên nang cứng, cốm hòa tan).</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Quy trình và công thức sản xuất sản phẩm cao đặc, cao khô chè Dây.</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Quy trình và công thức sản xuất sản phẩm sản phẩm viên nang cứng chè Dây.</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Quy trình và công thức sản xuất sản phẩm cốm hòa tan chè Dây.</p>	<p>Sản phẩm dạng I: Cây giống chè Dây: 1.890 cây. Cao khô chè Dây (đưa vào sản xuất viên nang): 21 kg. Cao đặc chè Dây (đưa vào sản xuất cốm hòa tan): 21 kg. Viên nang cứng chè Dây: 25.000 viên. Cốm hòa tan chè Dây: 25.000 gói.</p> <p>Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Các báo cáo chuyên đề: + Quy trình nhân giống cây chè Dây bằng phương pháp giâm hom. + Quy trình và công thức sản xuất sản phẩm cao đặc, cao khô chè Dây. + Quy trình và công thức sản xuất sản phẩm sản phẩm viên nang cứng chè Dây. + Quy trình và công thức sản xuất sản phẩm cốm hòa tan chè Dây. + Tiêu chuẩn chất lượng dược liệu chè Dây, cao khô chè Dây, cao đặc chè Dây, viên nang cứng chè Dây, cốm hòa tan chè Dây.</p> <p>Sản phẩm dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài.</p>	1.023,289	12/2020 - 12/2022
---	--	---	--	--	--	--	-----------	-------------------

10	Nghiên cứu xây dựng mô hình sàng lọc ung thư vú dựa vào y tế cơ sở cho phụ nữ trong độ tuổi nguy cơ tại huyện Vân Canh	Liên hiệp các Hội KH&KT Bình Định TS. Nguyễn Thị Như Tú	Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Xây dựng và triển khai mô hình sàng lọc ung thư vú dựa vào y tế cơ sở cho phụ nữ 30 60 tuổi tại thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh. Đánh giá hiệu quả, khả năng áp dụng mô hình sàng lọc ung thư vú dựa vào y tế cơ sở sau 01 năm can thiệp và đề xuất giải pháp cho tỉnh Bình Định.	Xây dựng và triển khai mô hình sàng lọc ung thư vú dựa vào y tế cơ sở cho phụ nữ 30 60 tuổi tại thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh. Xây dựng báo cáo chuyên đề 1: Thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành về sàng lọc, phát hiện sớm ung thư vú của phụ nữ (30 60 tuổi) tại thị trấn Vân Canh và Vĩnh Thạnh của tỉnh Bình Định. Xây dựng báo cáo chuyên đề 2: Mô hình sàng lọc ung thư vú dựa vào y tế cơ sở cho phụ nữ nhóm nguy cơ tại thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định. Đánh giá hiệu quả, khả năng áp dụng mô hình sàng lọc ung thư vú dựa vào y tế cơ sở sau 1 năm can thiệp và đề xuất giải pháp cho tỉnh Bình Định. Xây dựng báo cáo chuyên đề 3: Hiệu quả Mô hình sàng lọc ung thư vú dựa vào y tế cơ sở cho phụ nữ nhóm nguy cơ tại thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định. Xây dựng báo cáo chuyên đề 4: Khả năng áp dụng mô hình sàng lọc ung thư vú cho phụ nữ nhóm nguy cơ tại các trạm y tế xã của tỉnh Bình Định và đề xuất giải pháp cho tỉnh Bình Định.	Sản phẩm dạng II: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Các báo cáo chuyên đề: + Thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành về sàng lọc, phát hiện sớm ung thư vú của phụ nữ (30 60 tuổi) tại thị trấn Vân Canh và Vĩnh Thạnh của tỉnh Bình Định. + Mô hình sàng lọc ung thư vú dựa vào y tế cơ sở cho phụ nữ nhóm nguy cơ tại thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định. + Hiệu quả Mô hình sàng lọc ung thư vú dựa vào y tế cơ sở cho phụ nữ nhóm nguy cơ tại thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định. + Khả năng áp dụng mô hình sàng lọc ung thư vú cho phụ nữ nhóm nguy cơ tại các trạm y tế xã của tỉnh Bình Định và đề xuất giải pháp cho tỉnh Bình Định. Sản phẩm dạng III: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài đăng trên Bản tin Khoa học và Công nghệ. 1.800 tờ rơi và 20 tờ áp phích. 1.200 sách mỏng hướng dẫn tự khám vú. 01 video clip tuyên truyền.	562,154	07/2020 - 01/2022
----	--	---	--	--	---	--	---------	-------------------

11	Nghiên cứu, xây dựng quy trình nhân giống và trồng dưới tán rừng theo GACP-WHO tại xã An Toàn, huyện An Lão, tỉnh Bình Định và xây dựng quy trình chế biến sản phẩm cho 2 cây dược liệu Ba kích, Hà thủ ô đỏ	Công ty CP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định DSK1. Nguyễn Đức Thiệp	Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Hoàn thiện quy trình nhân giống (nuôi cấy mô) cho Hà thủ ô đỏ, Ba kích. Hoàn thiện quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch cây Hà thủ ô đỏ, Ba kích dưới tán rừng theo GACP WHO. Hoàn thiện quy trình chế biến dược liệu thành các sản phẩm thương mại (thuốc/ thực phẩm bảo vệ sức khỏe).	<p>Khao sát đặc điểm địa lý, khí hậu, thổ nhưỡng tại khu vực xã An Toàn, huyện An Lão, tỉnh Bình Định</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Báo cáo kết quả khảo sát đặc điểm địa lý, khí hậu, thổ nhưỡng tại khu vực xã An Toàn, huyện An Lão, tỉnh Bình Định</p> <p>Nghiên cứu hoàn thiện quy trình nhân giống (bằng phương pháp invitro). Xây dựng báo cáo chuyên đề: Hoàn thiện quy trình nhân giống cây Ba kích (bằng phương pháp invitro)</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Hoàn thiện quy trình nhân giống cây Hà thủ ô đỏ (bằng phương pháp invitro)</p> <p>Nghiên cứu hoàn thiện quy trình ra cây giống, quy trình trồng, thu hái và chế biến cho 2 cây dược liệu: Ba kích, Hà thủ ô đỏ dưới tán rừng theo GACP WHO</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Hoàn thiện quy trình ra cây giống Ba kích</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Hoàn thiện quy trình ra cây giống Hà thủ ô đỏ</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Hoàn thiện quy trình trồng Ba kích</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Hoàn thiện quy trình trồng Hà thủ ô đỏ</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Hoàn thiện quy trình chế biến dược liệu Ba kích</p> <p>Xây dựng báo cáo chuyên đề: Hoàn thiện quy trình chế biến dược liệu Hà thủ ô đỏ</p> <p>Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất</p>	<p>Sản phẩm dạng I:</p> <p>Cây giống Ba kích: 50.000 cây</p> <p>Cây giống Hà thủ ô đỏ: 50.000 cây</p> <p>Dược liệu sau chế biến (rễ Ba kích): 4.000 kg</p> <p>Dược liệu sau chế biến (củ Hà thủ ô đỏ): 3.500 kg</p> <p>Viên nang cứng Ba kích: 30.000 viên</p> <p>Viên nang cứng Ba kích: 30.000 viên</p> <p>Sản phẩm dạng II:</p> <p>Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt.</p> <p>Các báo cáo chuyên đề:</p> <p>+ Báo cáo kết quả khảo sát đặc điểm địa lý, khí hậu, thổ nhưỡng tại khu vực xã An Toàn, huyện An Lão, tỉnh Bình Định</p> <p>+ Hoàn thiện quy trình nhân giống cây Ba kích (bằng phương pháp invitro)</p> <p>+ Hoàn thiện quy trình nhân giống cây Hà thủ ô đỏ (bằng phương pháp invitro)</p> <p>+ Hoàn thiện quy trình ra cây giống Ba kích</p> <p>+ Hoàn thiện quy trình ra cây giống Hà thủ ô đỏ</p> <p>+ Hoàn thiện quy trình trồng Ba kích</p> <p>+ Hoàn thiện quy trình trồng Hà thủ ô đỏ</p> <p>+ Hoàn thiện quy trình chế biến dược liệu Ba kích</p> <p>+ Hoàn thiện quy trình chế biến dược liệu Hà thủ ô đỏ</p> <p>+ Hoàn thiện quy trình chiết cao từ dược liệu Ba kích</p> <p>+ Hoàn thiện quy trình chiết cao từ dược liệu Hà thủ ô đỏ</p> <p>+ Hoàn thiện quy trình sản xuất sản phẩm viên nang cứng từ cao dược liệu Ba kích</p> <p>+ Hoàn thiện quy trình sản xuất sản phẩm viên nang cứng từ cao dược liệu Hà thủ ô đỏ</p>	2.094,811	12/2020 - 12/2023
----	--	--	--	---	--	--	-----------	-------------------

12	Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh phổ thông Bình Định trong giai đoạn hiện nay	Sở Giáo dục và Đào tạo TS. Nguyễn Huỳnh Huyện ThS. Lê Thị Diễm	Xuất phát từ như cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Đánh giá thực trạng giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh phổ thông ở Bình Định giai đoạn 2013 2020. Đề xuất các giải pháp tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh phổ thông ở Bình Định trong điều kiện đổi mới giáo dục hiện nay.	<p>Tổng quan nghiên cứu giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh phổ thông trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>Xây dựng chuyên đề 1: Cơ sở lý luận và nhân tố ảnh hưởng giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh phổ thông giai đoạn hiện nay.</p> <p>Thực trạng giáo dục đạo đức, lối sống của học sinh phổ thông ở tỉnh Bình Định.</p> <p>Xây dựng chuyên đề 2: Thực trạng giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh cấp Tiểu học ở Bình Định giai đoạn 2013 2020.</p> <p>Xây dựng chuyên đề 3: Thực trạng giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh cấp trung học cơ sở ở Bình Định giai đoạn 2013 2020.</p> <p>Xây dựng chuyên đề 4: Thực trạng giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh cấp trung học phổ thông ở Bình Định giai đoạn 2013 2020.</p> <p>Xây dựng chuyên đề 5: Những nhân tố ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức, lối sống học sinh phổ thông ở Bình Định giai đoạn 2013 2020.</p> <p>Quan điểm và giải pháp tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh phổ thông ở tỉnh Bình Định.</p> <p>Xây dựng chuyên đề 6: Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực của các chủ thể trong giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông ở tỉnh Bình Định</p> <p>Xây dựng chuyên đề 7: Giải pháp nhằm tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống</p>	<p>Sản phẩm dạng I: Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt. Các báo cáo chuyên đề: + Cơ sở lý luận và nhân tố ảnh hưởng giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh phổ thông giai đoạn hiện nay. + Thực trạng giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh cấp Tiểu học ở Bình Định giai đoạn 2013 2020. + Thực trạng giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh cấp trung học cơ sở ở Bình Định giai đoạn 2013 2020. + Thực trạng giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh cấp trung học phổ thông ở Bình Định giai đoạn 2013 2020. + Những nhân tố ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức, lối sống học sinh phổ thông ở Bình Định giai đoạn 2013 2020. + Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực của các chủ thể trong giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông ở tỉnh Bình Định. + Giải pháp nhằm tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh phổ thông ở Bình Định trong giai đoạn hiện nay.</p> <p>Sản phẩm dạng II: Hai bài báo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài đăng trên Bản tin Khoa học và Công nghệ Bình Định.</p>	314,849	10/2020 - 10/2022
----	---	--	--	--	--	--	---------	-------------------

13	Một số giải pháp cấp bách thu hút khách du lịch thị trường Nga và một số nước Đông Âu (Ukraine, Balan, Cộng Hòa Séc) đến năm 2025	Sở Du lịch CN. Nguyễn Văn Dũng	Xuất phát từ nhu cầu đề xuất của đơn vị và trên cơ sở đặt hàng của UBND tỉnh	Thực trạng, đặc điểm, nhu cầu và khả năng đáp ứng sản phẩm du lịch của khách du lịch thị trường Nga và một số nước Đông Âu (Ukraine, Balan, Cộng Hòa Séc). Đề xuất một số giải pháp cấp bách thu hút khách du lịch thị trường Nga và một số nước Đông Âu (Ukraine, Balan, Cộng Hòa Séc) đến năm 2025.	<p>Nghiên cứu sự cần thiết, cơ sở pháp lý và thực tiễn trong thu hút khách du lịch thị trường Nga và một số nước Đông Âu (Ukraine, Balan, Cộng Hòa Séc).</p> <p>Xây dựng chuyên đề: Sự cần thiết, cơ sở pháp lý và thực tiễn trong thu hút khách du lịch thị trường Nga và một số nước Đông Âu (Ukraine, Balan, Cộng Hòa Séc).</p> <p>Xây dựng chuyên đề: Tổng quan về ngành du lịch Nga và một số nước Đông Âu (Ukraine, Balan, Cộng Hòa Séc).</p> <p>Đánh giá thực trạng, đặc điểm, nhu cầu và khả năng đáp ứng sản phẩm du lịch của tỉnh Bình Định đến khách du lịch thị trường Nga và một số nước Đông Âu (Ukraine, Balan, Cộng Hòa Séc).</p> <p>Xây dựng chuyên đề: Đặc điểm, nhu cầu của khách du lịch thị trường Nga và một số nước Đông Âu (Ukraine, Balan, Cộng Hòa Séc).</p> <p>Xây dựng chuyên đề: Thực trạng và khả năng đáp ứng sản phẩm du lịch của tỉnh Bình Định đến khách du lịch thị trường Nga và một số nước Đông Âu (Ukraine, Balan, Cộng Hòa Séc).</p> <p>Một số giải pháp cấp bách thu hút khách du lịch thị trường Nga và một số nước Đông Âu (Ukraine, Balan, Cộng Hòa Séc).</p> <p>Xây dựng chuyên đề: Quan điểm, định hướng, triển vọng và kinh nghiệm trong và ngoài nước trong việc thu hút khách du lịch thị trường Nga và một số nước Đông Âu (Ukraine, Balan, Cộng Hòa Séc).</p>	<p>Báo cáo tổng kết và Báo cáo tóm tắt.</p> <p>Các báo cáo chuyên đề:</p> <p>+ Chuyên đề: Sự cần thiết, cơ sở pháp lý và thực tiễn trong thu hút khách du lịch thị trường Nga và một số nước Đông Âu (Ukraine, Balan, Cộng Hòa Séc).</p> <p>+ Chuyên đề: Tổng quan về ngành du lịch Nga và một số nước Đông Âu (Ukraine, Balan, Cộng Hòa Séc).</p> <p>+ Chuyên đề: Đặc điểm, nhu cầu của khách du lịch thị trường Nga và một số nước Đông Âu (Ukraine, Balan, Cộng Hòa Séc).</p> <p>+ Chuyên đề: Thực trạng và khả năng đáp ứng sản phẩm du lịch của tỉnh Bình Định đến khách du lịch thị trường Nga và một số nước Đông Âu (Ukraine, Balan, Cộng Hòa Séc).</p> <p>+ Chuyên đề: Quan điểm, định hướng, triển vọng và kinh nghiệm trong và ngoài nước trong việc thu hút khách du lịch thị trường Nga và một số nước Đông Âu (Ukraine, Balan, Cộng Hòa Séc).</p> <p>+ Chuyên đề: Một số giải pháp cấp bách thu hút khách du lịch thị trường Nga và một số nước Đông Âu (Ukraine, Balan, Cộng Hòa Séc).</p> <p>Báo cáo kết quả học tập kinh nghiệm thực tế tại Bình Định, Bình Thuận, Khánh Hòa, Phú Quốc.</p>	313,325	12/2020 - 12/2021
14	Phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2030	Viện		Phân tích đánh giá tiềm năng, thực trạng và đề xuất giải pháp, lộ trình để phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2030	<p>Tổng quan về du lịch cộng đồng</p> <p>Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bình Định</p> <p>Giải pháp phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2030</p>	<p>Báo cáo tổng hợp kết quả; báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; Báo cáo tổng kết; Bài báo khoa học; Đĩa CD-ROM; Phiếu điều tra</p>	335,240	04/2020- 12/2020

15	Phát triển các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ở khu vực nông thôn tỉnh Bình Định - Thực trạng và khuyến nghị giải pháp	Viện		<p>Làm rõ hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ở khu vực nông thôn</p> <p>Đánh giá thực trạng tham gia các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp đối với hộ gia đình khu vực nông thôn</p> <p>Đề xuất giải pháp phát triển hoạt động kinh tế phi nông nghiệp đối với hộ gia đình khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định</p>	<p>Tổng quan về hoạt động kinh tế phi nông nghiệp đối với hộ gia đình ở khu vực nông thôn</p> <p>Thực trạng phát triển hoạt động kinh tế phi nông nghiệp tại một số địa bàn tiêu biểu khu vực nông thôn tỉnh Bình Định</p> <p>Định hướng và giải pháp phát triển các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp ở nông thôn tỉnh Bình Định</p>	Báo cáo tổng hợp kết quả; báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; Báo cáo tổng kết; Bài báo khoa học; Đĩa CD-ROM; Phiếu điều tra	337,220	04/2020-12/2020
16	Phát triển thị trường bất động sản tỉnh Bình Định đến năm 2030	Viện		<p>Đánh giá thực trạng thị trường bất động sản tỉnh Bình Định nói chung, thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận nói riêng</p> <p>Đề xuất định hướng và giải pháp thúc đẩy thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh phát triển ổn định, lành mạnh, tạo điều kiện bình đẳng trong việc tiếp cận bất động sản giữa các tổ chức và cá nhân có nhu cầu</p>	<p>Cơ sở lý luận về bất động sản, thị trường bất động sản và kinh nghiệm phát triển thị trường bất động sản</p> <p>Thực trạng phát triển thị trường bất động sản tỉnh Bình Định giai đoạn 2015-2019</p> <p>Giải pháp phát triển thị trường bất động sản tỉnh Bình Định đến năm 2030</p>	Báo cáo tổng hợp kết quả; báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; Báo cáo tổng kết; Bài báo khoa học; Đĩa CD-ROM; Phiếu điều tra	332,950	04/2020-12/2020
17	Kinh tế ban đêm của TP. Quy Nhơn và vùng phụ cận - Thực trạng và giải pháp	Viện		<p>Làm rõ hoạt động kinh tế ban đêm của thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận.</p> <p>Đánh giá thực trạng hoạt động kinh tế ban đêm của thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận.</p> <p>Đề xuất giải pháp phát triển kinh tế ban đêm của thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận.</p>	<p>Tổng quan về kinh tế ban đêm</p> <p>Thực trạng hoạt động kinh tế ban đêm của thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận</p> <p>Định hướng và giải pháp phát triển kinh tế ban đêm trên địa bàn thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận</p>	Báo cáo tổng hợp kết quả; báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu; Báo cáo tổng kết; Bài báo khoa học; Đĩa CD-ROM; Phiếu điều tra	328,040	04/2020-12/2020

Danh mục các nhiệm vụ KH&CN thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ cấp cơ sở giai đoạn 2016-2020

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Đơn vị thực hiện	Tính cấp thiết, tính mới, tính tiên tiến	Mục tiêu	Nội dung	Sản phẩm	Kinh phí (triệu đồng)	Thời gian thực hiện
Năm 2016								
1	Nhiệm vụ: Nghiên cứu xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân trên địa bàn tỉnh Bình Định	TTPT	- Mỗi địa phương có những đặc thù về ứng dụng BXHN khác nhau nên nguy cơ tiềm ẩn rủi ro xảy ra sự cố BXHN cũng khác nhau ở mỗi tỉnh/thành phố. Do đó mỗi tỉnh/thành phố phải cần thiết xây dựng Kế hoạch UPSCBXHN phù hợp cho địa phương mình, để sẵn sàng ứng phó khi xảy ra tình huống sự cố	- Xây dựng kế hoạch UPSCBXHN trên địa bàn tỉnh Bình Định (được Bộ KH&CN phê duyệt). - Tăng cường năng lực quản lý an toàn bức xạ, hạt nhân cho các cán bộ có liên quan của các sở, ban, ngành, ... trên địa bàn tỉnh Bình Định. - Thiết lập khả năng ứng phó kịp thời, hiệu quả khi rủi ro xảy ra sự cố bức xạ và hạt nhân, nhằm hạn chế tới mức thấp nhất có thể sự thiệt hại đối với con người và môi trường trên địa bàn Tỉnh.	Điều tra khảo sát, đánh giá về tình hình ứng dụng bức xạ hạt nhân và các mối nguy cơ tiềm tàng trong việc sử dụng các nguồn bức xạ trên địa bàn tỉnh Bình Định; Xây dựng bộ 6 bài giảng chuyên đề về ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân; Xây dựng 3 kịch bản và 03 quy trình tương ứng điển hình về UPSCBXHN có khả năng xảy ra trên địa bàn Tỉnh; Xây dựng Quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành trong Tỉnh về UPSCBXHN và lập Hồ sơ kế hoạch UPSCBXHN của Tỉnh, trình Bộ KH&CN thẩm định, chỉnh sửa, bổ khuyết (nếu có); thống nhất, phê duyệt; Mở lớp huấn luyện và diễn tập UPSCBXHN cho cán bộ quản lý và những người tham gia trực tiếp UPSCBXHN trong Tỉnh	Báo cáo chuyên đề đánh giá thực trạng ứng dụng bức xạ trên địa bàn Tỉnh và mối nguy cơ tiềm ẩn có thể gây ra sự cố BXHN, bộ 6 bài giảng chuyên đề, 3 kịch bản và 3 quy trình tương ứng điển hình về UPSCBXHN phù hợp trong điều kiện của Tỉnh, 2 thiết bị đo bức xạ phục vụ UPSCBXHN của Tỉnh, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo UPSCBXHN, Bộ hồ sơ Kế hoạch UPSCBXHN của tỉnh Bình Định được Bộ KH&CN phê duyệt phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay cũng như trước mắt cho đến năm 2020 của Tỉnh. Sản phẩm quan trọng nhất của Đề tài là Bộ hồ sơ Kế hoạch UPSCBXHN được xây dựng trên cơ sở tiếp thu tri thức và kinh nghiệm Quốc tế, phù hợp với chuẩn mực Quốc gia, năng lực quản lý và tổ chức UPSCBXHN của Tỉnh được tăng cường, ứng phó kịp thời nếu sự cố BXHN xảy ra trên địa bàn Tỉnh.	687.4	2016

2	Nhiệm vụ: Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia	TTPT		Hỗ trợ HST khởi nghiệp ĐMST Quốc gia	Xây dựng chương trình cuộc thi và các hội thảo về hệ sinh thái khởi nghiệp trong tỉnh và truyền thông trên thông tin đại chúng; thành lập và duy trì hoạt động CLB khởi nghiệp; tổ chức cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp; tổ chức các hội thảo về khởi nghiệp; xây dựng dự án khởi nghiệp tại Trung tâm Phân tích và Kiểm nghiệm	Thành lập và duy trì hoạt động CLB khởi nghiệp; Lựa chọn và hỗ trợ cho 03 ý tưởng khởi nghiệp; hình thành dự án khởi nghiệp tại TT PT&KN;	405.0	2016
3	Nâng cao NSCL sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh giai đoạn 2011-2020	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng					325	
4	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp	Trung tâm ứng dụng Tiên bộ KH&CN Bình Định		Điều tra, khảo sát đánh giá hiện trạng công nghệ và tình hình KH&CN tại một số doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh BĐ - Đánh giá, đề xuất các giải pháp tiết kiệm năng lượng cho đô thị	- Thu thập thông tin và điều tra, khảo sát bổ sung hiện trạng công nghệ và tình hình khoa học và công nghệ tại một số doanh nghiệp trong tỉnh: - Đánh giá, đề xuất các giải pháp tiết kiệm năng lượng cho đô thị - Hỗ trợ kiểm toán năng lượng cho công ty Gia Vinh - Hỗ trợ kiểm toán năng lượng cho Công ty TNHH TM Phước Hòa, Phú Tài	- Khảo sát, thu thập thông tin về tình hình tiêu thụ điện tại Thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ, Đo đạc, thu thập dữ liệu về hiện trạng tiêu thụ năng lượng của các thiết bị - Kiểm toán năng lượng cho 06 tuyến đường phố tại thị trấn Bình Dương, huyện Phù Mỹ - Khảo sát, thu thập thông tin về tình hình tiêu thụ điện tại công ty Gia Vinh. - Báo cáo tổng kết nhiệm vụ được hội đồng thông qua	150	2016

5	Chương trình Ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định	Trung tâm ứng dụng Tiên bộ KH&CN Bình Định	Ứng dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học □	<p>Triển khai ứng dụng và chuyển giao kỹ thuật sản xuất bịch phôi nấm sò tại huyện Phù Mỹ nhằm góp phần phát triển nghề trồng nấm hàng hóa, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ ngày càng cao của người dân, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.</p> <p>- Ứng dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học đã thực để xây dựng các mô hình nông nghiệp đô thị trồng rau, hoa tại các hộ dân trong khu đô thị ở thành phố Quy Nhơn. □</p>	<p>- Mô hình nông nghiệp đô thị: 02 địa điểm, tổng diện tích là 100m² (Mô hình tại Thành phố Quy Nhơn có 15 hộ tham gia với tổng diện tích 80 m²; 01 mô hình tại Trạm Thực nghiệm khoa học và công nghệ với diện tích 20 m²).</p> <p>- Mô hình sản xuất bịch phôi nấm Sò, tại 02 địa điểm, tổng khối lượng 16 tấn nguyên liệu thô (Mô hình tại Thị trấn Bình Dương, huyện Phù: 08 tấn; Mô hình tại xã Tam Quan Nam, huyện Hoài Nhơn: 08 tấn). □</p>	<p>Mô hình nông nghiệp đô thị: Số mô hình thực hiện 02 mô hình, tại 15 địa điểm trong thành phố Quy Nhơn với 15 hộ tham gia, diện tích 80 m² và 01 Trạm Thực nghiệm Khoa học và công nghệ tại xã Phước An, huyện Tuy Phước với diện tích là 20 m².</p> <p>Hỗ trợ lượng giống các loại (giống cây thủy canh, cây hoa cảnh, bịch phôi nấm sò) cho các hộ tham gia; mô hình như giàn trồng rau thủy canh hồi lưu, giàn trồng nấm và giàn trồng cây hoa cảnh.</p> <p>Mô hình trồng nấm sò tại nhà: đã thiết kế, lắp đặt và chuyển giao các giàn trồng nấm sò cho các hộ tham gia với mỗi giàn từ 25 -40 bịch phôi nấm, cho năng suất trung bình 15 kg/ buồng với chất lượng tốt, tươi, sạch tại chỗ.</p>	200	2016
---	---	--	---	---	--	--	-----	------

6	Chương trình chuyển giao ứng dụng CNSH	Trung tâm ứng dụng Tiên bộ KH&CN Bình Định	Ứng dụng chọn lọc các thành tựu khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực công nghệ sinh học	Nhằm triển khai ứng dụng chọn lọc các thành tựu khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực công nghệ sinh học phục vụ thiết thực sản xuất nông nghiệp tỉnh Bình Định	<ul style="list-style-type: none"> -Triển khai ứng dụng chế phẩm vi sinh Trichoderma sp. cho một số cây trồng: lạc , ớt, Hồ tiêu, Rây nân Hại Lúa - Mô hình sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi heo, gà - Mô hình ứng dụng chế phẩm phân giải Cellulose xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp làm phân bón tại chỗ - Mô hình trồng nấm Linh chi, nấm Sò -Mô hình sản xuất rau an toàn, Hoa phong Lan Hồ Điệp thâm canh 	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai ứng dụng chế phẩm vi sinh Trichoderma sp. trên cây Lạc , : 2 địa điểm (TT. Điều Trì, huyện Tuy Phước: 01 mô hình; xã Ân Hảo Đông, huyện Hoài Ân: 01 mô hình), Quy mô 6 ha/ Kế hoạch thực hiện 2 ha; cây ớt- Địa điểm: 01 địa điểm (xã Cát Tài, huyện Phù Cát: 01 mô hình). Quy mô thực hiện 1ha/ kế hoạch 5.000m2; cây hồ tiêu 02 địa điểm (Tại xã Ân Thành, huyện Hoài Ân và xã Hoài Hương huyện Hoài Nhơn). Quy mô 4 ha/ kế hoạch 2 ha. trong đó Triển khai ứng dụng chế phẩm vi sinh Bimetar phòng, ngừa rầy Nâu hại lúa 01 địa điểm (xã Nhơn Khánh, TX. An Nhơn: 01 hộ mô hình). Quy mô thực hiện 1 ha/ kế hoạch 1ha; - Mô hình sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi heo 02 địa điểm (xã Nhơn Phong, TX. An Nhơn: 01 mô hình; Xã Cát Tân, huyện Phù Cát: 01 mô hình) - Quy mô thực hiện 100m2, - Mô hình sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi Gà - Xã Cát Tài 01 mô hình, quy mô 150 m2; xã Nhơn phong 01 mô hình, Quy mô 150m2 - Triển khai mô hình ứng dụng chế phẩm phân giải Cellulose xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp làm phân bón tại chỗ (Xử lý lục bình làm phân bón hữu cơ) : 01 địa điểm (Xã Cát Minh, huyện Phù Cát: 01 mô hình). Quy mô thực hiện 40 m3/ kế hoạch 40m3 - Mô hình trồng nấm Linh chi , 02 địa điểm (TT. Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ: 01 mô hình; Phường Nhơn Phú, TP. Quy Nhơn: 01 mô hình). - Mô hình trồng nấm Sò, 02 địa điểm (huyện Vân Canh: 01 mô hình; TT. Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh: 01 mô hình). Quy mô: 14 tấn nguyên liệu. - Triển khai mô hình sản xuất rau an toàn , 01 địa điểm (xã Ân Đức, huyện Hoài Ân: 01 mô hình). Quy mô thực hiện 0,5 ha/ kế hoạch 5 ha. - Triển khai mô hình trồng hoa phong lan Hồ Điệp thâm canh, : 01 địa điểm (TT. Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh: 01 mô hình). Quy mô thực hiện 40m2 	470	2016
---	--	--	--	---	---	---	-----	------

7	Nhiệm vụ TXTCN Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen thực Vật và vi sinh vật	Trung tâm ứng dụng Tiên bộ KH&CN Bình Định	Bảo tồn và lưu giữ	Bảo tồn các giống cây trồng và vi sinh vật có giá trị kinh tế, đặc hữu nhằm đề chủ động nguồn giống phục vụ công tác nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ và xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn và lưu giữ các giống cây trồng invitro trong phòng nuôi cây mô tế bào thực vật - Bảo tồn và lưu giữ chủng giống vi sinh Giống Trichoderma sp (dạng hạt);giống Trichoderma sp. Gốc (môi trường thạch nghiêng),Giống Metarhizium sp (dạng hạt), Giống Metarhizium sp (Môi trường thạch nghiêng), Giống Vi sinh Baccillus subtilis,Men vi sinh, Men rượu -Chăm sóc các giống cây đầu dòng -Lưu giữ các giống nấm tại Xưởng sản xuất 	Bộ giống Hoa Cúc Pha lê , Hoa Chuông (màu tím, đỏ),Hoa Đồng tiền, Hoa Mai, Bộ giống cây dược liệu, Đinh Lăng, Lam Kim Tuyền, Bộ giống chuối (sứ, già lùn),Chuối sứ Gò dúi,Chuối già lùn,Lưu giữ chủng giống vi sinh.Chăm sóc vườn giống cây đầu dòng tại Trạm nghiên cứu thực nghiệm KHCN,Keo (BV10, BV16, BV32), Chuối (Sứ, già lùn),Mía (K95-156 và Suphanburi 7),chủng giống vi sinh Giống Trichoderma sp (dạng hạt);giống Trichoderma sp. Gốc (môi trường thạch nghiêng),Giống Metarhizium sp (dạng hạt), Giống Metarhizium sp (Môi trường thạch nghiêng), Giống Vi sinh Baccillus subtilis,Men vi sinh, Men rượu	400	2016
8	Nhiệm vụ thử mẫu rượu	Trung tâm ứng dụng Tiên bộ KH&CN Bình Định	Rượu đặc sản của các làng nghề truyền thống của tỉnh Bình Định	Triển khai ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ để sản xuất các sản phẩm rượu đặc sản của các làng nghề truyền thống của tỉnh Bình Định nhằm nâng cao giá trị cũng như thương hiệu sản phẩm rượu đặc sản của tỉnh Bình Định phục vụ nhu cầu của nhân dân cũng như du khách trong nước và quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai xử lý loại bỏ độc tố có trong rượu: - Pha chế, chọn lọc mẫu rượu phù hợp yêu cầu thị trường - Triển khai thiết kế một số mẫu chai, tem, nhãn 	<ul style="list-style-type: none"> - Pha chế thử nghiệm 03 mẫu rượu phù hợp với điều kiện tự nhiên, nhu cầu của thị trường và thị hiếu người sử dụng ở địa phương. - Thiết kế 01 mẫu chai (chai, tem, nhãn, hộp) đặc trưng cho 01 sản phẩm rượu. - Sản xuất 300 chai rượu thành phẩm. 	150	2016

9	Các nhân tố ảnh hưởng tới hành vi vi phạm giao thông đường bộ của người tham gia giao thông trên địa bàn tỉnh Bình Định - Thực trạng và giải pháp	Viện		Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi vi phạm giao thông đường bộ của người tham gia giao thông trên địa bàn tỉnh Bình Định làm cơ sở đề xuất các giải pháp giúp giảm thiểu hành vi vi phạm giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh, hạn chế tai nạn giao thông mang lại một bộ mặt mới cho giao thông tỉnh Bình Định.	Cơ sở lý luận về hành vi vi phạm giao thông Phương pháp nghiên cứu Thực trạng và kết quả nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi vi phạm giao thông đường bộ của người tham gia giao thông trên địa bàn tỉnh Bình Định	Báo cáo tóm tắt, báo cáo tổng kết, Báo cáo đăng trên tạp chí uy tín, Đĩa CD-ROM	111	04/2016-12/2016
10	Giải pháp khai thác các giá trị văn hóa ẩm thực nhằm tạo thương hiệu cho du lịch Quy Nhơn	Viện		Đề ra một số giải pháp có tính khả thi để khai thác các giá trị văn hóa ẩm thực nhằm góp phần phát triển thương hiệu du lịch Quy Nhơn.	Văn hóa ẩm thực đối với du lịch Đánh giá thực trạng khai thác giá trị văn hóa ẩm thực thành phố Quy Nhơn Giải pháp khai thác giá trị văn hóa ẩm thực nhằm tạo thương hiệu cho du lịch Quy Nhơn	Báo cáo tóm tắt, báo cáo tổng kết, Báo cáo đăng trên tạp chí uy tín, Đĩa CD-ROM	91	04/2016-12/2016
Năm 2017								

1	<p>Nhiệm vụ: Xây dựng mạng lưới quan trắc phóng xạ môi trường và đo đạc một số chỉ tiêu phóng xạ phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát an toàn bức xạ trên địa bàn tỉnh Bình Định</p>	TTPT	<p>Theo dõi, dự báo diễn biến các nguồn phóng xạ tác động xấu lên môi trường không khí, đất, nước và lương thực thực phẩm tỉnh Bình Định</p>	<p>- Quy hoạch mạng lưới quan trắc phóng xạ môi trường tỉnh Bình Định đến năm 2020 phục vụ công tác phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Bình Định. - Thiết lập hệ thống công cụ theo dõi, dự báo diễn biến các nguồn phóng xạ tác động xấu lên môi trường không khí, đất, nước và lương thực thực phẩm tỉnh Bình Định. - Đánh giá phong phóng xạ tự nhiên của tỉnh Bình Định và so sánh với một số địa phương khác. - Đề xuất, kiến nghị về công tác đảm bảo an toàn phóng xạ; Nâng cao năng lực quản lý, sử dụng và cập nhật dữ liệu phóng xạ cho các cán bộ của tỉnh Bình Định.</p>	<p>Quy hoạch mạng lưới Quan trắc phóng xạ môi trường; Điều tra, khảo sát, đo đạc thực địa các vị trí quan trắc phóng xạ môi trường; Xây dựng bản đồ dữ liệu số; Báo cáo chuyên đề và báo cáo tổng hợp; Hội thảo khoa học.</p>	<p>Quy hoạch mạng lưới quan trắc phóng xạ tỉnh Bình Định đến năm 2020; Bản đồ dữ liệu số (bao gồm cả bản đồ GIS) đầy đủ các tính năng lưu trữ, ứng dụng và truy xuất các dữ liệu phóng xạ; Báo cáo phân tích, đánh giá. Đề xuất các giải pháp, kiến nghị đảm bảo an toàn phóng xạ tỉnh Bình Định</p>	450.0	2017
---	--	------	--	---	---	--	-------	------

2	Nhiệm vụ: Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia năm 2017	TTPT	Nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ giúp đánh giá năng lực khởi nghiệp và nhu cầu khởi nghiệp của cộng đồng, chất lượng khởi nghiệp để hoạch định các giải pháp về chính sách phù hợp phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp Bình Định có tính bền vững và hiệu quả.	Hỗ trợ HST khởi nghiệp ĐMST trên địa bàn tỉnh Bình Định	Xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp tỉnh Bình Định năm 2017; Xây dựng chương trình, kế hoạch, quy chế và tổ chức tuyển chọn đề ương tạo doanh nghiệp khởi nghiệp; Hội thảo, tập huấn, học tập kinh nghiệm; Duy trì hoạt động CLB khởi nghiệp; Xây dựng website khởi nghiệp	03 dự án - Ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp và các hồ sơ kèm theo; 03 giải thưởng – Cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp tỉnh Bình Định và các hồ sơ kèm theo; Website khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Báo cáo tổng kết nhiệm vụ; Báo cáo tóm tắt nhiệm vụ; 01 bài báo về hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp tại Bình Định.	450.0	2017
3	Nâng cao NSCL sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh giai đoạn 2011-2020	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng					400	
4	Nhiệm vụ Ứng dụng Khoa học và Công nghệ nâng cao giá trị sản phẩm rượu đặc sản của các làng nghề truyền thống của tỉnh Bình Định	Trung tâm ứng dụng Tiên bộ KH&CN Bình Định	Nâng cao giá trị sản phẩm rượu đặc sản của các làng nghề truyền thống của tỉnh Bình Định	Hoàn thiện công thức pha chế, sản xuất 03 loại rượu (Rượu đậu xanh Nhân sâm, Rượu Linh Chi, rượu Gạo) đạt tiêu chuẩn TCNV 7043:2013 và QCVN 6-3:2010/BYT Công bố hợp quy và xin phép sản xuất các loại rượu nêu trên	Hoàn thiện công thức pha chế, sản xuất Rượu Đậu xanh nhân sâm, rượu Linh Chi và rượu Gạo từ các quy trình đã có. Thử nghiệm pha chế các mẫu rượu trên cơ sở công thức pha chế, sản xuất đã hoàn thiện. Thực hiện thủ tục công bố hợp quy và xin giấy phép sản xuất rượu. Đăng ký mã vạch cho các sản phẩm, tiến hành giới thiệu cung cấp sản phẩm ra thị trường	03 Công thức pha chế sản xuất Rượu Đậu xanh nhân sâm, rượu Linh Chi, rượu Gạo Rượu sản xuất đạt quy chuẩn quốc gia QCVN 6-3: 2010/BYT, TCNV 7043:2013 Chứng nhận công bố hợp quy, Chứng nhận đăng ký mã vạch	100	2017

5	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp	Trung tâm ứng dụng Tiên bộ KH&CN Bình Định		<p>Hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng, sản xuất sạch hơn, nhằm tiết kiệm và mang lại hiệu quả cao trong sản xuất. Phấn đấu đến năm 2020 tiết kiệm 10 -12% tổng mức tiêu thụ năng lượng tại các doanh nghiệp về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.</p> <p>Hỗ trợ, tư vấn trong năm 2017 thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ và hình thành mạng lưới hội đồng khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp.</p>	<p>- Tập huấn pháp luật về doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ, tư vấn thành lập doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ:</p> <p>trị gia tăng lớn cho xã hội, kích thích nghiên cứu phát triển và thu hút các nguồn lực có trình độ cao.</p> <p>- Tổ chức hội thảo, đào tạo và tập huấn về: Các kỹ năng quản lý sản xuất, quản lý năng lượng trong doanh nghiệp:</p> <p>Tổ chức hội thảo và tập huấn cho các doanh nghiệp về Sở hữu trí tuệ:</p> <p>- Hỗ trợ kiểm toán năng lượng, đề xuất giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các doanh nghiệp:</p> <p>- Đào tạo chuyên gia giám sát công nghệ và lớp thẩm định công nghệ:</p> <p>- Tập huấn xây dựng đề án mạng lưới hội đồng khoa học công nghệ trong doanh nghiệp: nhằm giúp cho các doanh nghiệp hình thành hội đồng khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp.</p>	<p>- Tập huấn 01 lớp/30 người về “pháp luật về doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ, tư vấn thành lập doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ”</p> <p>- Xuất, quản lý năng lượng trong doanh nghiệp với 90 người tham gia tại Thành phố và các huyện.</p> <p>- Tổ chức 03 lớp hội thảo và tập huấn cho các doanh nghiệp về kỹ năng thực thi và đăng ký quyền sở hữu trí tuệ cho doanh nghiệp với 120 người tham gia tại Thành phố và các huyện.</p> <p>-Hỗ trợ 03 Doanh nghiệp kiểm toán năng lượng, đề xuất giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các doanh nghiệp. Xi nghiệp chế biến lâm sản An Nhơn – Chi nhánh công ty lâm nghiệp 19 – Thị xã An Nhơn, Công ty đồ gỗ nội ngoại thất Gia Hân – huyện Phù Cát và Công ty TNHH MTV Sản xuất - Thương mại – Dịch vụ Quang Dũng – Huyện Phù Mỹ.</p> <p>. Đào tạo chuyên gia giám sát công nghệ và lớp thẩm định công nghệ: Do bộ Khoa học và Công nghệ chưa tổ chức nên kinh phí được chuyển qua lắp Pin năng lượng mặt trời 3kw hòa lưới trực tiếp vào hệ thống điện Trạm nghiên cứu thực nghiệm KH&CN – Trung tâm Ứng dụng tiên bộ KH&CN theo công văn 3047/STC-TCHCSN ngày 31/10/2017 và quyết định số 4259/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.</p> <p>Tập huấn 02 lớp “xây dựng đề án mạng lưới hội đồng khoa học công nghệ trong doanh nghiệp” nhằm giúp cho các doanh nghiệp hình thành hội đồng khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp với 60 người được tham gia.</p> <p>- Báo cáo tổng kết nhiệm vụ được hội đồng thông qua</p>	350	2017
---	----------------------------------	--	--	---	--	--	-----	------

6	Chương trình Ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định	Trung tâm ứng dụng Tiên bộ KH&CN Bình Định	Ứng dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học □	<p>Xây dựng mô hình xử lý nước thải chăn nuôi lợn sau Biogas để giảm thiểu ô nhiễm môi trường do nước thải chăn nuôi sau Biogas gây ra.</p> <p>Triển khai kỹ thuật sử dụng phần mềm quản lý và khai thác dữ liệu chẩn đoán hình ảnh tại BVĐK Bình Định giúp cho phòng ban của bệnh viện đa khoa dễ dàng trong quá trình khám chữa bệnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 01 mô hình ứng dụng phần mềm quản lý và khai thác dữ liệu chẩn đoán hình ảnh tại BVĐK Bồng Sơn thuộc huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. - Xây dựng 01 mô hình xử lý nước thải chăn nuôi lợn sau Biogas quy mô 5 m³/ ngày đêm tại huyện Hoài Ân. - Tổ chức tập huấn kỹ thuật ứng dụng phần mềm quản lý và khai thác dữ liệu chẩn đoán hình ảnh tại BVĐK tại Trung tâm y tế thị xã An Nhơn. - Tổ chức tập huấn kỹ thuật xử lý nước thải chăn nuôi lợn sau Biogas cho các hộ dân. - Tổ chức hội thảo tổng kết mô hình ứng dụng phần mềm quản lý và khai thác dữ liệu chẩn đoán hình ảnh tại Trung tâm y tế thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. - Tổ chức tổng kết mô hình xử lý nước thải chăn nuôi lợn sau Biogas quy mô 5 m³/ ngày đêm tại huyện Hoài Ân. - In tờ rơi thông tin tuyên truyền kỹ thuật ứng dụng quy trình kỹ thuật xử lý nước thải chăn nuôi lợn sau Biogas. 	<ul style="list-style-type: none"> - 01 mô hình ứng dụng phần mềm quản lý và khai thác dữ liệu chẩn đoán hình ảnh tại Trung tâm y tế thị xã An Nhơn. - 01 mô hình xử lý nước thải chăn nuôi lợn sau Biogas quy mô 5 m³/ ngày đêm tại huyện Hoài Ân. 	200	2017
---	---	--	---	---	---	--	-----	------

7	Chương trình chuyển giao ứng dụng CNSH	Trung tâm ứng dụng Tiên bộ KH&CN Bình Định		<p>Triển khai ứng dụng, chọn lọc các thành tựu khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực công nghệ sinh học phục vụ thiết thực sản xuất nông nghiệp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi, trồng trọt, giảm lượng thuốc hóa học trong nông nghiệp tăng thu nhập cho người dân trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p>	<p>Triển khai ứng dụng chế phẩm vi sinh Trichoderma sp. cho một số cây trồng cạn, nhằm phòng ngừa bệnh thối cổ rễ, hạn chế sử dụng thuốc hoá học, giảm chi phí và bảo vệ được sức khoẻ cho người dân trực tiếp sản xuất.</p> <p>- Mô hình sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi heo, chăn nuôi Gà, nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm thiểu lượng nước sử dụng trong chăn nuôi.</p> <p>- Triển khai mô hình ứng dụng chế phẩm phân giải Cellulose xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp làm phân bón tại chỗ bằng chế phẩm sinh học nhằm cung cấp một lượng phân hữu cơ tại chỗ, rẻ tiền và giảm thiểu ô nhiễm môi trường nông thôn.</p> <p>- Triển khai mô hình trồng nấm Linh chi, trồng nấm sò, nấm rơm nhằm góp phần phát triển nghề trồng nấm hàng hóa và rau an toàn ở tỉnh Bình Định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân về thực phẩm sạch, tạo thêm việc làm cho người lao động, tăng thu nhập cho người dân.</p> <p>- Triển khai mô hình trồng hoa phong lan Hồ Điệp thâm</p>	<p>- 01 mô hình Ứng dụng chế phẩm Trichoderma phòng ngừa bệnh thối cổ rễ trên cây Lạc xã Nhơn Khánh, TX. An Nhơn.</p> <p>- 01 mô hình Ứng dụng chế phẩm Trichoderma phòng ngừa bệnh thối cổ rễ trên cây ớt tại xã Bình Tường, huyện Tây Sơn.</p> <p>- 01 mô hình sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi heo tại xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ.</p> <p>- 01 mô hình sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi Gà tại xã Hoài Thanh Tây, huyện Hoài Nhơn.</p> <p>- 03 mô hình ứng dụng chế phẩm phân giải Cellulose xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp làm phân bón hữu cơ tại chỗ tại xã Cát Minh, huyện Phù Cát; xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân và xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước.</p> <p>- 02 mô hình trồng nấm rơm tại xã Cát Tài, huyện Phù Cát và xã Nhơn An, TX. An Nhơn</p> <p>- 01 mô hình Trồng nấm Linh Chi tại xã Nhơn Phong, TX. An Nhơn.</p> <p>- 04 mô hình Trồng nấm Sò tại xã Cát Tân, huyện Phù Cát; xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước và Phường Ghènh Ráng, TP. Quy Nhơn.</p> <p>- 01 mô hình Trồng hoa phong lan Hồ Điệp thâm canh tại xã Nhơn Phong, TX. An Nhơn</p> <p>- Báo cáo tổng kết nhiệm vụ được hội đồng thông qua</p>	400	2017
---	--	--	--	---	---	--	-----	------

8	Nhiệm vụ TXTCN Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen thực Vật và vi sinh vật	Trung tâm ứng dụng Tiên bộ KH&CN Bình Định	Bảo tồn và lưu giữ	<p>Bảo tồn các giống cây trồng và vi sinh vật có giá trị kinh tế, đặc hữu nhằm đề chủ động nguồn giống phục vụ công tác nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ và xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn và lưu giữ một số nguồn gen thực vật là sản phẩm các đề tài/dự án nghiên cứu khoa học có giá trị kinh tế và tiềm năng phát triển (Chuối, hoa Cúc, hoa Chuông, hoa Đồng tiền, Mai vàng Nhơn An). - Nghiên cứu một giống cây dược liệu Đinh lăng, Lan Kim tuyến... - Bảo tồn và lưu giữ chủng giống gốc Trichoderma sp, Metarhizium sp., Baccillus, Nấm men, Nấm mốc ... - Chăm sóc các loại giống cây đầu dòng Keo lai, Mía, Chuối. - Lưu giữ các giống nấm: Linh chi, Bào ngư (xám, trắng), Mộc nhĩ, Trà Tân, Rơm. 	<p>Bộ giống Hoa Cúc Pha lê , Hoa Chuông (màu tím, đỏ), Hoa Đồng tiền, Hoa Mai, Bộ giống cây dược liệu, Đinh Lăng, Lam Kim Tuyến, Bộ giống chuối (sứ, già lùn), Chuối sứ Gò dúi, Chuối già lùn, Lưu giữ chủng giống vi sinh. Chăm sóc vườn giống cây đầu dòng tại Trạm nghiên cứu thực nghiệm KHCN, Keo (BV10, BV16, BV32), Chuối (Sứ, già lùn), Mía (K95-156 và Suphanburi 7), chủng giống vi sinh Giống Trichoderma sp (dạng hạt); giống Trichoderma sp. Gốc (môi trường thạch nghiêng), Giống Metarhizium sp (dạng hạt), Giống Metarhizium sp (Môi trường thạch nghiêng), Giống Vi sinh Baccillus subtilis, Men vi sinh, Men rượu.</p> <p>Lưu giữ giống nấm Nấm Linh chi, Nấm Sò trắng, Nấm Sò xám, Nấm Mộc nhĩ, Nấm Rơm, Nấm Trân Châu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng kết nhiệm vụ được hội đồng thông qua 	400	2017
---	---	--	--------------------	---	--	---	-----	------

9	Nhiệm vụ Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình	Trung tâm ứng dụng Tiên bộ KH&CN Bình Định		<p>- Xây dựng Chương trình Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2020.</p> <p>- Nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về sở hữu trí tuệ, hệ thống quản trị tài sản trí tuệ.</p> <p>- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ cho cán bộ làm công tác quản lý tại Sở Khoa học và Công nghệ và các sở ban ngành trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>- Điều tra, khảo sát về hiện trạng SHTT tại các doanh nghiệp và nhu cầu hỗ trợ về phát triển TSTT trong doanh nghiệp.</p> <p>- Hỗ trợ tư vấn về lĩnh vực sở hữu trí tuệ, khai thác thông tin về sở hữu trí tuệ: Cán bộ chuyên môn của Sở thực hiện công tác hướng dẫn cho các doanh nghiệp về tra cứu thông tin, đăng ký xác lập quyền SHCN.</p> <p>- Tổ chức 01 lớp tập huấn về vai trò, cách thức xây dựng và quản trị hệ thống tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp:</p> <p>+ Tổ chức 01 lớp tập huấn cho đối tượng là các doanh nghiệp, cán bộ làm việc tại bộ phận chuyên môn về sở hữu trí tuệ tại doanh nghiệp, cán bộ làm công tác quản lý về SHTT của Sở KH&CN Bình Định.</p>	<p>1. Xây dựng Chương trình Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020</p> <p>2. Hỗ trợ tư vấn về lĩnh vực sở hữu trí tuệ, khai thác thông tin về sở hữu trí tuệ</p> <p>3. Khảo sát, đánh giá về hiện trạng xây dựng hệ thống quản trị tài sản trong doanh nghiệp</p> <p>4. Tổ chức lớp tập huấn về vai trò, cách thức xây dựng và quản trị hệ thống tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp</p> <p>+ Chuyên đề 01: Vai trò của của hệ thống quản trị tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp.</p> <p>+ Chuyên đề 02: Nhận biết các tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp.</p> <p>+ Chuyên đề 03: Kiểm toán tài sản trí tuệ tại doanh nghiệp.</p> <p>5. Tổ chức đoàn học tập kinh nghiệm về quản lý, xây dựng và quản trị hệ thống tài sản trí tuệ tại Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>6. Tổ chức hội thảo khoa học</p> <p>- Báo cáo tổng kết nhiệm vụ được hội đồng thông qua</p>	140	2017
---	--	--	--	--	---	---	-----	------

10	Kế hoạch triển khai, thực hiện phương án điều tra sự hài lòng của khách du lịch đối với điểm đến Bình Định	Viện	<p>Điều tra sự hài lòng của du khách với điểm đến Bình Định nhằm đánh giá khách quan du lịch hiện nay tại Bình Định. Thông qua đó, các cơ quan, doanh nghiệp du lịch nắm bắt được nhu cầu, mong muốn của khách du lịch khi đến với Bình Định, từ đó có biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng phục vụ góp phần thúc đẩy, phát triển du lịch tỉnh Bình Định trong tương lai.</p>	<p>Thu thập thông tin theo phiếu điều tra về sự hài lòng của khách du lịch trong và ngoài nước đối với điểm đến Bình Định</p> <p>Tổng hợp kết quả điều tra, xử lý và phân tích kết quả điều tra;</p> <p>Xây dựng báo cáo tổng kết</p>	Báo cáo phân tích kết quả điều tra	60	06/2017-12/2017
Năm 2018							

1	Nhiệm vụ: Triển khai đề án Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia tỉnh Bình Định năm 2018	TTPT		Hỗ trợ và phát triển Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Định	<p>Xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức cuộc thi “Khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Bình Định năm 2019”; Triển khai các hoạt động đào tạo, tập huấn và tổ chức các chương trình, sự kiện tại Bihub; Tổ chức sự kiện Ngày hội khởi nghiệp tỉnh Bình Định năm 2019 (kết hợp với Hội thảo Kết nối mạng lưới hệ sinh thái khởi nghiệp Miền Trung-Tây Nguyên); Tham gia các sự kiện, hội nghị, hội thảo về hoạt động khởi nghiệp do các bộ, ngành và các địa phương có hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát triển tổ chức; Công tác thông tin, truyền thông, quảng bá hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh; Mua sắm trang thiết bị cần thiết phục vụ cho các hoạt động tại không gian chung hoạt động khởi nghiệp (Bihub)</p>	<p>10 dự án khởi nghiệp xuất sắc được chọn và các hồ sơ kèm theo; 01 bộ tài liệu phục vụ HST khởi nghiệp; 02 đợt đào tạo, tập huấn, đào tạo 03 cán bộ chuyên môn; Thiết bị mua mới cho hoạt động của Không gian chung hoạt động khởi nghiệp (BiHub); Báo cáo tổng kết nhiệm vụ; 01 bài báo về hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp tại tỉnh Bình Định.</p>	540.0	2018
---	--	------	--	--	---	---	-------	------

2	Nhiệm vụ: Nghiên cứu xây dựng Đề án Khu đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa (Thung lũng Sáng tạo Quy Nhơn)	TTPT		<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu các luận cứ khoa học và cơ sở thực tiễn để hình thành và phát triển Khu đô thị khoa học và giáo dục. - Nghiên cứu Đề xuất mô hình hoạt động Khu đô thị khoa học và giáo dục phù hợp với điều kiện của tỉnh Bình Định. - Đề xuất giải pháp Xây dựng và vận hành hiệu quả Khu đô thị khoa học và giáo dục. 	Thu thập tài liệu phục vụ nghiên cứu; Tổ chức đoàn khảo sát, học tập các mô hình ươm tạo tại Đà Nẵng và Hà Nội; Xây dựng 13 báo cáo chuyên đề; Xây dựng Đề án chi tiết phát triển Khu đô thị Khoa học và giáo dục Quy Hòa (Thung lũng Sáng tạo Quy Nhơn); Xây dựng đoạn phim 3D "Dự kiến phát triển Khu Đô thị khoa học và giáo dục Quy Hòa"	13 Báo cáo chuyên đề ; Đề án phát triển Khu đô thị Khoa học và giáo dục Quy Hòa (Thung lũng Sáng tạo Quy Nhơn); Phim 3D "Dự kiến phát triển Khu Đô thị khoa học và giáo dục Quy Hòa".	924.0	2018-2019
---	--	------	--	---	--	--	-------	-----------

3	<p>Đề tài: Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp hỗ trợ đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p>	TTPT	<p>Phân tích và đánh giá thực trạng đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định trên các mặt: Sản phẩm, Quy trình sản xuất, Tổ chức quản lý, Công nghệ và Marketing nhằm qua đó nhận diện các nhân tố ảnh hưởng chính đến quá trình đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp, làm cơ sở đề xuất các giải pháp hỗ trợ đổi mới sáng tạo nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thực trạng về đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định; - Đề xuất các giải pháp hỗ trợ đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định; - Xây dựng mô hình đổi mới sáng tạo cho 3 doanh nghiệp điển hình trên địa bàn tỉnh Bình Định. 	<p>Tổng quan tình hình nghiên cứu; Đánh giá thực trạng về đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định; Đề xuất các giải pháp hỗ trợ đổi mới sáng tạo các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định; Xây dựng mô hình đổi mới sáng tạo cho 3 doanh nghiệp làm mô hình điển hình nghiên cứu</p>	<p>05 báo cáo chuyên đề; 02 bài báo khoa học; Mô hình đổi mới sáng tạo cho 03 doanh nghiệp; Báo cáo khoa học tổng kết đề tài.</p>	407.0	2018-2020
---	---	------	--	---	--	---	-------	-----------

4	<p>Nhiệm vụ: Quan trắc một số chỉ tiêu phóng xạ môi trường (nồng độ radon, nồng độ hoạt tính của các đồng vị phóng xạ trong nước biển ven bờ, đất, bùn và trầm tích) phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát an toàn bức xạ trên địa bàn tỉnh Bình Định</p>	TTPT	Theo dõi, dự báo diễn biến các chỉ tiêu phóng xạ môi trường	<p>- Phân tích một số chỉ tiêu phóng xạ môi trường (nồng độ radon, nồng độ hoạt tính của các đồng vị phóng xạ trong không khí, nước ngầm, nước mặt, nước biển ven bờ, đất, bùn và trầm tích) và theo dõi, dự báo diễn biến các nguồn phóng xạ tác động xấu lên môi trường.</p> <p>- Nâng cao kỹ năng thao tác và phương pháp lấy mẫu, đo đạc của cán bộ Trung tâm trong tình huống khi có sự cố bức xạ xảy ra.</p> <p>- Đề xuất, kiến nghị về công tác đảm bảo an toàn phóng xạ tỉnh Bình Định.</p>	<p>Quan trắc một số chỉ tiêu phóng xạ môi trường không khí; Quan trắc một số chỉ tiêu phóng xạ môi trường nước (nước ngầm, nước mặt, nước biển ven bờ); Quan trắc một số chỉ tiêu phóng xạ môi trường đất, bùn và trầm tích; Xây dựng báo cáo tổng kết và họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	Bộ phiếu kết quả các chỉ tiêu phân tích đo đạc và được nhập liệu lên bản đồ số	325.6	2018
5	<p>Nâng cao NSCL sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh giai đoạn 2011-2020</p>	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng					380	

6	<p>Đề tài: Đánh giá trình độ công nghệ, tốc độ đổi mới công nghệ và đề xuất các giải pháp thúc đẩy đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p>	<p>Trung tâm ứng dụng Tiên bộ KH&CN Bình Định</p>	<p>Đánh giá được trình độ công nghệ một số nhóm ngành công nghiệp, tốc độ đổi mới công nghệ tỉnh Bình Định, giai đoạn 2015 - 2017,</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hiện trạng trình độ công nghệ một số nhóm ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định. - Xác định tốc độ đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2015 – 2017. - Đề xuất các giải pháp thúc đẩy đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2020 – 2030. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được cơ sở dữ liệu hiện trạng trình độ công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khai thác và sử dụng thông tin KH&CN một cách có hiệu quả vào sản xuất kinh doanh. - Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng trình độ công nghệ một số nhóm ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định; Xây dựng cơ sở dữ liệu về hiện trạng công nghệ, với các nội dung - Tính toán tốc độ đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2015 – 2017 . - Đề xuất các giải pháp thúc đẩy đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2020 – 2030 - 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo hiện trạng trình độ công nghệ của các nhóm ngành công nghiệp - Báo cáo tốc độ đổi mới công nghệ tỉnh Bình Định, giai đoạn, 2015 - 2017 - Báo cáo đề xuất các giải pháp thúc đẩy đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2020 – 2030. - Bộ phiếu điều tra gốc 100 phiếu - Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu dạng trang web dùng cho quản lý và tính toán đánh giá hiện trạng trình độ công nghệ của các doanh nghiệp cho toàn tỉnh - Báo cáo tổng kết và tóm tắt kết quả thực hiện Đề tài được hội đồng thông qua - Bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ Bình Định 	400.79	11/2017-12/2019
---	---	---	--	--	--	---	--------	-----------------

7	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp			<p>Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng, sản xuất sạch hơn, nhằm tiết kiệm và mang lại hiệu quả cao trong sản xuất; Hỗ trợ tư vấn thành lập doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực khoa học và công nghệ trong năm 2018; Hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng Khoa học và Công nghệ cho 03 doanh nghiệp trong địa bàn tỉnh Bình Định.</p> <p>Hỗ trợ 02 doanh nghiệp ứng dụng giải pháp sản xuất sạch hơn.</p>	<p>Hỗ trợ tư vấn thành lập doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ.</p> <p>Hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng Khoa học và Công nghệ cho 3 doanh nghiệp trong địa bàn tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> . Điều tra đánh giá hiệu quả kiểm toán năng lượng từ 2011 – 2017. . Hội thảo đánh giá lại cơ chế chính sách và trình cơ chế chính sách mới theo quyết định 27 của UBND tỉnh. <p>Hỗ trợ 02 doanh nghiệp ứng dụng giải pháp sản xuất sạch hơn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ tư vấn thành lập doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ: - Thành lập 01 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định. - Hỗ trợ Doanh nghiệp Tư nhân Dịch vụ Cây trồng Nguyên Hạnh nghiên cứu ứng dụng một số giống cây trồng mới phục vụ cho trồng rừng gỗ lớn tại Bình Định. - Hỗ trợ Công ty TNHH SX&TM Nhựa Tứ Hợp Nhất nghiên cứu đầu tư công nghệ tái sử dụng nhựa pet nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường. - Hỗ trợ Xí nghiệp chế biến lâm sản An Nhơn Ứng dụng Khoa học và công nghệ lắp đặt hệ thống hút bụi cho nhà xưởng. <p>Điều tra đánh giá hiệu quả kiểm toán năng lượng từ 2011 – 2017:</p> <p>Hội thảo đánh giá lại cơ chế chính sách và trình cơ chế chính sách mới theo quyết định 27 của UBND tỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành cơ chế chính sách mới theo QĐ27 trình UBND tỉnh. <p>Hỗ trợ Công ty cổ phần Gạch Tuy nen Bình Định (huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định) và Công ty TNHH Quang Dũng (huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định) ứng dụng giải pháp sản xuất sạch hơn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng kết nhiệm vụ được hội đồng thông qua 	405	2018
---	----------------------------------	--	--	---	--	--	-----	------

8	Chương trình Ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định		Ứng dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học □	<p>Triển khai mô hình xử lý chất thải chăn nuôi heo để giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải chăn nuôi heo gây ra.</p> <p>Lắp đặt hệ thống điện pin năng lượng mặt trời quy mô nhỏ có nổi lưới điện tiêu thụ góp phần giảm chi phí tiêu hao điện cho cơ quan. Tuy nhiên, trong quá trình khảo sát tại Trung tâm Khám phá khoa học không đảm bảo các điều kiện an toàn để lắp đặt hệ thống Pin năng lượng mặt trời nên đơn vị xin điều chỉnh sang nội dung xây dựng mô hình xử lý chất thải chăn nuôi heo quy mô 2.000 m2 tại huyện Vân Canh tại tờ trình 92/TTr-TTUD ngày 15/10/2018 và đã được UBND tỉnh Bình Định đồng ý cho Trung tâm thay đổi nội dung và mô hình tại Quyết định số 3875/QĐ-UBND ngày</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 01 mô hình xử lý chất thải chăn nuôi heo quy mô 500 m2 tại huyện Vĩnh Thạnh. - Xây dựng 01 mô hình xử lý chất thải chăn nuôi heo quy mô 2.000 m2 tại huyện Vân Canh. - Xây dựng Đề án "Triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài đã được nghiệm thu đánh giá công nhận là tiến bộ kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất và đời sống" trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2020. - Tổ chức tập huấn kỹ thuật xử lý chất thải chăn nuôi heo cho các hộ dân. - Tổ chức hội thảo lấy ý kiến các ngành, địa phương về Đề án. - Tổ chức tổng kết mô hình xử lý chất thải chăn nuôi heo tại huyện Vĩnh Thạnh và huyện Vân Canh. - Xây dựng video và đăng lên đài truyền hình Bình Định. 	<ul style="list-style-type: none"> - 01 mô hình xử lý chất thải chăn nuôi heo quy mô 500m2 tại huyện Vĩnh Thạnh. - 01 mô hình xử lý chất thải chăn nuôi heo quy mô 2.000m2 tại huyện Vân Canh. - 01 Đề án "Triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài đã được nghiệm thu đánh giá công nhận là tiến bộ kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất và đời sống" trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2020. 	315	2018
---	---	--	---	--	--	---	-----	------

9	Chương trình chuyển giao ứng dụng CNSH			<p>Chọn lọc và triển khai ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến thuộc lĩnh vực công nghệ sinh học, phục vụ thiết thực trong sản xuất nông nghiệp. Ứng dụng các loại chế phẩm sinh học trong sản xuất nông nghiệp, nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi, trồng trọt, giảm lượng thuốc hóa học trong nông nghiệp, bảo vệ sức khỏe cho người sản xuất và tiêu dùng, tăng thu nhập cho người dân trên địa bàn tỉnh Bình Định, đồng thời góp phần phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện môi trường ở vùng triển khai thực hiện nhiệm vụ.</p>	<p>Sản xuất chế phẩm sinh BIDI-MO học xử lý môi trường trong chăn nuôi, xử lý chất thải chăn nuôi và chất thải sinh hoạt tại Bình Định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát thu mẫu: Mẫu nước, chất thải sinh hoạt, mẫu đất tại huyện Hoài Ân và An Nhơn. - Phân lập, tuyển chọn một số chủng vi sinh vật thuộc chi Bacillus có hoạt tính enzyme cao và hoạt tính kháng khuẩn mạnh. - Định danh đến loài các chủng vi khuẩn được chọn lọc có có hoạt tính enzyme cao và hoạt tính kháng khuẩn mạnh bằng kỹ thuật sinh học phân tử. - Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học ứng dụng trong xử lý chất thải chăn nuôi và chất thải sinh hoạt. - Nghiên cứu đánh giá hiệu quả của chế phẩm về khả năng xử lý môi trường trong chăn nuôi, xử lý chất thải chăn nuôi và chất thải sinh hoạt. - Công bố tiêu chuẩn cơ sở. <p>Triển khai mô hình sản xuất bịch phân ủ tại huyện Phù Cát</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 300 lít chế phẩm sinh học xử lý môi trường trong chăn nuôi, xử lý chất thải chăn nuôi và chất thải sinh hoạt - Mô hình sản xuất bịch phân ủ nấm sò 	240	2018
---	--	--	--	--	---	---	-----	------

10	Nhiệm vụ TXTCN Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen thực Vật và vi sinh vật		Bảo tồn và lưu giữ	<p>Bảo tồn các giống cây trồng và vi sinh vật có giá trị kinh tế, đặc hữu nhằm để chủ động nguồn giống phục vụ công tác nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ và xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh</p>	<p>- Khảo sát, sưu tầm một số nguồn gen quý, có giá trị kinh tế cao, đặc hữu của tỉnh Bình Định có nguy cơ cạn kiệt đưa vào bảo tồn</p> <p>- Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen thực vật là sản phẩm các đề tài/dự án nghiên cứu khoa học có giá trị kinh tế và tiềm năng phát triển</p> <p>- Bảo tồn và lưu giữ chủng giống vi sinh vật bản địa, có giá trị kinh tế: Trichoderma sp., Metarhizium sp, Bacillus subtilis, Bacillus acidophilus, Saccharomyces cerevisiae, Rhizopus sp..... nhằm phục vụ công tác nghiên cứu, đồng thời cung cấp các sản phẩm phục vụ nông nghiệp sạch bền vững.</p> <p>Bảo tồn và lưu giữ giống cây đầu dòng quý, đặc hữu, có giá trị kinh tế: Chuối gò dú, Mai vàng Nhơn An... nhằm lưu giữ các gen quý, thuần chủng đồng thời cung cấp các giống cây trồng sạch bệnh cho người dân-</p>	<p>3 giống Chủng Trichoderma sp. (Trichoderma viride; Trichoderma longibrachiatum; Trichoderma viride)</p> <p>1 giống Metarhizium sp., 1 giống Baccillus subtilis, 1 giống Baccillus licheniformis, 1 giống Lactobacillus acidophilus, 2 giống Saccharomyces cerevisiae 1 giống Rhizopus sp. 1 giống Chuối sứ gò dú, 1 giống Mai vàng Nhơn An, 1 giống Nấm Linh chi, 1 giống Nấm bào ngư Xám, Trắng, 1 giống Nấm Trân Châu, 1 giống Nấm Mộc Nhĩ, 1 giống Nấm rom</p> <p>- Báo cáo tổng kết nhiệm vụ được hội đồng thông qua</p>	400	2018
----	---	--	--------------------	--	---	---	-----	------

11	Nhiệm vụ Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình			<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về SHTT, hệ thống quản trị tài sản trí tuệ. - Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về SHTT cho cán bộ làm công tác quản lý tại Sở Khoa học và Công nghệ và các sở ban ngành trên địa bàn tỉnh. - Xây dựng mô hình quản trị tài sản trí tuệ tại cáo tổ chức, doanh nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ tư vấn về lĩnh vực sở hữu trí tuệ, khai thác thông tin về sở hữu trí tuệ: - Hỗ trợ xây dựng hệ thống quản trị tài sản trí tuệ tại 01 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh - Khảo sát, và đề xuất một số sản phẩm chủ lực của tỉnh có khả năng đăng ký nhãn hiệu hàng hóa quốc tế. - Tổ chức tập huấn cho doanh nghiệp về Quản trị Tài sản trí tuệ Cho cán bộ, giảng viên các trường đại học, Cao đẳng, Trung cấp trên địa bàn tỉnh + Thời gian tổ chức: dự kiến 03 ngày. + Chuyên gia tập huấn: Chuyên gia về Sở hữu trí tuệ của Sở KH&CN Tp. Hồ Chí Minh. - Biên soạn, in ấn và phát hành các tài liệu hướng dẫn về sở hữu trí tuệ; các tài liệu hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đang ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ 	<ul style="list-style-type: none"> - Mô hình quản trị tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp - Sổ tay hướng dẫn về sở hữu trí tuệ; các tài liệu hướng dẫn cho doanh nghiệp đăng ký bảo hộ quyền SHTT - Báo cáo kết Khảo sát và đề xuất một số phẩm chủ lực của tỉnh có khả năng đăng ký nhãn hiệu quốc tế - Đoạn phim giới thiệu chương trình và Mô hình quản trị tài sản trí tuệ tại doanh nghiệp - Báo cáo tổng kết nhiệm vụ được hội đồng thông qua 	140	2018
----	--	--	--	---	--	---	-----	------

12	<p>Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định</p>	Viện		<p>Đề xuất các giải pháp giúp giảm thiểu sự tinh vi và đa dạng về hành vi tuân thủ thuế. Nhằm đảm bảo cơ quan quản lý thuế thu đúng, thu đủ, thu kịp tiến độ, tạo công bằng chọn cho các doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh chân chính.</p>	<p>Nghiên cứu tổng quan về tuân thủ thuế Thực trạng các nhân tố ảnh hưởng đến tuân thủ thuế của doanh nghiệp tỉnh Bình Định Giải pháp nâng cao tuân thủ thuế của doanh nghiệp tỉnh Bình Định</p>	<p>Bài báo khoa học; đĩa CD-ROM; phiếu điều tra</p>	140	04/2018-12/2018
----	--	------	--	---	--	---	-----	-----------------

13	<p>Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Định</p>	Viện		<p>Xác định và kiểm định các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Định, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp này, phát huy tiềm năng, lợi thế sẵn có của ngành du lịch và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định trong giai đoạn tới.</p>	<p>Cơ sở lý luận năng lực cạnh tranh Phương pháp nghiên cứu mô hình năng lực cạnh tranh và kết quả nghiên cứu Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Định</p>	<p>Bài báo khoa học; đĩa CD-ROM; phiếu điều tra</p>	136	04/2018-12/2018
----	---	------	--	--	--	---	-----	-----------------

14	Kế hoạch triển khai, thực hiện phương án điều tra sự hài lòng của khách du lịch đối với điểm đến Bình Định	Viện		<p>Điều tra sự hài lòng của du khách với điểm đến Bình Định nhằm đánh giá khách quan du lịch hiện nay tại Bình Định. Thông qua đó, các cơ quan, doanh nghiệp du lịch nắm bắt được nhu cầu, mong muốn của khách du lịch khi đến với Bình Định, từ đó có biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng phục vụ góp phần thúc đẩy, phát triển du lịch tỉnh Bình Định trong tương lai.</p>	<p>Thu thập thông tin theo phiếu điều tra về sự hài lòng của khách du lịch trong và ngoài nước đối với điểm đến Bình Định Tổng hợp kết quả điều tra, xử lý và phân tích kết quả điều tra; Xây dựng báo cáo tổng kết</p>	Báo cáo phân tích kết quả điều tra	64	04/2018-12/2018
----	--	------	--	---	---	------------------------------------	----	-----------------

15	Kế hoạch Triển khai, thực hiện điều tra chỉ số DDCI đo lường mức độ cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh áp dụng cho sở, ban, ngành và địa phương	Viện		Thực hiện khảo sát lấy ý kiến của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể để đánh giá tính sáng tạo và kết quả điều hành của các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố bằng bộ công cụ DDCI. Từ kết quả đó đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại để góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Bình Định trong thời gian tới	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá, hệ thống phần mềm đánh giá, xử lý dữ liệu, công cụ tính điểm DDCI và phiếu điều tra	Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra	94	06/2018-12/2018
Năm 2019								

1	<p>Nhiệm vụ: Triển khai đề án Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia tỉnh Bình Định năm 2019</p>	TTPT		<p>Hỗ trợ và phát triển Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Định</p>	<p>Xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức cuộc thi “Khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Bình Định năm 2019”; Triển khai các hoạt động đào tạo, tập huấn và tổ chức các chương trình, sự kiện tại Bihub; Tổ chức sự kiện Ngày hội khởi nghiệp tỉnh Bình Định năm 2019 (kết hợp với Hội thảo Kết nối mạng lưới hệ sinh thái khởi nghiệp Miền Trung-Tây Nguyên); Tham gia các sự kiện, hội nghị, hội thảo về hoạt động khởi nghiệp do các bộ, ngành và các địa phương có hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát triển tổ chức; Công tác thông tin, truyền thông, quảng bá hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh; Mua sắm trang thiết bị cần thiết phục vụ cho các hoạt động tại không gian chung hoạt động khởi nghiệp (Bihub)</p>	<p>10 dự án khởi nghiệp xuất sắc được chọn và các hồ sơ kèm theo; 01 bộ tài liệu phục vụ HST khởi nghiệp; 02 đợt đào tạo, tập huấn, đào tạo 03 cán bộ chuyên môn; Thiết bị mua mới cho hoạt động của Không gian chung hoạt động khởi nghiệp (BiHub); Báo cáo tổng kết nhiệm vụ; 01 bài báo về hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp tại tỉnh Bình Định.</p>	720.0	2019
---	---	------	--	---	---	---	-------	------

2	<p>Nhiệm vụ: Quan trắc một số chỉ tiêu phóng xạ môi trường (nồng độ radon và gama trong không khí và các nồng độ phóng xạ trong mẫu đất; nước và lương thực, thực phẩm) phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát an toàn bức xạ trên địa bàn tỉnh Bình Định</p>	TTPT	Theo dõi, dự báo diễn biến các chỉ tiêu phóng xạ môi trường	<p>X- Xác định một số chỉ tiêu phóng xạ môi trường (nồng độ radon và gmama trong không khí; các chỉ tiêu Pb-214, Ra-226, K-40, Cs-137, Be-7, Bi-214, Ac-228, Tl-208 trong mẫu đất, lương thực, thực phẩm và hoạt độ phóng xạ anpha, beta trong mẫu nước) và theo dõi, dự báo diễn biến các nguồn phóng xạ tác động xấu lên môi trường.</p> <p>- Nâng cao kỹ năng thao tác và phương pháp lấy mẫu, đo đạc của cán bộ Trung tâm trong tình huẩn khi có sự cố bức xạ xảy ra.</p> <p>- Đề xuất, kiến nghị về công tác đảm bảo an toàn phóng xạ tỉnh Bình Định.</p>	<p>Đo nồng độ radon trong không khí tại 12 điểm của 03 cơ quan hành chính của tỉnh (những điểm đã đo trong năm 2018 và vùng lân cận); Đo suất liều phóng xạ gamma trên địa bàn tỉnh; Tiến hành lấy mẫu và phân tích 55 mẫu đất ở các điểm đã thiết kế trên mạng lưới quan trắc phóng xạ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định; Tiến hành lấy mẫu và phân tích 60 mẫu lương thực, thực phẩm ở các điểm đã thiết kế trên mạng lưới quan trắc phóng xạ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định; Tiến hành lấy mẫu và phân tích 40 mẫu ở các điểm đã thiết kế trên mạng lưới quan trắc phóng xạ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định</p>	<p>Các kết quả Quan trắc một số chỉ tiêu phóng xạ môi trường (nồng độ radon và gamma trong không khí; các chỉ tiêu Pb-214, Ra-226, K-40, Cs-137, Be-7, Bi-214, Ac-228, Tl-208 trong mẫu đất, lương thực, thực phẩm và hoạt độ phóng xạ anpha, beta trong mẫu nước); Dữ liệu bổ sung lên bản đồ GIS được xây dựng năm 2017 để theo dõi.</p>	400.0	2019
3	<p>Nâng cao NSCL sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh giai đoạn 2011-2020</p>	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng					440	

4	Chương trình hỗ trợ UBND cấp xã xây dựng mô hình xã điểm: xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 đối với 31 UBND cấp xã thuộc các huyện Tuy Phước, Tây Sơn, Hoài Nhơn	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng					584	
---	--	--	--	--	--	--	-----	--

5	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp	Trung tâm Thông tin- ứng dụng KH&CN Bình Định		<p>- Đào tạo Đánh giá viên/Đánh giá viên Trưởng về nông nghiệp hữu cơ, nâng cao năng lực quản lý về Nông nghiệp hữu cơ và kỹ năng đánh giá theo tiêu chuẩn TCVN.</p> <p>- Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các công nghệ được khuyến khích chuyển giao trong sản xuất nhằm tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí và mang lại hiệu quả cao trong sản xuất, nâng cao hiệu suất làm việc.</p> <p>- Hỗ trợ ứng dụng chủng giống vi sinh trong sản xuất sản phẩm Thạch dừa cho doanh nghiệp nhằm tạo ra sản phẩm mới từ các chế phẩm trong sản xuất.</p> <p>- Hỗ trợ pháp lý thành lập doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ mới tại tỉnh Bình Định.</p>	<p>Đào tạo 02 cán bộ là Đánh giá viên/ Đánh giá viên Trưởng về Nông nghiệp Hữu Cơ theo tiêu chuẩn TCVN 11041 (Áp dụng cho TCVN 11041-1 và TVCN 11041-2). Hỗ trợ 01 Doanh nghiệp lắp đặt Pin năng lượng mặt trời hòa lưới vào hệ thống điện 3pha 0,4KV của doanh nghiệp Hỗ trợ HTX Nông nghiệp Ngọc An chủng giống Acetobacter Xylinum phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm Thạch dừa tại tỉnh Bình Định.</p> <p>Hỗ Trợ Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng T.M.N ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất kinh doanh. Hỗ Trợ một phần kinh phí cho DN ứng dụng công nghệ trong sản xuất kinh doanh.</p>	<p>Đào tạo 02 cán bộ là Đánh giá viên/ Đánh giá viên Trưởng về Nông nghiệp Hữu Cơ theo tiêu chuẩn TCVN.</p> <p>- Hỗ trợ Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hải Tâm áp dụng công nghệ mới, nhằm tiết kiệm năng lượng và mang lại hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh. Hỗ trợ HTX Nông nghiệp Ngọc An nhân chủng giống Acetobacter Xylinum phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm Thạch dừa tại tỉnh Bình Định.</p> <p>Hỗ Trợ Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng T.M.N ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất kinh doanh. Hỗ trợ một phần kinh phí cho Doanh nghiệp ứng dụng trong sản xuất kinh doanh: - Công ty Cổ phần dịch vụ khoa học và công nghệ Bình Định được hỗ trợ một phần kinh phí để Xây dựng quy trình, công thức chế biến, Thiết kế, In ấn bao bì, nhãn mác, Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, mua nguyên liệu sản xuất các loại trà: Trà linh chi túi lọc; Trà gai leo túi lọc - Báo cáo tổng kết nhiệm vụ được hội đồng thông qua</p>	390	2019
---	----------------------------------	---	--	--	---	--	-----	------

6	Chương trình Ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định	Trung tâm Thông tin- ứng dụng KH&CN Bình Định		<p>- Nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống I; cấp II; cấp III; quy trình kỹ thuật sản xuất bịch phôi nấm và quy trình kỹ thuật nuôi trồng nấm Sữa (<i>Calocybe indica</i>) để sản xuất nấm có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân trong tỉnh Bình Định, đồng thời góp phần phát triển kinh tế - xã hội và môi trường của tỉnh nhà.</p> <p>- Xây dựng nhà màng (khoảng 100m²) nhằm đảm bảo điều kiện ươm bịch phôi và trồng thử nghiệm, hoàn thiện quy trình nuôi trồng sản phẩm nấm Sữa (<i>Calocybe indica</i>) tại Trạm Thực nghiệm khoa học và công nghệ Phước An.</p>	<p>- Nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống cấp I; cấp II; cấp III; quy trình kỹ thuật sản xuất bịch phôi nấm và quy trình kỹ thuật nuôi trồng nấm Sữa (<i>Calocybe indica</i>) .</p> <p>- Xây dựng nhà màng quy mô 100m² tại Trạm Thực nghiệm khoa học và công nghệ Phước An, Tuy Phước, tỉnh Bình Định.</p>	<p>- Quy trình kỹ thuật nhân giống nấm Sữa (<i>Calocybe indica</i>) cấp I.</p> <p>- Quy trình kỹ thuật nhân giống nấm Sữa (<i>Calocybe indica</i>) cấp II.</p> <p>- Quy trình kỹ thuật nhân giống nấm Sữa (<i>Calocybe indica</i>) cấp III.</p> <p>- Quy trình kỹ thuật sản xuất bịch phôi nấm Sữa (<i>Calocybe indica</i>).</p> <p>- Quy trình kỹ thuật nuôi trồng nấm Sữa (<i>Calocybe indica</i>)</p> <p>- 01 nhà màng quy mô 100m² tại Trạm Thực nghiệm khoa học và công nghệ.</p> <p>- Báo cáo tổng kết nhiệm vụ được hội đồng thông qua</p>	300	2019
---	---	---	--	--	---	--	-----	------

7	Chương trình chuyển giao ứng dụng CNSH	Trung tâm Thông tin- ứng dụng KH&CN Bình Định		<p>- Sản xuất chế phẩm sinh học có khả năng xử lý chất thải chăn nuôi (chất thải chăn nuôi lợn sau máy ép phân) thành phân bón hữu cơ vi sinh nhằm giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi, đồng thời, cung cấp phân bón hữu cơ vi sinh phục vụ sản xuất nông nghiệp sạch theo hướng hữu cơ tại tỉnh Bình Định</p> <p>Đánh giá toàn diện hiệu quả của chế phẩm sinh học BIDI-AGRI trong nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm tại Bình Định về khả năng kích thích tăng trưởng, tăng sức đề kháng và hiệu quả xử lý môi trường nước trong ao nuôi thủy sản làm cơ sở cho việc công bố tiêu chuẩn chất lượng của chế phẩm và đăng ký lưu hành chế phẩm sau này.</p>	<p>- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học xử lý chất thải chăn nuôi thành phân bón hữu cơ vi sinh phục vụ nông nghiệp sạch tại Bình Định.</p> <p>-Thử nghiệm đánh giá hiệu quả chế phẩm sinh học BIDI-AGRI trong nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm tại Bình Định</p>	<p>- 3 chủng vi sinh đạt yêu cầu nhiệm vụ, được định danh đến loài. Chế phẩm sinh học có khả năng xử lý chất thải chăn nuôi thành phân bón hữu cơ vi sinh. Số lượng: 20 lít.</p> <p>Mô hình xử lý chất thải chăn nuôi bằng chế phẩm sinh học thành phân bón hữu cơ vi sinh phục vụ nông nghiệp sạch tại Bình Định. Mô hình thử nghiệm đánh giá hiệu quả chế phẩm sinh học BIDI-AGRI trong nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm tại Bình Định.</p>	307.096	2019
---	--	---	--	---	--	--	---------	------

8	Nhiệm vụ TXTCN Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen thực Vật và vi sinh vật	Trung tâm Thông tin- ứng dụng KH&CN Bình Định	Bảo tồn và lưu giữ	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen thực vật. - Bảo tồn và lưu giữ chủng giống vi sinh vật bản địa, có giá trị kinh tế. - Bảo tồn vườn giống cây đầu dòng phục vụ công tác nghiên cứu và sản xuất. - Bảo tồn và lưu giữ một số giống nấm có giá trị dược liệu và giá trị kinh tế. 	<p>- Thực hiện kỹ thuật nuôi cấy mô invitro tại phòng Công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật các loài như: hoa chuông (<i>Sinningia speciosa</i>) (5 màu), hoa Đồng tiền (<i>Gerbera jamesonii</i>); hoa Cúc (<i>Asteraceae</i>); hoa lan Đại châu An Lão (<i>Rhynchostylis gigantea</i>); hoa lan Giả hạc Vĩnh Thạnh (<i>Dendrobium anosmum</i>).</p> <p>Phân lập, tuyển chọn, phục tráng và lưu giữ giống vi sinh vật có ích như: <i>Trichoderma</i> sp., <i>Metarhizium</i> sp, <i>Bacillus subtilis</i>, <i>Bacillus acidophilus</i>, <i>Saccharomyces cerevisiae</i>, <i>Rhizopus</i> sp.,... nhằm phục vụ công tác nghiên cứu, đồng thời cung cấp các sản phẩm phục vụ nông nghiệp sạch bền vững.</p> <p>- Định kỳ phân lập tuyển chọn để làm mới giống các chủng nêu trên.</p> <p>Xây dựng và chăm sóc vườn giống đầu dòng các giống cây từ việc nuôi cấy mô invitro như: hoa Chuông, hoa Đồng tiền, hoa Cúc nhằm lưu giữ các gen quý, thuần chủng đồng thời cung cấp các giống cây trồng sạch bệnh cho người dân</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 5 giống Hoa Chuông ; 1 giống Hoa Đồng tiền, Hoa cúc. Giống hoa Đại châu anh Lão, Lan giả hạt Vĩnh thành , Mẫu dạng chồi cây - 3 giống Chủng <i>Trichoderma</i> sp. (<i>Trichoderma viride</i>; <i>Trichoderma longibrachiatum</i> ; <i>Trichoderma viride</i>); 1 giống <i>Metarhizium</i> sp. <i>Baccillus subtilis</i>, <i>Baccillus licheniformis</i>, <i>Lactobacillus acidophilus</i>, <i>Rhizopus</i> sp. 2 giống <i>Saccharomyces cerevisiae</i> Giống thuần, không nhiễm tạp - 5 Giống hoa Chuông, đồng tiền, Cúc. 01 Giống nấm Bào ngư Xám , Trắng, Linh chi, Mộc Nhĩ , trân Châu, nấm rom 	400	2019
---	---	---	--------------------	---	---	---	-----	------

9	Nhiệm vụ Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình	Trung tâm Thông tin- ứng dụng KH&CN Bình Định		<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức của các cá nhân, tổ chức, viện nghiên cứu, các trường Đại học, Cao đẳng và các doanh nghiệp về tạo lập, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ nhằm phát huy tính chủ động trong xây dựng, khai thác, phát triển và bảo vệ tài sản trí tuệ của cá nhân và tổ chức trong tỉnh. - Tăng cường khả năng cạnh tranh của các sản phẩm và các dịch vụ trong tỉnh thông qua việc hỗ trợ tạo lập, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ, trong đó ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm lợi thế, có tiềm năng xuất khẩu của tỉnh. - Đào tạo cán bộ chuyên sâu về sở hữu trí tuệ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ tra cứu, tư vấn về lĩnh vực sở hữu trí tuệ, khai thác thông tin về sở hữu trí tuệ: - Hỗ trợ xây dựng hệ thống quản trị tài sản trí tuệ tại 01 doanh nghiệp/ tổ chức trên địa bàn tỉnh - Khảo sát cấu trúc của tổ chức/doanh nghiệp và xác định nhu cầu cụ thể về quản trị TSTT của tổ chức/doanh nghiệp. - Xây dựng và ban hành các quy chế - Hỗ trợ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ cho 04 sản phẩm của các tổ chức/doanh nghiệp. - Hỗ trợ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ cho 02 kiểu dáng công nghiệp + Thiết kế kiểu dáng công nghiệp cho sản phẩm, + Xây dựng hồ sơ đăng ký công nghiệp cho sản phẩm, + Hỗ trợ thiết kế và sản xuất khuôn sản phẩm. - Hỗ trợ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ cho 02 nhãn hiệu hàng hóa + Thiết kế mẫu nhãn hiệu hàng hóa. + Lập hồ sơ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa sản phẩm 	<ul style="list-style-type: none"> - Mô hình quản trị tài sản trí tuệ trong tổ chức/doanh - Hỗ trợ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ cho 04 sản phẩm của các tổ chức/doanh nghiệp .Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ hoặc văn bằng bảo hộ - 01 Báo cáo tổng kết nhiệm vụ b được hội đồng thông qua 	130	2019
---	--	---	--	---	---	--	-----	------

10	Hỗ trợ chuyên gia kỹ thuật thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống Pin năng lượng mặt trời hòa lưới tại tỉnh Bình Định.	Trung tâm Thông tin- ứng dụng KH&CN Bình Định		<p>- Lắp đặt và vận hành hệ thống Pin năng lượng mặt trời hòa lưới tại tỉnh Bình Định.</p> <p>Xây dựng mô hình Pin năng lượng mặt trời hòa lưới công suất 20 kWp cho tòa nhà công sở.</p>	<p>Tiếp nhận kỹ thuật thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống pin năng lượng mặt trời hòa lưới tại tỉnh Bình Định:</p> <p>Xây dựng mô hình thử nghiệm pin năng lượng mặt trời hòa lưới công suất 20KW cho tòa nhà công sở</p> <p>Theo dõi số liệu, giám sát vận hành hệ thống và đánh giá hiệu quả của mô hình điện mặt trời hòa lưới tại tỉnh Bình Định::</p>	<p>- 04 Cán bộ của Trung tâm Thông tin - Ứng dụng khoa học và công nghệ Bình Định được tập huấn và được cấp chứng nhận hoàn thành khóa tập huấn “Kỹ thuật thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống Pin năng lượng mặt trời hòa lưới” .</p> <p>- Mô hình hệ thống Pin năng lượng mặt trời công suất 20kWp tại mái tòa nhà sở KH&CN tỉnh Bình Định được lắp đặt đúng kỹ thuật, vận hành tốt.</p> <p>- 01 Báo cáo tổng kết nhiệm vụ b được hội đồng thông qua</p>	308.878	2019
11	Ứng dụng CNTT vào quản lý hoạt động KHCN, gắn kết với cấp huyện và doanh nghiệp	Trung tâm Thông tin- ứng dụng KH&CN Bình Định		<p>Xây dựng và triển khai Hệ thống phần mềm quản lý ngành áp dụng tại Văn phòng Sở và các huyện.</p>	<p>- Nghiên cứu phát triển hệ thống phần mềm Quản lý ngành bao gồm các phần mềm con sau: Phần mềm Quản lý cung cầu công nghệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm Quản lý sáng kiến cấp tỉnh - Phần mềm Quản lý hoạt động KH&CN cấp huyện - Phần mềm Quản lý sáng kiến cấp cơ sở <p>- Hội thảo lấy ý kiến đóng góp của toàn Sở về phần mềm quản lý ngành 2019.</p> <p>- Tổ chức Hội thảo lấy ý kiến đóng góp của các huyện cho phần mềm quản lý KH&CN cấp huyện và phần mềm quản lý sáng kiến cấp cơ sở.</p> <p>- Phối hợp các phòng chuyên môn của Sở và các huyện để nhập dữ liệu cho các phần mềm</p> <p>Soạn tài liệu hướng dẫn cho 04 phần mềm</p>	<p>- Hệ thống phần mềm quản lý ngành năm 2019</p> <p>- Tài liệu hướng dẫn sử dụng</p> <p>- Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>- 01 Báo cáo tổng kết nhiệm vụ b được hội đồng thông qua</p>	450	2019

12	Phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu KH&CN	Trung tâm Thông tin- ứng dụng KH&CN Bình Định		<p>tục phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh nhằm cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin tri thức KH&CN trong nước và quốc tế, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>- Làm tiền đề cho việc kết nối vào hệ tri thức Việt số hóa.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số hóa toàn văn các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ - Cập nhật thông tin toàn văn đã số hóa vào thư viện điện tử. - Tìm kiếm, thu thập, chọn lọc, cập nhật thông tin toàn văn nhiệm vụ khoa học và công nghệ. - Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ Tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử KH&CN - Tập huấn khai thác, sử dụng thông tin KH&CN trong thư viện điện tử KH&CN (1 lớp tập huấn 40 người) - Nâng cấp thư viện điện tử 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn tin khoa học và công nghệ (Thông tin thư mục và toàn văn các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN) - Máy Server (bao gồm hệ thống lưu trữ dữ liệu độc lập), thiết bị Router drayte; Hộp đựng hồ sơ - 01 Báo cáo tổng kết nhiệm vụ b được hội đồng thông qua 	300	2019
----	---	---	--	---	--	---	-----	------

13	Thông tin và thống kê khoa học và công nghệ	Trung tâm Thông tin-ứng dụng KH&CN Bình Định		<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền, phổ biến thông tin khoa học và công nghệ, thông tin đổi mới sáng tạo, kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đến người dùng tin trong hoạt động KH&CN của tỉnh. - Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thông tin tư liệu; tra cứu dữ liệu phục vụ xét tuyển chọn đề tài, dự án của tỉnh. - Thu thập dữ liệu, xử lý, tổng hợp, cập nhật kết quả thống kê ngành KH&CN. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị, cập nhật trang thông tin điện tử tổng hợp của Sở KH&CN. - Quản trị, cập nhật tin KH&CN trong nước và nước ngoài lên cổng thông tin KH&CN. - Duy trì và phát triển trang thông tin điện tử tổng hợp của Sở. - Thay đổi, cập nhật Banner gắn vào trang thông tin điện tử tổng hợp của Sở KH&CN theo chủ đề hằng năm. - Tổng hợp tin bài và thực hiện việc thanh toán nhuận bút tin bài cho trang thông tin điện tử tổng hợp Sở KH&CN. - Viết tin bài, duyệt và cập nhật tin bài lên trang thông tin điện tử tổng hợp KH&CN của Trung tâm. - Tổ chức hội thảo triển khai thực hiện nhiệm vụ: đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN; tập huấn về chỉ số đổi mới sáng tạo. - Bổ sung các thiết bị hỗ trợ công tác quay, biên tập và xây dựng video phục vụ công tác thông tin tuyên truyền. Ứng dụng CNTT trong công tác thông tin tư liệu, tra cứu dữ liệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả Tra cứu thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ hội đồng tuyển chọn - Báo cáo tổng hợp về thống kê ngành KH&CN - Danh sách các đối tượng điều tra của cuộc Điều tra "Điều tra tiềm lực KH&CN của các tổ chức KH&CN - Video mô hình KH&CN - Video về hoạt động KH&CN của ngành trong - Báo cáo tổng kết nhiệm vụ b được hội đồng thông qua 	500	2019
----	---	--	--	---	--	---	-----	------

14	Hỗ trợ hoàn thiện một số sản phẩm khoa học và công nghệ nhằm đủ điều kiện thương mại hóa sản phẩm	Trung tâm Thông tin- ứng dụng KH&CN Bình Định		- Hoàn thiện các thủ tục pháp lý để đủ điều kiện thương mại hóa 2 sản phẩm Rượu Đông trùng hạ thảo và Chế phẩm phân bón vi sinh BITRICHIO.	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký công nhận lần đầu cho chế phẩm phân bón vi sinh Bitricho do Trung tâm sản xuất được lưu hành tại Việt Nam - hoàn thiện sản phẩm Rượu Đông trùng hạ thảo- Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm Rượu Đông trùng hạ thảo (xác định hàm lượng một số hợp chất chính có trong rượu như: Cordycepin; Adenosine; aldehyde, methanol); - Xây dựng hồ sơ công bố hợp quy cho sản phẩm Rượu Đông trùng hạ thảo; - Sản xuất thử nghiệm mẫu Rượu Đông trùng hạ thảo theo TCCS đã công bố. - Thiết kế hoàn thiện mẫu mã, bao bì, nhãn mác cho sản phẩm Rượu Đông trùng hạ thảo; 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận được phép lưu hành của Chế phẩm phân bón vi sinh Bitricho - Hoàn thiện 100 hộp Rượu Đông trùng hạ thảo - Báo cáo tổng kết nhiệm vụ b được hội đồng thông qua 	264.229	2019
15	Sửa chữa, chuẩn hóa phòng thí nghiệm Công nghệ Vi sinh phục vụ đánh giá, kiểm soát chất lượng nội bộ các sản phẩm KH&CN	Trung tâm Thông tin- ứng dụng KH&CN Bình Định	Đánh giá chất lượng một số sản phẩm được tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ theo yêu cầu.	Nhằm giúp phòng thí nghiệm hoạt động có hiệu quả, nâng cao năng lực kỹ thuật phòng thí nghiệm, khẳng định độ tin cậy đối với kết quả các phép đo/thứ/hiệu chuẩn phục vụ các nghiên cứu khoa học,	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa chữa phòng thí nghiệm công nghệ vi sinh vật - Mua một số trang thiết bị phục vụ phòng thí nghiệm - Đào tạo phương pháp kiểm tra các chỉ tiêu sinh học 	<ul style="list-style-type: none"> - 01 bộ chứng nhận và tài liệu hướng dẫn về kiểm soát các chỉ tiêu lĩnh vực vi sinh gồm 15 chỉ tiêu cho phòng thí nghiệm Công nghệ vi sinh vật. - Đào tạo 02 cán bộ kỹ thuật về kiểm soát các chỉ tiêu lĩnh vực vi sinh gồm 15 chỉ tiêu cho phòng thí nghiệm Công nghệ vi sinh vật. - 01 Phòng thí nghiệm hoàn chỉnh phục vụ công tác kiểm soát chất lượng sản phẩm KH&CN - Báo cáo tổng kết nhiệm vụ được hội đồng thông qua 	300	2019

16	Dự án khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển các sản phẩm đặc trưng tỉnh Bình Định	Trung tâm Thông tin ứng dụng KH&CN Bình Định		Hỗ trợ quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận, Quảng bá và xúc tiến thương mại cho các sản phẩm đặc trưng của tỉnh đã được bảo hộ	Hỗ trợ quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Bánh tráng Trường Cửu” của thị xã An Nhơn và “Mật ong rừng An Lão” của huyện An Lão đã được bảo hộ. - Quảng bá và xúc tiến thương mại cho các sản phẩm đặc trưng của tỉnh đã được bảo hộ (tham gia hội chợ; duy trì tên miền và nâng cấp website dacsan.binhdinhh.vn; Truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm mang NHTT “Rượu Bàu đá”).	Phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Bánh tráng Trường Cửu” của thị xã An Nhơn và “Mật ong rừng An Lão” của huyện An Lão đã được bảo hộ. Truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm mang NHTT “Rượu Bàu đá”). - Báo cáo tổng kết nhiệm vụ được hội đồng thông qua	629.008	2019
17	Phát triển thị trường khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định	Trung tâm Thông tin ứng dụng KH&CN Bình Định	Hỗ trợ đăng ký thành lập 01 doanh nghiệp Quản trị, chuyển hóa và đồng bộ cơ sở dữ liệu về ứng dụng và phát triển công nghệ. Phát triển sản giao dịch công nghệ	- Hỗ trợ đăng ký thành lập 01 doanh nghiệp KH&CN (đã được cấp GCN số 02/2019/DNKHCN của Sở Khoa học và Công nghệ). - Hỗ trợ, tư vấn cho doanh nghiệp trong việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ. - Phát triển, quảng bá sản giao dịch công nghệ Bình Định. - Quản trị, chuyển hóa và đồng bộ cơ sở dữ liệu về ứng dụng và phát triển công nghệ. - Tổ chức tập huấn về giải pháp phát triển sản giao dịch công nghệ và mô hình thương mại hóa sản phẩm khoa học và công nghệ.	- Đăng ký thành lập 01 doanh nghiệp KH&CN - Mở Sản giao Dịch công nghệ Bình Định. - Mô hình thương mại hóa sản phẩm khoa học và công nghệ - Báo cáo tổng kết nhiệm vụ được hội đồng thông qua.	200	2019	

18	Xây dựng mạng lưới cung cấp thông tin khoa học và công nghệ cho cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Định	Trung tâm Thông tin- ứng dụng KH&CN Bình Định		Triển khai mạng lưới cung cấp thông tin tại 9 xã. Trong Tỉnh Bình Định.	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát, đánh giá lại kết quả triển khai mạng lưới cung cấp thông tin tại 9 xã. - Duy trì và phát triển mạng lưới cung cấp thông tin khoa học và công nghệ cho cơ sở bao gồm (tích hợp trên trang thông tin của Sở Khoa học và Công nghệ, cập nhật thường xuyên thông tin đặc thù của địa phương về sở hữu trí tuệ; có thể hiển thị trên giao diện mobile). - Xây dựng Video hướng dẫn quản trị, đưa tin/bài lên Trang thông tin điện tử thành viên cho cán bộ phụ trách trang thông tin cấp xã. - Hướng dẫn khai thác, sử dụng và bàn giao Trang thông tin KH&CN tại địa phương. □ 	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu khảo sát đánh giá lại kết quả triển khai mạng lưới cung cấp thông tin 9 huyện Tỉnh Bình Định. - Video hướng dẫn quản trị, khai thác, sử dụng Trang thông tin KH&CN tại địa phương. - Báo cáo tổng kết nhiệm vụ được hội đồng thông qua. 	240	2019
19	Nghiên cứu chế tạo 2 mô hình phổ biến khoa học và sửa chữa, nâng cấp các mô hình hiện có tại Trung tâm năm 2019	Trung tâm Khám phá khoa học		Đáp ứng trực quan hóa các mô hình khoa học, tận dụng được kiến thức các chuyên gia, đồng thời giảm giá thành các mô hình bằng việc sử dụng một số nguyên liệu có sẵn trong nước	Mô hình sa bàn năng lượng tái tạo, Mô hình buồng mây, sửa chữa, nâng cấp các mô hình hiện có	Mô hình sa bàn năng lượng tái tạo, Mô hình buồng mây.	500	2019
20	Bổ sung trang thiết bị, tài sản, công cụ dụng cụ cho Xưởng chế tạo và mua sắm trang thiết bị cho văn phòng làm việc của Trung tâm năm 2019	Trung tâm Khám phá khoa học		Lưu trữ dữ liệu, bổ sung hoàn thiện 1 số thiết bị cần thiết phục vụ công tác thường xuyên tại Trung tâm; nâng cấp sửa chữa máy móc, mô hình hiện có.	Thiết bị, công cụ, dụng cụ cần trang bị cho Xưởng chế tạo các mô hình; thiết bị trang bị thêm cho phòng làm việc	Máy cắt plasma, Máy cưa bàn MLT, hệ thống máy chủ...CCDC, tài khác khác theo dõi vào sổ tài sản, CCDC	746	2019

21	Bổ sung kinh phí cho Sở Khoa học và Công nghệ để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, chế tạo các mô hình để trưng bày tại Trung tâm Khám phá khoa học	Trung tâm Khám phá khoa học			Nghiên cứu chế tạo 7 mô hình phổ biến khoa học, trang bị mới 1 thiết bị flycam	<ul style="list-style-type: none"> - Mô hình tên lửa nước - Mô hình kính hiển vi nguyên tử - Mô hình hệ mặt trời thu nhỏ - Mô hình Robots for the well-being of humans - Khu trò chơi bóng đá hạt - Mô hình không gian cong - Mô hình so sánh các tên lửa đẩy - Flycam 	969	2019	
22	Thực trạng và định hướng phát triển dịch vụ Homestay trên địa bàn thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2021 - 2025	Viện		Đánh giá thực trạng hoạt động của các cơ sở kinh doanh dịch vụ homestay trên địa bàn thành phố Quy Nhơn hiện nay và đề xuất những giải pháp nhằm định hướng phát triển dịch vụ homestay trong giai đoạn 2021-2025	Giải pháp giảm nghèo b	Bài báo khoa học; đĩa CD-ROM; phiếu điều tra	124	04/2019-12/2019	
Năm 2020									

1	<p>Nhiệm vụ: Xây dựng mạng lưới quan trắc phóng xạ môi trường và đo đạc một số chỉ tiêu phóng xạ phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát an toàn bức xạ trên địa bàn tỉnh Bình Định</p>	TTPT		<ul style="list-style-type: none"> - Xác định một số chỉ tiêu phóng xạ môi trường và theo dõi, dự báo diễn biến các nguồn phóng xạ tác động xấu lên môi trường. - Nâng cao kỹ năng thao tác và phương pháp lấy mẫu, đo đạc của cán bộ Trung tâm trong tình huống có sự cố bức xạ xảy ra. - Đề xuất, kiến nghị về công tác đảm bảo an toàn phóng xạ tỉnh Bình Định. 	<p>Đo nồng độ radon trong không khí tại 43 điểm trên địa bàn tỉnh (trong đó đo lặp lại các điểm đã đo trong các năm trước); Đo liều tích lũy trên địa bàn tỉnh; Tiến hành lấy mẫu và phân tích 100 mẫu nước ở các điểm đã thiết kế trên mạng lưới quan trắc phóng xạ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định; Nâng cấp cải tiến giao diện của Bản đồ GIS</p>	<p>Báo cáo tổng kết nhiệm vụ Quan trắc một số chỉ tiêu phóng xạ môi trường năm 2020 và Báo cáo tổng kết mạng lưới quan trắc phóng xạ môi trường 2017-2020; Các kết quả Quan trắc một số chỉ tiêu phóng xạ môi trường (nồng độ radon, gamma và liều tích lũy trong không khí; các chỉ tiêu hoạt độ phóng xạ α, β trong mẫu nước); Dữ liệu bổ sung lên bản đồ GIS được nâng cấp cải tiến giao diện để theo dõi</p>	400.0	
---	--	------	--	---	---	---	-------	--

2	Nhiệm vụ: Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia tỉnh Bình Định năm 2020	TTPT		Hỗ trợ và phát triển Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2020	Chi hoạt động thương xuyên; Thành lập, xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng tư vấn và đầu tư khởi nghiệp tỉnh Bình Định; Xây dựng Đề án thành lập Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Tổ chức Cuộc thi Khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Bình Định năm 2020; Tổ chức Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bình Định lần thứ 2 năm 2020 (Kết hợp Tổ chức Hội thảo chuyên đề “Đánh giá thực trạng phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020”); Tổ chức các hoạt động truyền thông về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh; Tổ chức tập huấn, đào tạo về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho các đối tượng trong toàn tỉnh và các dự án khởi nghiệp; Tham gia sự kiện Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam – Techfest năm 2020; Tham gia các hoạt động kết nối cộng đồng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Chi phí quản lý	Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng tư vấn và đầu tư khởi nghiệp Bình Định; Đề án thành lập Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; 10 dự án khởi nghiệp xuất sắc được chọn và các hồ sơ kèm theo; hoàn thành các lớp đào tạo; Báo cáo tổng kết nhiệm vụ; 01 bài báo về hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp tại tỉnh Bình Định.	886.0	
3	Nâng cao NSCL sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh giai đoạn 2011-2020	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng					308	

4	Xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với 20 UBND cấp xã thuộc các huyện Phù Cát, Vĩnh Thạnh, Hoài Ân, Ân Lão	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng					409	
5	Kế hoạch thực hiện Đề án: " Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025. định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh.	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng					135	
6	Kế hoạch thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc tại tỉnh Bình Định (theo Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc)	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng					193	

7	Bảo tồn và lưu giữ một số nguồn gen Thực vật và Vi sinh vật.	Trung tâm Thông tin-ứng dụng KH&CN Bình Định		Bảo tồn các giống cây trồng và vi sinh vật có giá trị kinh tế, đặc hữu nhằm đề chủ động nguồn giống phục vụ công tác nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ và xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn và lưu giữ các giống cây trồng invitro trong phòng nuôi cấy mô tế bào thực vật - Bảo tồn và lưu giữ chủng giống vi sinh Giống Bạch đàn (giống: UP54), giống Hoa Đồng tiền 2 giống , 1 giống Hoa chuông, Lan Đại châu An Lão, 1 giống Keo lai (giống AH7), Ba kích tím 1 giống, 3 Chủng Trichoderma asperelium, Bacillus amyloliquefaciens, Bacillus subtilis, Bacillus siamensis, Bacillus tequilensis, Bacillus velezensis, Bacillus velezensis, Lactobacillus acidophilus, Lactobacillus acidophilus, Rhyzopus sp. -Chăm sóc các giống cây đầu dòng -Lưu giữ các giống nấm tại Xưởng sản xuất 	<p>Mẫu dạng chồi cây gồm 1 giống Bạch đàn (giống: UP54) , 3 giống Hoa Đồng tiền 2 giống , 1 giống Hoa chuông, Lan Đại châu An Lão, 1 giống Keo lai (giống AH7), Ba kích tím 1 giống, 3 Chủng Trichoderma asperelium, Bacillus amyloliquefaciens, Baccillus subtilis, Bacillus siamensis, Bacillus tequilensis, Bacillus velezensis, Bacillus velezensis, Lactobacillus acidophilus, Lactobacillus acidophilus, Rhyzopus sp. 200 chậu Hoa chuông, 600 chậu Hoa Đồng tiền, 1 giống Hồng chi, Bào ngư , Hoàng đế, tRân Châu Năm Rom, Calocybe indica.</p> <p>- Báo cáo tổng kết nhiệm vụ được hội đồng thông qua.</p>	399.99	2020
---	--	--	--	--	--	--	--------	------

8	Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp tỉnh Bình Định (giai đoạn 2016-2020)	Trung tâm Thông tin-ứng dụng KH&CN Bình Định		<p>- Hỗ trợ một phần kinh phí cho Công ty TNHH thương mại - xây dựng T.M.N ứng dụng công nghệ Hệ thống khung tích hợp sản xuất, lắp đặt nhà thép siêu nhẹ.</p> <p>- Hỗ trợ Công ty Cổ phần môi trường đô thị Quy Nhơn ứng dụng Công nghệ sinh học xử lý vấn đề liên quan đến ô nhiễm môi trường.</p> <p>- Xây dựng Mô hình thực nghiệm Khoa học và Công nghệ tại Trạm thực nghiệm khoa học và công nghệ thuộc Trung tâm Thông tin - Ứng dụng khoa học và công nghệ Bình Định;</p> <p>- Xây dựng Đề án quy hoạch tổng thể và định hướng phát triển cho Trạm nghiên cứu thực nghiệm Khoa học và Công nghệ, giai đoạn 2020-2025;</p> <p>- Hỗ trợ cho 15 doanh nghiệp trong tỉnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động</p>	<p>- Hỗ trợ một phần kinh phí cho Công ty TNHH thương mại - xây dựng T.M.N ứng dụng công nghệ sản xuất, lắp đặt nhà thép siêu nhẹ (LGS) theo công nghệ mới của Mỹ.</p> <p>- Hỗ trợ Công ty Cổ phần môi trường đô thị Quy Nhơn ứng dụng Công nghệ sinh học xử lý vấn đề liên quan đến ô nhiễm môi trường.</p> <p>Cải tạo hồ nước để xây dựng Mô hình thực nghiệm Khoa học và Công nghệ tại Trạm nghiên cứu, thực nghiệm khoa học và công nghệ Xây dựng Đề án quy hoạch tổng thể và định hướng phát triển cho Trạm nghiên cứu thực nghiệm Khoa học và Công nghệ, giai đoạn 2020-2025</p> <p>Hỗ trợ doanh nghiệp trong tỉnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp</p> <p>Tổng kết kết quả thực hiện Dự án: “Khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp của tỉnh Bình Định, giai đoạn 2016 – 2020”; Xây dựng dự thảo Kế hoạch thực hiện Dự án: “Khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển</p>	<p>Hỗ trợ cho Công ty TNHH thương mại - xây dựng T.M.N ứng dụng công nghệ Hệ thống khung tích hợp sản xuất, lắp đặt nhà thép siêu nhẹ, Công ty Cổ phần môi trường đô thị Quy Nhơn ứng dụng Công nghệ sinh học xử lý vấn đề liên quan đến ô nhiễm môi trường.</p> <p>Hồ nước được cải tạo nhằm đáp ứng xây dựng mô hình thực nghiệm KH&NC tại Trạm thực nghiệm KH&CN,.</p> <p>01 phần mềm hỗ trợ cho 15 doanh nghiệp trong tỉnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp</p> <p>- Báo cáo tổng kết nhiệm vụ được hội đồng thông qua.</p>	400	2020
---	---	--	--	---	---	--	-----	------

9	Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Bình Định năm 2020	Trung tâm Thông tin-ứng dụng KH&CN Bình Định		<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo chuyên gia về tài sản trí tuệ tại TP. Hồ Chí Minh. - Tư vấn, hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp cho 01 sáng chế/giải pháp hữu ích. - Hỗ trợ tra cứu thông tin cho 01 nhãn hiệu đăng ký quốc tế. - Tổng kết kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn 2017 – 2020 đã được UBND phê duyệt tại Quyết định số 4560/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 	<p>Cử 01 nhân sự tham gia khoá đào tạo</p> <p>“Quản trị viên tài sản trí tuệ năm 2020” ở cấp độ “Chuyên viên tài sản trí tuệ” tại thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>Tư vấn, hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp cho "Máy tạo xung làm ngắt trong xử lý cá ngừ đại dương” của Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây lắp Hùng Vương</p> <p>Hỗ trợ, tra cứu thông tin cho 01 sản phẩm đăng ký nhãn hiệu quốc tế</p> <p>Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn 2017 – 2020 đã được UBND phê duyệt tại Quyết định số 4560/QĐ-UBND ngày 08/12/2017.</p>	<p>Giấy chứng nhận đào tạo chuyên viên tài sản trí tuệ tại thành phố Hồ Chí Minh. Báo cáo Tư vấn, hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp cho giải pháp "Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy tạo xung làm ngắt trong xử lý cá ngừ đại dương” của Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây lắp Hùng Vương, Báo cáo Hỗ trợ, tra cứu thông tin cho 01 sản phẩm đăng ký nhãn hiệu quốc tế.</p> <p>- Báo cáo tổng kết nhiệm vụ được hội đồng thông qua.</p>	150	2020
---	---	--	--	--	--	---	-----	------

10	Chương trình chuyển giao, ứng dụng công nghệ sinh học	Trung tâm Thông tin-ứng dụng KH&CN Bình Định		<p>Sản xuất chế phẩm sinh học có khả năng xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi và xây dựng mô hình xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi nhằm giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường tại một số điểm nóng trên địa bàn tỉnh</p> <p>.Hoàn thiện một số thủ tục chuẩn bị đăng ký lưu hành bộ chế phẩm sinh học (BIDI-AGRI và BIDI-AQUA) phục vụ nuôi trồng thủy sản tại Bình Định</p>	<p>Ứng dụng Công nghệ sinh học (CNSH) xử lý ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt gây ra ở một số điểm nóng trên địa bàn tỉnh.Hoàn thiện một số thủ tục chuẩn bị đăng ký lưu hành bộ chế phẩm sinh học (BIDI-AGRI và BIDI-AQUA) phục vụ nuôi trồng thủy sản tại Bình Định</p>	<p>03 Mô hình xử lý ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi gây ra tại một số điểm nóng trên địa bàn tỉnh, 02 bộ TCCS CPSH BIDI-AGRI làm thức ăn bổ sung cho thủy sản và CPSH BIDI-AQUA xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, Bộ bao bì, nhãn chế phẩm sinh học BIDI-AGRI làm thức ăn bổ sung cho thủy sản và chế phẩm sinh học BIDI-AQUA xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.</p> <p>- Báo cáo tổng kết nhiệm vụ được hội đồng thông qua.</p>	310.70	2020
11	Ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2020	Trung tâm Thông tin-ứng dụng KH&CN Bình Định		<p>Hoàn thiện quy trình sản xuất một số sản phẩm: nước bưởi bổ sung lợi khuẩn và đưa vào sản xuất thử nghiệm, trà túi lọc đình lăng nhằm nâng cao giá trị và đa dạng hóa một số sản phẩm tại trung tâm. Báo cáo, tuyên truyền kết quả nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống và nuôi trồng nấm Sữa (Calocybe indica) tới các tổ chức và người dân trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p>	<p>Hoàn thiện quy trình sản xuất nước bưởi bổ sung lợi khuẩn</p> <p>Hoàn thiện quy trình sản xuất trà túi lọc đình lăng</p> <p>Hội thảo tập huấn kỹ thuật nhân giống và nuôi trồng nấm Sữa.</p> <p>Quy trình chế biến trà túi lọc đình lăng.Sản phẩm trà túi lọc đình lăng 500 hộp</p>	<p>Quy trình sản xuất nước bưởi bổ sung lợi khuẩn , 300 chai Sản phẩm nước bưởi bổ sung lợi khuẩn đóng chai 250ml, Bộ tiêu chuẩn cơ sở của nước bưởi bổ sung lợi khuẩn. Quy trình chế biến trà túi lọc đình lăng.Sản phẩm trà túi lọc đình lăng 500 hộp.Bộ tiêu chuẩn cơ sở của trà túi lọc đình lăng.</p> <p>- Báo cáo tổng kết nhiệm vụ được hội đồng thông qua.</p>	300	2020

12	Hỗ trợ lắp đặt và vận hành hệ thống năng lượng sạch, thân thiện môi trường tại tỉnh Bình Định	Trung tâm Thông tin-ứng dụng KH&CN Bình Định		<p>- Hỗ trợ lắp đặt, vận hành Hệ thống Pin năng lượng mặt trời áp mái, với công suất 10 kWp cho một đơn vị hành chính cấp xã (UBND xã Nhơn Phong - Thị xã An Nhơn).</p> <p>(Xã đi đầu hoàn thành Nông thôn mới, có hơn 380 cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh tập trung trên địa bàn – là nơi có nhu cầu sử dụng điện năng rất lớn, có kinh phí đối ứng để triển khai mô hình).</p> <p>- Hỗ trợ lắp đặt, vận hành Hệ thống Pin năng lượng mặt trời áp mái, với công suất 6 kWp cho một trường học trên địa bàn tỉnh (Trường Tiểu học xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn).</p>	<p>Khảo sát hiện trạng, đề xuất giải pháp kỹ thuật. Xây dựng mô hình năng lượng sạch, thân thiện môi trường 10 kWp (pin năng lượng mặt trời áp mái) cho UBND xã Nhơn Phong, Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Xây dựng mô hình năng lượng sạch, thân thiện môi trường 6 kWp (pin năng lượng mặt trời áp mái) cho trường Tiểu học xã Nhơn Phong, Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Theo dõi số liệu, giám sát vận hành hệ thống và đánh giá hiệu quả của mô hình</p>	<p>01 Mô hình năng lượng sạch, thân thiện môi trường tại một Ủy ban nhân dân xã trên địa bàn tỉnh Bình Định với công suất 10kWp , 01 Mô hình năng lượng sạch, thân thiện môi trường tại một trường tiểu học hoặc Trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Định với công suất 6kWp.</p> <p>- Báo cáo tổng kết nhiệm vụ được hội đồng thông qua.</p>	293.199	2020
----	---	--	--	---	---	--	---------	------

13	<p>Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho một số doanh nghiệp xuất khẩu sản lát và tinh bột sắn trên địa bàn tỉnh Bình Định</p>	<p>Trung tâm Thông tin-ứng dụng KH&CN Bình Định</p>		<p>- Xây dựng hệ thống phần mềm truy xuất nguồn gốc có khả năng kết nối dữ liệu vào Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc hàng hóa Quốc gia, hỗ trợ cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu sản lát và tinh bột sắn trên địa bàn tỉnh Bình Định. - Hỗ trợ, nâng cao năng lực cho một số doanh nghiệp trong việc truy xuất nguồn gốc phục vụ xuất khẩu sản lát và tinh bột sắn trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p>	<p>Khao sát, thu thập thông tin, nắm bắt yêu cầu về truy xuất nguồn gốc đối với lĩnh vực xuất khẩu sản lát và tinh bột sắn của 20 doanh nghiệp sản xuất sản lát và tinh bột sắn trên địa bàn tỉnh; đồng thời lựa chọn 04 doanh nghiệp có số lượng hàng xuất khẩu lớn nhất - Thực hiện điều tra 20 doanh nghiệp sản xuất sản lát và tinh bột sắn trên địa bàn tỉnh trong 10 ngày. - Tổng hợp, xử lý, phân tích và đánh giá phục vụ cho việc lựa chọn doanh nghiệp cần hỗ trợ và biên tập thông tin. Xây dựng hệ thống phần mềm truy xuất nguồn gốc hàng hóa. Hệ thống phần mềm có các đặc điểm sau: Thu thập hình ảnh, tài liệu, video... biên tập thành bài viết phục vụ cho truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho 04 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hỗ trợ nhập dữ liệu trên phần mềm truy xuất nguồn gốc, nhập và quản trị thông tin hàng hóa cho 04 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Dữ liệu truy xuất nguồn gốc Hội thảo khoa học lấy ý kiến</p>	<p>Phiếu điều tra, khảo sát trên 30 tiêu chí. Thực hiện khảo sát, thu thập thông tin, nắm bắt yêu cầu về truy xuất nguồn gốc đối với lĩnh vực xuất khẩu sản lát và tinh bột sắn của 20 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hệ thống phần mềm truy xuất nguồn gốc hàng hóa có bản quyền, có khả năng kết nối dữ liệu vào Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc hàng hóa Quốc gia, Hệ thống phần mềm truy xuất nguồn gốc hàng hóa có bản quyền, có khả năng kết nối dữ liệu vào Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc hàng hóa Quốc gia, Hình ảnh, tài liệu, video... được biên tập thành bài viết phục vụ cho truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho 04 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. , Đào tạo, hướng dẫn cho doanh nghiệp sử dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc. Hình ảnh, tài liệu, video... được biên tập thành bài viết phục vụ cho truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho 04 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. - Báo cáo tổng kết nhiệm vụ được hội đồng thông qua.</p>	360	2020
----	--	---	--	---	---	---	-----	------

14	Xác định tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị tỉnh Bình Định, giai đoạn 2015 – 2019	Trung tâm Thông tin-ứng dụng KH&CN Bình Định		Xác định được tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị tỉnh Bình Định, giai đoạn 2015 – 2019 (tính toán theo Quyết định số 3371/QĐ-BKHHCN ngày 24/11/2015).	Nghiên cứu xây dựng quy trình, phương án thu thập thông tin. Báo cáo xác định Tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị giai đoạn 2015 – 2019 . Hội thảo về tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị tỉnh Bình Định, giai đoạn 2015 - 2019	3 Báo cáo phương án thu thập thông tin, 3Báo cáo xác định Tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị giai đoạn 2015 – 2019. Hội thảo khoa học	79.99	2020
15	Phát triển thị trường khoa học và công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2020	Trung tâm Thông tin-ứng dụng KH&CN Bình Định		<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đăng ký chứng nhận 02 doanh nghiệp KH&CN, hướng dẫn 02 doanh nghiệp viết đề tài nghiên cứu KH&CN, thương mại hóa các sản phẩm của Trung tâm Thông tin - Ứng dụng KH&CN. - Tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ Phát triển thị trường KH&CN và doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2017 - 2020 và xây dựng Chương trình Phát triển thị trường KH&CN và doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đăng ký chứng nhận 02 doanh nghiệp KH&CN. - Quản trị, phát triển sản phẩm dịch công nghệ. - Hướng dẫn 02 doanh nghiệp viết thuyết minh đề tài nghiên cứu KH&CN. - Hỗ trợ marketing sản phẩm của Trung tâm Thông tin - Ứng dụng KH&CN để thương mại hóa. - Tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2017 - 2020. - Xây dựng Chương trình Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh Bình Định 2021 - 2025. 	02 doanh nghiệp được chứng nhận là doanh nghiệp KH&CN, Quản trị, phát triển sản phẩm dịch công nghệ doanh nghiệp và khoảng 50 công nghệ/thiết bị chào bán trên sàn công nghệ được chuyên hóa.02 thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học,Hỗ trợ thương mại hóa các sản phẩm của Trung tâm Thông tin - Ứng dụng KH&CN.Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ Phát triển thị trường KH&CN và doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2017 - 2020 và Chương trình Phát triển thị trường KH&CN và doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025	200	2020

16	<p>Đề án phát triển nguồn tin KH&CN phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển.</p>	<p>Trung tâm Thông tin-ứng dụng KH&CN Bình Định</p>		<p>Tiếp tục phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh nhằm cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin tri thức KH&CN trong nước và quốc tế, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.</p>	<p>Số hóa toàn văn các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Cập nhật thông tin toàn văn đã số hóa vào thư viện điện tử. Nghiên cứu, tìm kiếm, chọn lọc và cập nhật dữ liệu vào thư viện KH&CN Xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về sở hữu trí tuệ tích hợp vào Thư viện KH&CN Tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử KH&CN cho người dùng tin Ứng dụng zalo để trong công tác quảng bá và tuyên truyền về cơ sở dữ liệu KH&CN cho các huyện Bổ sung máy chiếu hỗ trợ công tác hướng dẫn khai thác nguồn tin.</p>	<p>Nguồn tin khoa học và công nghệ năm 2020 (toàn văn các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN và các tài liệu KH&CN sưu tầm). Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về sở hữu trí tuệ .Tài khoản Zalo OfficialTài liệu tập huấn hướng dẫn sử dụng thư viện KH&CN</p>	200	2020
17	<p>Ứng dụng CNTT vào quản lý hoạt động KH&CN, gắn kết với cấp huyện và doanh nghiệp năm 2020</p>	<p>Trung tâm Thông tin-ứng dụng KH&CN Bình Định</p>		<p>Hội thảo Tổng kết đánh giá nhiệm vụ "Ứng dụng CNTT vào quản lý hoạt động KH&CN, gắn kết cấp huyện và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020" - Quản trị, duy trì và bảo trì hệ thống để đảm bảo các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các huyện và các phòng chuyên môn tra cứu và thực hiện các nghiệp vụ.</p>	<p>Hội thảo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ "Ứng dụng CNTT vào quản lý hoạt động KH&CN, gắn kết cấp huyện và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020". Quản trị, duy trì và bảo trì hệ thống Thêm menu "Hệ thống theo dõi thực hiện chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh" chi đến đường link theoichidao.binhdinhh.vn Xây dựng báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>Báo cáo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ đến năm 2020", Quản trị, bảo trì và duy trì hệ thống phần mềm quản lý ngành, Menu "Hệ thống theo dõi thực hiện chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh"</p>	70	2020

18	Dự án khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển các sản phẩm đặc trưng tỉnh Bình Định năm 2020	Trung tâm Thông tin-ứng dụng KH&CN Bình Định		<p>- Hỗ trợ quản lý và phát triển NHTT Nếp bầu Chánh Trạch đã được bảo hộ;</p> <p>- Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc cho 02 sản phẩm mang nhãn hiệu đã được bảo hộ;</p> <p>- Tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ Dự án khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển các sản phẩm đặc trưng của tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2020;</p> <p>- Xây dựng Chương trình nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025 (trên cơ sở hai nhiệm vụ “Dự án khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển các sản phẩm đặc trưng của tỉnh Bình Định” và “Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Bình Định”). □</p>	<p>Hỗ trợ quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Nếp bầu Chánh Trạch” cho sản phẩm nếp của thôn Chánh Trạch, xã Mỹ Thọ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định;</p> <p>Duy trì tên miền của website dacsan.binhding.vn; □ Hội thảo giới thiệu, lựa chọn giải pháp công nghệ cho hệ thống truy xuất nguồn gốc (theo Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 12/3/2020 của UBND tỉnh Bình Định);</p> <p>Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc cho 02 sản phẩm mang nhãn hiệu đã được bảo hộ;</p> <p>Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Dự án khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển các sản phẩm đặc trưng của tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2020</p> <p>Xây dựng “Chương trình hỗ trợ phát triển Tài sản trí tuệ của tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025”</p> <p>Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Dự án khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển các sản phẩm đặc trưng của tỉnh Bình Định năm 2020.</p>	<p>Hỗ trợ quản lý và phát triển NHTT Nếp bầu Chánh Trạch cho sản phẩm nếp của huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (Ban hành hệ thống văn bản phục vụ cho việc quản lý và phát triển NHTT, quyền sử dụng NHTT cấp cho những tổ chức/cá nhân đủ đủ điều kiện), Tổ chức 01 hội thảo để lựa chọn giải pháp công nghệ về truy xuất nguồn gốc (theo Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 12/3/2020 của UBND tỉnh Bình Định), Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc cho 02 sản phẩm đặc trưng của địa phương mang nhãn hiệu đã được bảo hộ, Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Dự án khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển các sản phẩm đặc trưng của tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2020 và Xây dựng Chương trình hỗ trợ phát triển Tài sản trí tuệ của tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025</p>	400	2020
----	--	--	--	---	---	--	-----	------

19	Nghiên cứu ứng dụng khoa học - kỹ thuật triển khai hệ thống năng lượng tái tạo phục vụ tiết kiệm điện	Trung tâm Thông tin-ứng dụng KH&CN Bình Định		Nghiên cứu ứng dụng khoa học – kỹ thuật triển khai hệ thống năng lượng tái tạo phục vụ tiết kiệm điện	Lắp đặt mô hình năng lượng tái tạo công suất 30 kWp tại trạm nghiên cứu thực nghiệm khoa học và công nghệ Nhiệm vụ Nghiên cứu ứng dụng khoa học – kỹ thuật triển khai hệ thống năng lượng tái tạo phục vụ tiết kiệm điện	01 Hệ thống năng lượng tái tạo phục vụ tiết kiệm điện.- Báo cáo tổng kết nhiệm vụ được hội đồng thông qua.	452	2020
20	Nghiên cứu chế tạo mô hình nhà kính thông minh ứng dụng công nghệ IoT phục vụ phổ biến khoa học	Trung tâm Khám phá khoa học		Giới thiệu đến công chúng và học sinh, sinh viên về hệ thống nông nghiệp công nghệ cao đang được ứng dụng phổ biến tại các nước tiên tiến trên thế giới, phục vụ phổ biến khoa học tại Trung tâm Khám phá khoa học.	- Xây dựng 01 mô hình nhà kính thông minh với diện tích 20 m2 ứng dụng Internet kết nối vạn vật (IoT). - Xây dựng 01 bộ tài liệu giới thiệu và video hướng dẫn lắp đặt mô hình nhà kính thông minh; - Xây dựng 01 bài thuyết trình về nông nghiệp công nghệ cao và nhà kính thông minh làm tài liệu phổ biến khoa học tại Trung tâm Khám phá khoa học.	- 01 mô hình nhà kính thông minh 20 m2 . - 01 bộ tài liệu giới thiệu và hướng dẫn lắp đặt mô hình nhà kính thông minh. - 01 bài thuyết trình về nông nghiệp công nghệ cao và nhà kính thông minh. - Báo cáo tổng kết nhiệm vụ.	115	Từ tháng 05 đến tháng 12 năm 2020

21	Tổ chức các khóa đào tạo cho nhân viên Trung tâm Khám phá khoa học năm 2020	Trung tâm Khám phá khoa học			<p>- 01 Lớp thực hành kỹ năng phòng cháy chữa cháy. - 01 Khóa đào tạo sơ cấp cứu. - 01 Khóa đào tạo truyền thông, viết tin bài. - 01 Khóa đào tạo quản trị mạng máy tính và an ninh mạng. - 01 Khóa đào tạo kỹ năng STEM. - 01 Khóa thực hành vận hành và quản lý Đài Quan sát thiên văn (tại thành phố Nhà Trang, tỉnh Khánh Hòa). - 01 Khóa đào tạo quản lý, thiết kế nội dung và thuyết trình nhà chiếu hình vũ trụ (tại thành phố Hà Nội).</p>		167	Từ tháng 5 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020
22	Chủ trương sử dụng kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ tại Trung tâm Khám phá khoa học năm 2020	Trung tâm Khám phá khoa học				<p>Máy Tesla coil công suất lớn; Kính thiên văn vô tuyến; Máy phát tĩnh điện Van de Graaff; Cánh tay ROBOT; Sóng dừng ; Phòng họp trực tuyến,....</p>	535	2020

23	Nghiên cứu chính sách và giải pháp toàn diện phát triển 3 huyện miền núi tỉnh Bình Định.	Viện		Đánh giá những chính sách đã và đang thực hiện đối với 3 huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão từ đó rút ra được những thành tựu, những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân Nghiên cứu những bài học kinh nghiệm phát triển toàn diện vùng dân tộc thiểu số, miền núi Đề xuất giải pháp toàn diện phát triển 3 huyện miền núi tỉnh Bình Định	Đánh giá những chính sách đã và đang thực hiện đối với phát triển kinh tế - xã hội ba huyện miền núi trong giai đoạn 2016-2020 Kết quả điều tra khảo sát về tình hình thực hiện những chính sách vùng miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Định Đề xuất giải pháp toàn diện phát triển kinh tế - xã hội ba huyện miền núi tỉnh Bình Định	Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, USB chứa dữ liệu	143	04/2020-12/2020
----	--	------	--	---	---	---	-----	-----------------

24	Đánh giá DDCI tỉnh Bình Định năm 2019	Viện	Thực hiện khảo sát lấy ý kiến của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh cá thể để đánh giá tính sáng tạo và kết quả điều hành của các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố bằng bộ công cụ DDCI. Từ kết quả đó đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại để góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Bình Định trong thời gian tới	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá, hệ thống phần mềm đánh giá, xử lý dữ liệu, công cụ tính điểm DDCI và phiếu điều tra	Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra	90	04/2020-12/2020
----	---------------------------------------	------	---	--	-----------------------------------	----	-----------------